

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG  
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

**NGÀNH ĐÀO TẠO: DƯỢC  
MÃ NGÀNH: 6720201**

*Đồng Tháp, 2020*



## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/QĐ-CĐYT ngày 18 tháng 02 năm 2020  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp)

**Tên ngành, nghề:** DƯỢC

**Mã ngành, nghề:** 6720201

**Trình độ đào tạo:** Cao đẳng

**Hình thức đào tạo:** Liên thông chính quy

**Đối tượng tuyển sinh:** Người học tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành và có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

### 1. Mục tiêu đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo người Dược sĩ trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt, có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về dược để thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên ngành; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

#### 1.2 Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về vi sinh - kí sinh trùng, giải phẫu sinh lý, bệnh học, hóa học (vô cơ, hữu cơ, hóa phân tích), thực vật dược vào chuyên môn dược;
- Mô tả được vị trí, vai trò, chức năng của lĩnh vực Dược trong hệ thống y tế Việt Nam;
- Trình bày và vận dụng được một số nội dung cơ bản của Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hành nghề dược;
- Trình bày được những đặc điểm chính về dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, chỉ định, tác dụng không mong muốn, chống chỉ định của các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, cách thu hái, chế biến sơ bộ, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng của 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
- Phân tích được vai trò các thành phần trong công thức thuốc;
- Phân biệt được các dạng bào chế và hướng dẫn sử dụng các các dạng bào chế;

- Mô tả được quy trình sản xuất một số dạng thuốc quy ước (thuốc bột, thuốc cốm, viên nén, viên nang, thuốc mỡ, thuốc kem, thuốc nhỏ mắt, thuốc tiêm);
- Phân tích được quy trình quản lý điều hành tổ sản xuất và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng;
- Trình bày quy định lấy mẫu, lưu mẫu kiểm nghiệm; hủy mẫu kiểm nghiệm và các quy định về môi trường kiểm nghiệm;
- Liệt kê được các chỉ tiêu và mô tả được phương pháp thử trong kiểm nghiệm các dạng bào chế quy ước và nguyên liệu làm thuốc.
- Trình bày hệ thống quản lý chất lượng thuốc tại Việt Nam và các quy định đảm bảo chất lượng
- Trình bày và vận dụng được các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt (bao gồm: GMP, GSP, GPP, GLP) trong thực hành nghề nghiệp
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Trình bày được các quy định về sắp xếp, bảo quản thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và vật tư y tế;
- Phát hiện được các tương tác thuốc thường gặp và đưa ra biện pháp hạn chế tương tác bất lợi;
- Phân tích được được chế độ sử dụng thuốc phù hợp cho từng đối tượng cụ thể: trẻ em, người trưởng thành, người cao tuổi, phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú ... và các ca lâm sàng từ đó có tư vấn hợp lý.
- Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các quy luật và nguyên tắc cơ bản của quản lý kinh tế dược và quản trị kinh doanh dược, marketing dược trong hành nghề;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 1.2.2. Về kỹ năng

- Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng;
- Tìm kiếm, thu thập, xử lý thông tin, viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán với ngôn ngữ, cách thức và thời lượng phù hợp;
- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các thuốc hóa dược, vắc xin, sinh phẩm và 100 vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu an toàn, hiệu quả, hợp lý;
- Sản xuất, pha chế được một số dạng thuốc, thực phẩm chức năng theo nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP;
- Phân công công việc, giám sát công việc thực hiện của từng thành viên trong tổ sản xuất, kho thuốc, quầy thuốc;
- Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác kiểm nghiệm thuốc, hóa chất, nguyên liệu thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm;
- Lấy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng kiểm nghiệm theo đúng quy định

- Pha chế được một số dung dịch chuẩn, dung dịch gốc, thuốc thử đúng quy định;
- Kiểm nghiệm một số dạng thuốc, dược liệu cơ bản theo tiêu chuẩn Dược Điển;
- Kiểm soát điều kiện môi trường thử nghiệm theo đúng quy định;
- Hủy mẫu thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng theo đúng quy định;
- Thực hiện được các công việc bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ thiết bị cơ bản trong sản xuất, kiểm nghiệm, bảo quản;
- Giám sát được quá trình sản xuất theo đúng quy định;
- Chẩn đoán được những bệnh thông thường dựa vào quá trình khai thác thông tin liên quan đến sức khỏe của bệnh nhân;
- Xác định được các tình huống cần có sự tư vấn của dược sỹ hoặc bác sỹ;
- Tư vấn, lựa chọn, lấy hàng, ra lẻ, tính tiền, nhận tiền và hướng dẫn sử dụng được các thuốc cơ bản đảm bảo an toàn-hiệu quả-hợp lý;
- Sắp xếp, trưng bày, bảo quản thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy định;
- Lập được chiến lược kinh doanh cho quầy thuốc;
- Mua, nhập và kiểm soát chất lượng thuốc, hóa chất, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, dược liệu, vật tư y tế theo đúng quy trình;
- Giao, gửi thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế theo đúng quy định;
- Xử lý được thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế trả về hoặc thu hồi;
- Kiểm tra, kiểm soát thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa chất và dụng cụ y tế về số lượng, chất lượng và hạn sử dụng;
- Lập được kế hoạch cung ứng, bảo quản, cấp phát, sử dụng thuốc, hóa chất, nguyên liệu, vật tư y tế tiêu hao;
- Thu thập và báo cáo các phản ứng có hại của thuốc (ADR);
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề;

### 1.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình thao tác chuẩn (SOP), GPs và ISO trong lĩnh vực dược phẩm;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;
- Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng các trang thiết bị trong ngành dược;
- Chịu trách nhiệm quá trình kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm – thực phẩm;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng thuốc trong quá trình sản xuất, bảo quản, tồn trữ, vận chuyển, cấp phát, bán thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm chức năng - vật tư y tế

thông thường - dược liệu - hóa chất;

- Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn, mua sắm, cấp phát, hướng dẫn sử dụng thuốc – mỹ phẩm – thực phẩm an toàn, hợp lý, hiệu quả;

- Có khả năng làm việc độc lập hoặc tổ chức làm việc theo nhóm;

- Có khả năng giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo qui định của pháp luật, trung thực, khách quan; giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành;

- Hướng dẫn giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ.

### 1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - thực phẩm;

- Đảm bảo chất lượng;

- Bán lẻ thuốc;

- Thực hiện công tác kho dược và vật tư y tế;

- Thủ kho dược và vật tư y tế;

- Kinh doanh dược phẩm;

- Sản xuất thuốc;

- Thực hiện công tác dược tại cơ sở y tế

## 2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 27 (có 01 môn học tự chọn)

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 46 tín chỉ (1200 giờ)

- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 390 giờ.

- Khối lượng các môn học chuyên môn: 810 giờ.

- Khối lượng Lý thuyết: 525 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 675 giờ.

### 3. Nội dung chương trình

#### 3.1. Bảng đối chiếu chương trình khung

CAO ĐẲNG CQ							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LT					
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TC	TS	LT	TH	KT	
	<b>Các môn học đại cương</b>																
1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5	Chính trị	2	30	23	7	2	45	26	16	3	
2	Tiếng Anh cơ bản	6	120	42	72	6	Ngoại ngữ	5	60	29	29	1	30	12	16	2	
3	Tin học	3	75	15	58	2	Tin học	2	30	15	15	1	30	0	29	1	
4	Pháp luật	2	30	18	10	2						1	15	9	5	1	
5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4	GDTC	2	30	4	26	1	30	1	27	2	
6	Giáo dục quốc phòng và an ninh	3	75	36	35	4	GDQP-AN	2	45	20	25	1	30	15	14	1	
7	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2						2	50	19	29	2	
8	Sinh học và di	1	20	19	0	1						1	20	19	0	1	

CAO ĐẲNG CQ							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LT				
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TC	TS	LT	TH	KT
	truyền															
9	Tiếng anh chuyên ngành Dược	2	40	39	0	1						2	40	39	0	1
10	Hóa đại cương và vô cơ	2	50	19	29	2						2	50	19	29	2
11	Hóa hữu cơ	2	50	19	29	2						2	50	19	29	2
	<b>Tổng</b>	<b>29</b>	<b>645</b>	<b>272</b>	<b>342</b>	<b>31</b>						<b>16</b>	<b>390</b>	<b>178</b>	<b>194</b>	<b>18</b>
	<b>Các môn học chuyên môn ngành</b>															
	<b>Các môn học cơ sở ngành</b>															
12	Giải phẫu và sinh lý	3	70	39	29	2	Giải phẫu sinh lý	6	120	60	60					
13	Vi sinh vật và kỹ sinh trùng	2	50	19	29	2						2	50	19	29	2
14	Hóa phân tích	3	70	39	29	2	Hóa phân tích	6	120	60	60					



CAO ĐẲNG CQ							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LT				
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TC	TS	LT	TH	KT
15	Hóa sinh	2	50	19	29	2						2	50	19	29	2
16	Dược lý 1	4	90	59	29	2						3	70	39	29	2
17	Dược lý 2	3	70	39	29	2										
18	Bệnh học	2	40	39	0	1						2	40	39	0	1
19	Thực vật dược	3	70	39	29	2	Thực vật	3	60	30	30					
	<b>Tổng</b>	<b>22</b>	<b>510</b>	<b>292</b>	<b>203</b>	<b>15</b>							<b>210</b>	<b>116</b>	<b>87</b>	<b>7</b>
<b>Các môn học chuyên môn</b>																
20	Bào chế	4	90	59	29	2	Bào chế	8	165	75	90	2	50	19	29	2
21	Hóa dược	3	70	39	29	2	Hóa dược- dược lý	11	195	135	60	1	20	19	0	1
22	Dược liệu	4	90	59	29	2	Dược liệu	6	120	60	60	3	70	39	29	2
23	Kiểm nghiệm	3	70	39	29	2	Kiểm nghiệm	4	75	45	30	2	50	19	29	2

CAO ĐẲNG CQ							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LT				
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TC	TS	LT	TH	KT
24	Dược lâm sàng	2	40	39	0	1	Dược lâm sàng	6	150	60	90	2	40	39	0	1
25	Thực tập dược lâm sàng	3	135	0	132	3						2	90	0	88	2
26	Kinh tế dược	3	60	58	0	2	Marketing dược	2	30	0	30	1	20	19	0	1
27	Pháp chế dược	2	40	39	0	1	PL- TC-QLD	2	30	28	2	1	20	19	0	1
28	Dược xã hội học	2	40	39	0	1										
29	Quản lý và tồn trữ thuốc	2	50	19	29	2										
30	Đảm bảo chất lượng thuốc	2	40	39	0	1						1	20	19	0	1
31	Thực tập nghề nghiệp 1	5	225	0	223	2	Thực tập tốt nghiệp 1	16	725		725					
32	Thực tập nghề nghiệp 2	3	135	0	133	2										

CAO ĐẲNG CQ							TRUNG CẤP					CAO ĐẲNG LT				
TT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	KT	MÔN HỌC	TC	TS	LT	TH	TC	TS	LT	TH	KT
33	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	267	3						2	90	0	88	2
34	Báo cáo tốt nghiệp	3	135	0	135	0						2	90	0	90	0
35	Chăm sóc dược	2	40	39	0	1						2	40	39	0	1
36	Kỹ năng bán hàng – Marketing dược	2	40	39	0	1						2	40	39	0	1
	<b>Tổng</b>	<b>49</b>	<b>1530</b>	<b>468</b>	<b>1035</b>	<b>27</b>						<b>21</b>	<b>600</b>	<b>231</b>	<b>353</b>	<b>16</b>
	<b>Tổng chung</b>	<b>100</b>	<b>2685</b>	<b>1032</b>	<b>1580</b>	<b>73</b>						<b>46</b>	<b>1200</b>	<b>525</b>	<b>634</b>	<b>41</b>

### 3.2. Chương trình khung cao đẳng liên thông

TT	Mã Môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH, TT, BT, TL	Kiểm tra
<b>I</b>		<b>Các môn học chung/ đại cương</b>					
1	MH6301L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
2	MH6302L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
3	MH6303L	Tin học	1	30	0	29	1
4	MH6304L	Pháp luật	1	15	9	5	1
5	MH6305L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
6	MH6306L	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
7	MH6307L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
8	MH6308L	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
9	MH6309L	Tiếng anh chuyên ngành Dược	2	40	39	0	1
10	MH6310L	Hóa đại cương và vô cơ	2	50	19	29	2
11	MH6311L	Hóa hữu cơ	2	50	19	29	2
<b>Tổng</b>			<b>16</b>	<b>390</b>	<b>178</b>	<b>194</b>	<b>18</b>
<b>II</b>		<b>Các môn học chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>		<b>Môn học cơ sở ngành</b>					
12	MH6312L	Vì sinh vật và ký sinh trùng	2	50	19	29	2
13	MH6313L	Hóa sinh	2	50	19	29	2
14	MH6314L	Bệnh học	2	40	39	0	1
15	MH6315L	Dược lý	3	70	39	29	2
<b>Tổng</b>			<b>9</b>	<b>210</b>	<b>116</b>	<b>87</b>	<b>7</b>
<b>II.2</b>		<b>Các môn học chuyên môn</b>					
16	MH6316L	Bào chế	2	50	19	29	2
17	MH6317L	Hóa dược	1	20	19	0	1
18	MH6318L	Dược liệu	3	70	39	29	2
19	MH6319L	Kiểm nghiệm	2	50	19	29	2
20	MH6320L	Dược lâm sàng	2	40	39	0	1
21	MH6321L	Thực tập dược lâm sàng	2	90	0	88	2
22	MH6322L	Kinh tế dược	1	20	19	0	1
23	MH6323L	Đảm bảo chất lượng thuốc	1	20	19	0	1
24	MH6324L	Pháp chế dược	1	20	19	0	1

TT	Mã Môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH, TT, BT, TL	Kiểm tra
25	MH6325L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	88	2
26	MH6326L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
		<b>Tổng</b>	<b>19</b>	<b>560</b>	<b>192</b>	<b>353</b>	<b>15</b>
	<b>III.3</b>	<b>Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn học)</b>					
27	MH6327L	Chăm sóc dược	2	40	39	0	1
28	MH6328L	Kỹ năng bán hàng – Marketing dược	2	40	39	0	1
		<b>Tổng</b>	<b>2</b>	<b>40</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>1</b>
		<b>TỔNG CHUNG</b>	<b>46</b>	<b>1200</b>	<b>525</b>	<b>634</b>	<b>41</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

**4.1. Các môn học chung bắt buộc** do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

#### 4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Đoàn thanh niên và Phòng Công tác sinh viên phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa cụ thể theo tình hình thực tế của từng năm học và công bố vào đầu mỗi năm học.

#### 4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thi kết thúc học phần

- Hình thức thi: thi tập trung, câu hỏi tự luận hoặc trắc nghiệm MCQ.
- Thời điểm thi: Sau khi kết thúc việc dạy và học môn học.

#### 4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Dược và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và kết quả Báo cáo tốt nghiệp đạt yêu cầu để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành theo quy định hiện hành.

#### 5. Kế hoạch giảng dạy trong 2 năm

Stt	Mã môn học	Tên học môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH, TT, BT, TL	Kiểm tra
<b>Học kỳ I</b>							
1	MH6303L	Tin học	1	30	0	29	1
2	MH6305L	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
3	MH6306L	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
4	MH6308L	Sinh học và di truyền	1	20	19	0	1
5	MH6310L	Hóa đại cương và vô cơ	2	50	19	29	2
6	MH6311L	Hóa hữu cơ	2	50	19	29	2
7	MH6312L	Vì sinh vật - ký sinh trùng	2	50	19	29	2
8	MH6314L	Bệnh học	2	40	39	0	1
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>	<b>300</b>	<b>131</b>	<b>157</b>	<b>12</b>
<b>Học kỳ II</b>							
9	MH6301L	Giáo dục chính trị	2	45	26	16	3
10	MH6302L	Tiếng Anh cơ bản	1	30	12	16	2
11	MH6304L	Pháp luật	1	15	9	5	1
12	MH6307L	Xác suất và thống kê y học	2	50	19	29	2
13	MH6309L	Tiếng Anh chuyên ngành Dược	2	40	39	0	1
14	MH6313L	Hóa sinh	2	50	19	29	2
15	MH6317L	Hóa dược	1	20	19	0	1
16	MH6322L	Kinh tế dược	1	20	19	0	1
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>	<b>270</b>	<b>162</b>	<b>95</b>	<b>13</b>
<b>Học kỳ III</b>							
17	MH6315L	Dược lý	3	70	39	29	2
18	MH6319L	Kiểm nghiệm	2	50	19	29	2
19	MH6318L	Dược liệu	3	70	39	29	2
20	MH6320L	Dược lâm sàng	2	40	39	0	1
21	MH6321L	Thực tập dược lâm sàng	2	90	0	88	2
<b>Tổng cộng</b>			<b>12</b>	<b>320</b>	<b>136</b>	<b>175</b>	<b>9</b>
<b>Học kỳ IV</b>							
22	MH6324L	Pháp chế dược	1	20	19	0	1
23	MH6316L	Bào chế	2	50	19	29	2
24	MH6323L	Đảm bảo chất lượng thuốc	1	20	19	0	1
25	MH6327L/ MH6328L	Môn học tự chọn	2	40	39	0	1
26	MH6325L	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	88	2
27	MH6326L	Báo cáo tốt nghiệp	2	90	0	90	0
<b>Tổng cộng</b>			<b>10</b>	<b>310</b>	<b>96</b>	<b>207</b>	<b>7</b>

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 1

**Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 2TC; HK II; 45 giờ; (Lý thuyết: 26 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 16 giờ; Kiểm tra 3 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

#### 2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	10	8	2	

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
2	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6	2	
3	Bài 3: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	3	2	1
4	Bài 4: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
5	Bài 5: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	8	3	4	1
6	Bài 6: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	7	3	3	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>45</b>	<b>26</b>	<b>16</b>	<b>3</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội.
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
  - 2.2.1. Triết học Mác - Lênin
  - 2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin
  - 2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học
- 2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

### Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

#### 1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:



- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh**

#### **2.1.1. Khái niệm**

#### **2.1.2. Nguồn gốc**

#### **2.1.3. Quá trình hình thành**

### **2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh**

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

### **2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam**

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

## **Bài 3: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

- 2.1.2. Do nhân dân làm chủ
- 2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp
- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
  - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
  - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
  - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
  - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
  - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
  - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
  - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
  - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

#### **Bài 4: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

##### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

##### **2. Nội dung**

- 2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế
- 2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh
  - 2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh
  - 2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

## **Bài 5: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **2. Nội dung**

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

## **Bài 6: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;

- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **2. Nội dung**

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;

- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

#### **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

#### **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

#### **VII. Một số hướng dẫn khác**

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình Các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 2

**Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 1TC; HK II; 30 giờ; (Lý thuyết: 12 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 16 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

**1. Vị trí:** Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học Tiếng Anh bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

#### 1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

#### 2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt

động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

## III. Nội dung môn học

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	6	3	3	
2	Bài 2: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	6	3	3	
3	Bài 3: Công nghệ (Technology)	6	3	3	
4	Bài 4: Mua sắm (Shopping)	6	3	3	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	6	0	4	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>12</b>	<b>16</b>	<b>2</b>

### 2. Nội dung chi tiết như sau:

#### BÀI 1. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

##### 1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Lễ hội;

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 2. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;

- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;



2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

## **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

## **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

## **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

## **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

## **Bài 3. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;

- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

#### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

#### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

#### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

#### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

#### **2.6. Kỹ năng viết (Writing)**

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

### **Bài 4. MUA SẮM (SHOPPING)**

#### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;

- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

#### **2. Nội dung**

##### **2.1. Từ vựng (Vocabulary)**

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

##### **2.2. Ngữ pháp (Grammar)**

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

##### **2.3. Kỹ năng nghe (Listening)**

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

##### **2.4. Kỹ năng nói (Speaking)**

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

##### **2.5. Kỹ năng đọc (Reading)**

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

## 2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

### Ôn tập và kiểm tra:

- Hướng dẫn thực hành bài tập
- Thực hiện kiểm tra

## IV. Điều kiện thực hiện môn học

### 1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

### 2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

### 3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

### 4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

## **2. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học**

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

### **2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học**

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

### **3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học**

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm

hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

#### **4. Tài liệu tham khảo**

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.
4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 3

**Tên môn học: TIN HỌC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 1TC; HK I; 30 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

**1. Vị trí:** Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

**2. Tính chất:** Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

### II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	2		2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	2		2	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	4		4	
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	15		15	1
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	4		4	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	2		2	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>29</b>	<b>1</b>

#### 2. Nội dung chi tiết

### Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Mục tiêu

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

#### 2. Nội dung

##### 2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

##### 2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

##### 2.1.1.1. Thông tin

##### 2.1.1.2. Dữ liệu

##### 2.1.1.3. Xử lý thông tin

- 2.1.2. Phần cứng
  - 2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm
  - 2.1.2.2. Thiết bị nhập
  - 2.1.2.3. Thiết bị xuất
  - 2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

## **2.2. Phần mềm**

- 2.2.1. Phần mềm hệ thống
- 2.2.2. Phần mềm ứng dụng
- 2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng
- 2.2.4. Phần mềm nguồn mở

## **2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính**

- 2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
- 2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

## **2.4. Mạng cơ bản**

- 2.4.1. Những khái niệm cơ bản
- 2.4.2. Internet, Intranet, Extranet
- 2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng
  - 2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
  - 2.4.3.2. Tốc độ truyền
  - 2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
- 2.4.4. Phương tiện truyền thông
  - 2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
  - 2.4.4.2. Băng thông
  - 2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
- 2.4.5. Download, Upload

## **2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông**

- 2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
- 2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

## **2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông**

- 2.6.1. An toàn lao động
- 2.6.2. Bảo vệ môi trường

## **2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính**

- 2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
- 2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)



## **2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin**

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

## **Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Làm việc với hệ điều hành**

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

#### **2.2. Quản lý thư mục và tập tin**

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

#### **2.3. Sử dụng Control Panel**

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

#### 2.3.4. Programs and Features

### **2.4. Một số phần mềm tiện ích**

#### 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

#### 2.4.2. Phần mềm diệt virus

### **2.5. Sử dụng tiếng Việt**

#### 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

#### 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

#### 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

### **2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin**

### **2.7. Đa phương tiện**

### **2.8. Sử dụng máy in**

#### 2.8.1. Lựa chọn máy in

#### 2.8.2. In

## **Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản**

##### 2.1.1. Khái niệm văn bản.

##### 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

#### **2.2. Sử dụng Microsoft Word**

##### 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

###### 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

###### 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

##### 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

###### 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

###### 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

###### 2.2.2.3. Lưu tập tin

###### 2.2.2.4. Đóng tập tin

##### 2.2.3. Định dạng văn bản

- 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
- 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
  - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
  - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
  - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
  - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
  - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
  - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
  - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
  - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
  - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
- 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
  - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
  - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
  - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

## **Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)**

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

## **2.2. Sử dụng Microsoft Excel**

### 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

#### 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

#### 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

### 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

#### 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

#### 2.2.2.2. Lưu bảng tính

#### 2.2.2.3. Đóng bảng tính

## **2.3. Thao tác với ô**

### 2.3.1. Các kiểu dữ liệu

### 2.3.2. Cách nhập dữ liệu

### 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

#### 2.3.3.1. Xóa dữ liệu

#### 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

## **2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)**

### 2.4.1. Dòng và cột

#### 2.4.1.1. Thêm dòng và cột

#### 2.4.1.2. Xóa dòng và cột

#### 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

#### 2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

### 2.4.2. Trang tính

#### 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

#### 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

#### 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

#### 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

## **2.5. Định dạng ô, dãy ô**

### 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

### 2.5.2. Định dạng văn bản

### 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

## **2.6. Biểu thức và hàm**

### 2.6.1. Biểu thức số học

#### 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

#### 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

#### 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

### 2.6.2. Hàm

- 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
- 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
- 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
- 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
- 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
- 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
- 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
- 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
- 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

## **2.7. Biểu đồ**

- 2.7.1. Tạo biểu đồ
- 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

## **2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính**

- 2.8.1. Trình bày trang tính để in
- 2.8.2. Kiểm tra và in
- 2.8.3. Phân phối trang tính

## **Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình**

- 2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình
- 2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

#### **2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint**

- 2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản
  - 2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint
  - 2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản
  - 2.2.1.3. Các thao tác trên slide
  - 2.2.1.4. Chèn Picture
  - 2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

- 2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt
- 2.2.1.7. Chèn Audio, Video
- 2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình
  - 2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng
  - 2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide
  - 2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn
  - 2.2.2.4. Lặp lại trình diễn
  - 2.2.2.5. In bài thuyết trình

## **Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN**

### **1. Mục tiêu**

*Học xong chương này, người học có khả năng:*

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

### **2. Nội dung**

#### **2.1. Kiến thức cơ bản về Internet**

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

#### **2.2. Khai thác và sử dụng Internet**

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
  - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
  - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
  - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
  - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
  - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
  - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
  - 2.2.2.3. Lưu nội dung
  - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
  - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

- 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
- 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
- 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

### **2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng**

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

### **2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng**

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng**

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

### **2. Trang thiết bị máy móc**

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

### **3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

### **4. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương

binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:

+ Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

+ Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.

3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.

5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.



10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 4

### Tên môn học: PHÁP LUẬT

**Thời gian thực hiện môn học:** 1TC; HK II; 15 giờ (Lý thuyết: 9 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 5 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Pháp luật dân sự	5	3	2	

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
2	Bài 2: Pháp luật hành chính	4	3	1	
3	Bài 3: Pháp luật hình sự	6	3	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>15</b>	<b>9</b>	<b>5</b>	<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự
- 2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự
- 2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự
  - 2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản
  - 2.3.2. Hợp đồng

### Bài 2: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
  - 2.2.1. Vi phạm hành chính
  - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

### Bài 3: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

#### 2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

## 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

### 2.2.1. Tội phạm

### 2.2.2. Hình phạt

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## **V. Phương pháp đánh giá**

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## **VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập**

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Bộ Luật dân sự, 2015.
4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.

10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.
24. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, năm 2018.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 5

**Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 1TC; HKI; 30 giờ (lý thuyết: 01 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất

#### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

#### 2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	<b>Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG</b>	14	0	13	1
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7		7	
2	Bài 2: Điền kinh	7		6	1
B	<b>Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề</b>	16	1	14	1

	<b>sau)</b>				
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	16	1	14	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	16	1	14	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	16	1	14	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	16	1	14	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	16	1	14	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	16	1	14	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	16	1	14	1
	<b>Cộng</b>	<b>30</b>	<b>1</b>	<b>27</b>	<b>2</b>

## **2. Nội dung chi tiết**

### **Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG**

#### **Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN**

##### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

##### **2. Nội dung**

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

#### **Bài 2: ĐIỀN KINH**

##### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

## **2. Nội dung**

### 2.1. Chạy cự ly ngắn

#### 2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

#### 2.1.2. Các động tác kỹ thuật

#### 2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

### 2.2. Chạy cự ly trung bình

#### 2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

#### 2.2.2. Các động tác kỹ thuật

#### 2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

### 2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

#### 2.3.1. Nhảy cao

##### 2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

##### 2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

##### 2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

#### 2.3.2. Nhảy xa

##### 2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

##### 2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

##### 2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

## **Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN**

*(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)*

### **Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

#### **2. Nội dung**

##### 2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

##### 2.2. Các động tác kỹ thuật

##### 2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

##### 2.2.2. Động tác chân và tay

##### 2.2.3. Phối hợp tay - chân

##### 2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

##### 2.2.5. Kỹ thuật xuất phát



2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

## **Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

## **Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

#### **Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ**

##### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

##### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

#### **Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ**

##### **1. Mục tiêu**

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

##### **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ khống chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

#### **Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN**

## **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

## **2. Nội dung**

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

## **Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC**

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

### 3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

## V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

## VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

### Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.

4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.

6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.

7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.

8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 6

**Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện:** 1TC; HK I; 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 14 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

#### 1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

#### 2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

### II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyên thương.

#### 2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

## III. Nội dung môn học

### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
2	Bài 2: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
4	Bài 4: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
5	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	3	6	1
	<b>CỘNG</b>	<b>30</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>1</b>

## **2. Nội dung chi tiết**

### **Bài 1: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

#### **2. Nội dung**

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

### **Bài 2: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

#### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

#### **2. Nội dung**

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc



## 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

## 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

## 2.4. Thảo luận

# **Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM**

## **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

## **2. Nội dung**

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

## **Bài 4: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, CƯỜNG CỐ QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

### **2. Nội dung**

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

## **Bài 5: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH**

### **1. Mục tiêu**

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;

- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.1.1. Súng trường CKC**

#### **2.1.2. Súng tiểu liên AK**

#### **2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm**

#### **2.1.4. Súng diệt tăng B41**

#### **2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1**

### **2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh**

#### **2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC**

#### **2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1**

### **2.3. Thực hành**

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

### **1. Địa điểm học tập**

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

### **2. Trang thiết bị**

#### **2.1. Tài liệu:**

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

#### **2.2. Tranh, phim ảnh:**

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyên thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

#### **2.3. Mô hình vũ khí:**

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 cắt bỏ;

- Mô hình lựu đạn lựu đạn  $\Phi 1$ , lựu đạn cần 97 luyện tập.

#### 2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;

- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;

- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;

- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

#### 2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;

- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);

- Giá đặt bia đa năng;

- Kính kiểm tra đường ngắm;

- Đồng tiền di động;

- Mô hình đường đạn trong không khí;

- Hộp dụng cụ huấn luyện;

- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;

- Dụng cụ băng bó cứu thương;

- Cáng cứu thương;

- Giá súng và bàn thao tác;

- Tủ đựng súng và thiết bị.

#### 2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh

+ Trang phục mùa hè;

+ Trang phục dã chiến;

+ Mũ Kêpi;

+ Mũ cứng;

+ Mũ mềm;

+ Thắt lưng;

+ Giày da;

+ Tất sợi;

+ Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;

+ Biển tên;

- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

### **3. Các điều kiện khác**

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.

18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 08/2015/TT-BLDTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
24. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
25. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
26. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
27. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
28. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
29. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
30. Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
31. Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 7

### Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ ( Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.

- Tính chất môn học: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: các quy luật của giải tích toán học và hiện tượng ngẫu nhiên. Tổng quan về xác suất, khái niệm thống kê, những ứng dụng và xử lý thống kê. Môn học cũng cung cấp cho học sinh những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng thống kê y học. Nội dung bao gồm những vấn đề căn bản về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

#### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được những nội dung cơ bản trong các bài học;
2. Mô tả các qui luật của hiện tượng ngẫu nhiên;
3. Nêu được khái niệm về thống kê và ứng dụng của thống kê trong y học.

- Về kỹ năng:

1. Tính được xác suất các biến cố;
2. Xử lý số liệu – ước lượng các tham số của dân số.
3. Xử lý số liệu - ước lượng các tham số của dân số.
4. Kiểm định được một giả thuyết thống kê.

-Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Có niềm tin, trách nhiệm vững chắc vào môn học để thực hiện tốt vào ứng dụng thực tiễn trong nghiên cứu về chuyên môn.
2. Thể hiện ý thức sử dụng thống kê trong y học để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Biến cố và xác suất	4	2	2	
2	<b>Chương 2:</b> Các định lý xác suất	4	2	2	
3	<b>Chương 3:</b> Biến ngẫu nhiên rời rạc	4	1	2	

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
4	<b>Chương 4:</b> Biến ngẫu nhiên liên tục	4	2	2	
5	<b>Chương 5:</b> Cơ sở lý thuyết mẫu	4	1	3	
6	<b>Chương 6:</b> Ước lượng tham số	6	2	3	1
7	<b>Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số.</b>				
	Thống kê, phân phối và biến số	2	1	1	
8	<b>Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui</b>				
	Ước lượng	4	2	2	
	Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ	3	1	2	
	Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R	3	1	2	
	Kiểm định chi bình phương bằng R	3	1	2	
	Kiểm định T-test bất cặp, không bất cặp, Anova bằng R	3	1	2	
	Tương quan hồi quy	3	1	2	
	Thực hành tính khoảng tin cậy	3	1	1	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

#### 1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu rõ các khái niệm phép thử, biến cố, cách đặt biến cố, phân biệt các loại biến cố.

1.2. Hiểu khái niệm xác suất, điều kiện quy ước của xác suất.

1.3. Biết tính xác suất theo định nghĩa cổ điển. Biết tính số kết cục theo các phương pháp: liệt kê, bảng, và công thức Giải tích tổ hợp

#### 2. Nội dung chương:



## 2.1. Biến cố xác suất và các phép toán xác suất

### 2.1.1. Phép thử và biến cố

### 2.1.2. Xác suất của biến cố

### 2.1.3. Định nghĩa cổ điển về xác suất

### 2.1.4. Mối liên hệ giữa các biến cố

## **Chương 2: Các định lý xác suất**

### 1. Mục tiêu:

1.1. Biết cách biểu diễn biến cố đang quan tâm qua tổng hoặc tích của các biến cố liên quan.

1.2. Hiểu được nội dung của định lý nhân và cộng xác suất.

1.3. Biết cách vận dụng định lý nhân với tích các biến cố và định lý cộng với tổng các biến cố để tính xác suất của biến cố trong từng bài toán.

1.4. Nhận dạng được bài toán tuân theo lược đồ Bernoulli, biết áp dụng công thức tính xác suất và tra bảng trong các bài toán

1.5. Biết xác định nhóm biến cố đầy đủ có ảnh hưởng đến biến cố đang quan tâm và biết áp dụng công thức xác suất đầy đủ để giải quyết bài toán.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Các định lý xác suất

##### 2.1.1. Định lý nhân xác suất.

##### 2.1.2. Định lý cộng xác suất.

##### 2.1.3. Định lý Bernoulli

##### 2.1.4. Công thức xác suất đầy đủ

## **Chương 3: Biến ngẫu nhiên rời rạc**

### 1. Mục tiêu:

1.1. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên và phân biệt được hai loại biến ngẫu nhiên.

1.2. Lập được bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

1.3. Tính các tham số: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

1.4. Biết sử dụng quy luật Không – Một và quy luật Nhị thức để tính xác suất và các tham số đặc trưng.

1.5. Hiểu khái niệm biến ngẫu nhiên 2 chiều rời rạc và tính được một số tham số đặc trưng.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Biến ngẫu nhiên rời rạc

##### 2.1.1. Khái niệm và phân loại biến ngẫu nhiên.

##### 2.1.2. Bảng phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên rời rạc.

##### 2.1.3. Các tham số đặc trưng: kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn.

- 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Không – Một.
- 2.1.5. Biến ngẫu nhiên phân phối Nhị thức.
- 2.1.6. Khái niệm và các tham số của biến ngẫu nhiên hai chiều rời rạc.

#### **Chương 4: Biến ngẫu nhiên liên tục**

- 1. Mục tiêu:
  - 1.1. Hiểu KN biến ngẫu nhiên liên tục, đánh giá đồ thị hàm mật độ xác suất.
  - 1.2. Biết cách tra bảng để tìm xác suất của phân phối Chuẩn hoá.
  - 1.3. Biết áp dụng công thức tính XS của biến phân phối chuẩn trong các bài toán.
  - 1.4. Biết cách tra bảng để tìm chính xác các giá trị tới hạn.
- 2. Nội dung chương:
  - 2.1. Biến ngẫu nhiên liên tục
    - 2.1.1. Biến ngẫu nhiên liên tục và hàm mật độ xác suất.
    - 2.1.2. Biến ngẫu nhiên phân phối Chuẩn
    - 2.1.3. Biến ngẫu nhiên phân phối Khi – bình phương
    - 2.1.4. Biến ngẫu nhiên phân phối Student

#### **Chương 5: Cơ sở lý thuyết mẫu**

- 1. Mục tiêu:
  - 1.1. Hiểu và phân biệt khái niệm Tổng thể và mẫu;
  - 1.2. Hiểu và phân biệt khái niệm Tham số và Thống kê;
  - 1.3. Tính chính xác các thống kê đặc trưng mẫu bằng máy tính bấm tay;
  - 1.4. Nhớ được quy luật liên hệ để áp dụng tra bảng số;
- 2. Nội dung chương:
  - 2.1. Cơ sở lý thuyết mẫu
    - 2.1.1. Khái niệm cơ bản.
    - 2.1.2. Tổng thể nghiên cứu.
    - 2.1.3. Mẫu ngẫu nhiên.
    - 2.1.4. Thống kê.
    - 2.1.5. Quy luật phân phối xác suất liên hệ

#### **Chương 6: Ước lượng tham số**

- 1. Mục tiêu:
  - 1.1. Hiểu được khái niệm ước lượng;
  - 1.2. Tìm được ước lượng không lệch, hiệu quả trong số các ước lượng đã cho;
  - 1.3. Với số liệu mẫu, ước lượng được các tham số tổng thể và suy luận từ đó;
- 2. Nội dung chương:

- 2.1.1. Lý thuyết ước lượng.
- 2.1.2. Ước lượng trung bình tổng thể.
- 2.1.3. Ước lượng phương sai tổng thể.
- 2.1.4. Ước lượng tỷ lệ tổng thể.

## **Chương 7: Giới thiệu về thống kê, phân phối, biến số**

### 1. Mục tiêu:

1.1. Nêu được khái niệm thống kê và ứng dụng thống kê trong y học, phân biệt được các loại biến số.

### 2. Nội dung chương:.

#### 2.1. Thống kê, phân phối và biến số

## **Chương 8: Ước lượng, Kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui**

### 1. Mục tiêu:

1.1. Trình bày được các ứng dụng của phân phối mẫu trong việc ước lượng, kiểm định, phân tích phương sai, tương quan hồi qui.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Ước lượng

#### 2.2. Nguyên tắc kiểm định - so sánh 2 tỷ lệ

#### 2.3. Số trung bình, trung vị, độ lệch chuẩn bằng R

#### 2.4. Kiểm định chi bình phương bằng R

#### 2.5. Kiểm định T-test bắt cặp, không bắt cặp, Anova bằng R

#### 2.6. Tương quan hồi quy

#### 2.7. Thực hành tính khoảng tin cậy

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Hội trường

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### 1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Kiến thức cơ bản trong thống kê và các nguyên lý lựa chọn kiểm định thống kê phù hợp.

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề cụ thể đặt ra.

- Về năng lực: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

## 2. Phương pháp

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: ( 01 cột kiểm tra định kỳ, 01 cột kiểm tra thường xuyên ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên:

Lý thuyết: Thuyết trình, thực hiện phương pháp dạy/học tích cực.

Thực hành: Tại phòng thực hành của trường, bài tập nhóm

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập, thảo luận làm bài tập nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ môn toán, Giáo trình toán xác suất thống kê, Trường ĐHYD.

2. Burns W.B. Practice of Nursing research. (4 th ed., 2001). Saunders Publishing.

3. Nguyễn Duy Tiến. (2000). Lý thuyết xác suất. NXB Giáo dục

4. Bài giảng Xác suất thống kê – Tổ hợp Giáo dục TO.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 8

### Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện:** 1 TC, HK I, 20 giờ (Lý thuyết: 19, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học này thực hiện học kỳ I, sau môn học Tin học.
- Tính chất: Môn học này trang bị cho sinh viên những nguyên lý sinh học cơ bản và hiện đại (nhất là sinh học phân tử), giúp cho việc học các môn y học cơ sở và lâm sàng. Cung cấp các kiến thức về cơ sở vật chất và các qui luật di truyền chi phối các tính trạng của người, giải thích nguyên nhân/cơ chế sinh bệnh của một số bệnh di truyền ở người.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### 1. Về kiến thức:

- Trình bày cấu trúc vi thể, siêu vi thể và chức năng của tế bào.
- Trình bày quá trình phát triển cá thể và các nhân tố tác động lên sự phát triển cá thể.
- Trình bày các nguyên lý của di truyền học cơ sở và bước đầu vận dụng vào di truyền người.
- Trình bày xu thế phát triển của sinh học phân tử và các nguyên lý sinh thái có quan hệ đến loài người.

##### 2. Về kỹ năng:

- Nhận biết được cấu trúc và chức năng của tế bào.
- Nhận biết được bộ nhiễm sắc thể người về hình thái.

##### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Người học vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được học vào thực tế
- Thể hiện ý thức, thận trọng trong việc học môn sinh học và di truyền để phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT	Kiểm tra
<b>Chương 1: Sinh học phân tử của tế bào</b>					
1	Hệ thống tế bào	2	2		
2	Cấu trúc và chức năng của tế bào	2	2		

3	Sự phân chia tế bào	2	2		
4	Sự phát triển giao tử ở người	2	2		
5	Sinh học phát triển	2	2		
6	Các qui luật di truyền	2	2		
<b>Chương 2 : Di truyền học</b>					
7	Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người	2	2		
8	Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính	2	2		
9	Sinh học phân tử	2	2		
10	Sinh thái học	2	1		1
	<b>Cộng</b>	<b>20</b>	<b>19</b>		<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1. Sinh học phân tử của tế bào

#### 1. Mục tiêu:

- 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng và sự phân chia của tế bào
- 1.2. Trình bày được sự phát triển giao tử và các qui luật di truyền.

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Hệ thống tế bào.

- 2.1.1. Khái quát hệ thống sống
- 2.1.2. Lịch sử phát triển của tế bào
- 2.1.3. Phương pháp nghiên cứu trong sinh học tế bào
- 2.1.4. Sinh học tế bào với đời sống

##### 2.2. Cấu trúc và chức năng của tế bào.

- 2.2.1. Hình dạng tế bào
- 2.2.2. Kích thước tế bào
- 2.2.3. Số lượng tế bào
- 2.2.4. Các dạng tế bào và chức năng của tế bào

##### 2.3. Sự phân chia tế bào.

- 2.3.1. Cấu trúc và chức năng của DNA
- 2.3.2. Sự phân bào nguyên nhiễm
- 2.3.3. Sự phân bào giảm nhiễm

- 2.4. Sự phát triển giao tử ở người.
  - 2.4.1. Nguồn gốc 2 dòng tế bào soma và sinh dục
  - 2.4.2. Sự phát triển giao tử
  - 2.4.3. Quá trình tạo giao tử
- 2.5. Sinh học phát triển.
  - 2.5.1. Giai đoạn tạo giao tử
  - 2.5.2. Giai đoạn tạo hợp tử
  - 2.5.3. Giai đoạn tạo phôi thai
  - 2.5.4. Giai đoạn sinh trưởng
  - 2.5.5. Giai đoạn trưởng thành
  - 2.5.6. Giai đoạn già lão
  - 2.5.7. Giai đoạn tử vong
- 2.6. Các qui luật di truyền.
  - 2.6.1. Quy luật Mendel
  - 2.6.2. Tương tác gen và tác động đa hiệu của gen
  - 2.6.3. Liên kết gen
  - 2.6.4. Hoán vị gen
  - 2.6.5. Ảnh hưởng của môi trường lên sự biểu hiện của gen

## **Chương 2. Di truyền học**

- 1. Mục tiêu:
  - 1.1. Trình bày được cấu trúc, chức năng và sự phân chia của nhiễm sắc thể.
  - 1.2. Trình bày được đặc điểm di truyền từng nhóm bệnh di truyền
- 2. Nội dung chương:
  - 2.1. Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
    - 2.1.1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu NST người
    - 2.1.2. Phương pháp xét nghiệm nhiễm sắc thể người
    - 2.1.3. Đặc điểm bộ nhiễm sắc thể người
    - 2.1.4. Bệnh do rối loạn nhiễm sắc thể thường
  - 2.2. Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.
    - 2.2.1. Lịch sử của di truyền học
    - 2.2.2. Nội dung của di truyền học người
    - 2.2.3. Bệnh di truyền liên quan đến NST giới tính
  - 2.3. Sinh học phân tử.
    - 2.3.1. Quá trình phiên mã
    - 2.3.2. Quá trình dịch mã – Sinh tổng hợp protein

### 2.3.3. Các kỹ thuật trong sinh học phân tử

## 2.4. Sinh thái học.

### 2.4.1. Khái niệm và các đối tượng sinh thái học

### 2.4.2. Phương pháp nghiên cứu sinh thái học

### 2.4.3. Ý nghĩa của sinh thái học

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: học lý thuyết tại hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, máy chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, projector).

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **1. Nội dung:**

- Về kiến thức: đánh giá qua bài thi trắc nghiệm các nội dung về vật chất di truyền và các qui luật di truyền, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của một số bệnh di truyền ở người.

- Về kỹ năng: đánh giá bằng thi trắc nghiệm (trả lời câu hỏi qua tranh ảnh, sơ đồ).

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Tự học tập, tìm tài liệu mở rộng kiến thức.

### **2. Phương pháp:**

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (trắc nghiệm, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm, trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.

2. Phương pháp giảng dạy:

- Đối với giảng viên: thuyết trình, diễn giảng có minh họa, phát vấn, thảo luận nhóm và hướng dẫn giải quyết các bài tập tình huống có liên quan.

- Đối với học sinh: Tự học, thảo luận nhóm, làm bài tập tình huống.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Không

4. Tài liệu học tập/tham khảo:

- Giáo trình môn học Sinh học Di truyền của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Đại học Y Hà Nội, Bài giảng sinh học tế bào, NXB Y học.

- Đại học Y Hà Nội, Sinh học, NXB Y học.

- Đại học Quốc gia Hà Nội, Bệnh học di truyền, NXB Giáo dục.

5. Ghi chú và giải thích: Không



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 9

**Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện học kỳ II.

- Tính chất: Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức nâng cao về ngữ pháp, vốn từ vựng chuyên ngành, nâng cao kỹ năng viết, đọc, nghe và biên dịch các tài liệu về chuyên môn. Hỗ trợ sinh viên nghiên cứu các tài liệu tiếng Anh về chuyên môn.

- Đọc hiểu và dịch các tài liệu chuyên môn đơn giản.
- Đọc được tiếng Anh và sử dụng được thuật ngữ Y học
- Sử dụng được một số từ trong Y học.

### II. Mục tiêu của môn học:

*Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng:*

#### 1. Về kiến thức:

- Đọc hiểu được các tài liệu chuyên môn đơn giản; nghe, nói, viết được bằng tiếng Anh các thuật ngữ chuyên môn.

#### 2. Về kỹ năng:

- Áp dụng được các thuật ngữ chuyên ngành Dược và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản để đọc hiểu tài liệu và giao tiếp những kiến thức chuyên ngành với người nước ngoài.

#### 3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thể hiện ý thức về tầm quan trọng của việc sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành phục vụ cho học tập chuyên môn và phát triển nghề nghiệp.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TL, BT	Kiểm tra
<b>Chapter 1. Introduction to Pharmacy</b>		<b>16</b>	<b>16</b>		
1	Unit 1. Pharmacy and Pharmacists	4	4		
2	Unit 2. Pharmacology	4	4		
3	Unit 3. Types of drugs	4	4		

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH, TL,BT	Kiểm tra
4	Unit 4. Most common forms of medication	4	4		
<b>Chapter 2. Pharmaceutical terminology in healthcare field</b>		<b>24</b>	<b>24</b>		
5	Unit 5. Before using medicines	4	4		
6	Unit 6. What customers should know	4	4		
7	Unit 7. Some useful tips	4	3		1
8	Unit 8. OTC pain relievers	4	4		
9	Unit 9. Generic drugs	4	4		
10	Unit 10. Biotechnology and biopharmaceuticals	4	4		
	<b>Tổng</b>	<b>40</b>	<b>39</b>		<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chapter 1: Giới thiệu về ngành Dược

1. Mục tiêu: Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu liên quan đến ngành Dược và nghề Dược sỹ.

2. Nội dung chương:

#### 2.1. Pharmacy and pharmacists

2.1.1. What the field of science is concerned with

2.1.2. The scope of pharmacy

2.1.3. Traditional and modern services

2.1.4. Trained-related fields of pharmacists

2.1.5. Traditional and modern roles

#### 2.2. Pharmacology

2.2.1. What the field includes

2.2.2. Difference between Pharmacology and Pharmacy

2.2.3. Pharmacokinetics and pharmacodynamics

#### 2.3. Types of drugs

2.3.1. Definition of a drug

- 2.3.2. Recreational drug: Definition, use and effects, prohibition and restriction
- 2.3.3. Medicinal drugs: Definitions, dispensing and administering methods
- 2.4. Most common forms of medication
  - 2.4.1. Tablets, Capsules, Powders
  - 2.4.2. Drops, Liquids, Injectable solutions
  - 2.4.3. Inhalant and sprays, Suppository
  - 2.4.4. Skin preparations: Creams, ointments, lotions, pastes

**Chapter 2:** Các nội dung liên quan đến thuật ngữ chuyên ngành thường sử dụng khi hành nghề Dược

1. Mục tiêu: Sau khi học xong học sinh có khả năng nghe, nói, đọc, viết các nội dung liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe.

2. Nội dung chương:

2.5. Before using medicines

- 2.5.1. Can medicines be dangerous?
- 2.5.2. Before using medicines

2.6. What customers should know

- 2.6.1. What you need to know about medicines
- 2.6.2. Proper use of medicines
- 2.6.3. Self-medication: facts to think about before treating oneself

2.7. Some useful tips

- 2.7.1. How to store your medicine: guidelines for a correct storage
- 2.7.2. When travelling
- 2.7.3. Side effects of your medicines

2.8. OTC pain relievers

2.8.1. Common types of OTC medicines: pain relievers, antihistamines, decongestants, cough medicines

2.8.2. Action and side effects: NSAIDs (aspirin, ibuprofen, naproxen, ketoprofen)

2.8.3. Action and side effects: Acetaminophen

2.9. Generic drugs

- 2.9.1. What are generic drugs? What is a brand name?
- 2.9.2. International Nonproprietary Names (INN)
- 2.9.3. Generic drugs approval: what manufacturers need to prove
- 2.9.4. Comparing prices between branded and generic medicines

2.10. Biotechnology and biopharmaceuticals

2.5.1. Definition

2.5.2. Biopharmaceuticals: development and illnesses they can treat effectively

2.5.3. Transgenic: GMO

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Lý thuyết học trên hội trường

2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, phấn, Tài liệu phát tay cho học sinh); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. Các điều kiện khác: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

##### **1. Nội dung:**

- Kiến thức: Giảng dạy theo quy định của giáo trình môn học.

- Kỹ năng: Giảng viên thuyết trình, giảng dạy.

- Năng lực tự chủ: Học sinh học lý thuyết tại hội trường dưới sự hỗ trợ của phương tiện trực quan Projector, máy vi tính và thảo luận tại lớp dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên.

##### **2. Phương pháp đánh giá:**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 1 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, thảo luận, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 0,6

#### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

**1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học bổ trợ.**

##### **2. Phương pháp giảng dạy:**

- Đối với giảng viên: phương pháp giảng dạy tích cực

- Đối với học sinh: Tự học, tự luyện tập

##### **3. Những trọng tâm cần chú ý: Không**

##### **4. Tài liệu học tập/ tham khảo:**

- Giáo trình môn học Tiếng Anh chuyên ngành Dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- English in Pharmacy, Luisa Benigni;

- English for Pharmacy: Biotechnologies, Drugs, Natural Remedies and Cosmetics, HOEPLI;

- English for Pharmacy Writing and Oral Communication, Mariam Diaz-Gilbert.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 10

### Tên môn học: HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG – VÔ CƠ

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I.
- Tính chất môn học: Là môn học cơ sở bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về hóa học làm tiền đề cho các môn học chuyên ngành.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### - Về kiến thức:

1. Trình bày và giải thích được cấu tạo và tính chất của các hệ vật chất (nguyên tử, nguyên tố, phân tử, phức chất, vật thể) nhờ những kiến thức cơ bản nhất về Cơ học lượng tử.
2. Giải thích được cơ chế và các điều kiện phản ứng dựa trên những định luật cơ bản của hóa học.
3. Nêu được khái niệm cơ bản về dung dịch và tính toán được các loại nồng độ khác nhau sử dụng trong dung dịch.
4. Trình bày được mối liên quan giữa cấu tạo và tính chất của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng, từ đó hiểu và giải thích được vai trò của chúng trong Y – Dược

##### - Về kỹ năng:

Vận dụng các kiến thức môn Hóa đại cương để áp dụng vào các môn học chuyên ngành khác.

##### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các qui định về an toàn trong phòng thí nghiệm, đồng thời rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
<b>Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học</b>		<b>16</b>			
	1. Cấu tạo chất		4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	2. Nhiệt động hóa học		3		
	3. Động hoá học – Cân bằng hóa học		3		
	4. Dung dịch		3		
	5. Phức chất		3		
<b>Chương II: Hóa học vô cơ</b>					
2	1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố	4	1		
	2. Nguyên tố nhóm chính (A) – Nguyên tố chuyển tiếp (B)		2		1
<b>Chương III: Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính:</b>					
3	1. Sử dụng dụng cụ và kỹ thuật phòng thí nghiệm	14		2	
	2. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính IA, IIA, IIIA			4	
	3. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính IVA, VA			4	
	4. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính VIA, VIIA			4	
<b>Chương IV: Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ:</b>					
4	1. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ IB, IIB, IIIB	16		4	
	2. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ IVB			4	
	3. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ VIB			4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN, TL, BT	Kiểm tra
	4. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ VIIB, VIIIB			3	1
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương I: Cấu tạo chất và nhiệt động hóa học

Thời gian: 16 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo của nguyên tử, nguyên nhân hình thành các chu kì, nhóm nguyên tố.
- Tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng dựa vào sinh nhiệt, nhiệt cháy, năng lượng liên kết.
- Trình bày được 2 động lực của quá trình tự diễn biến.
- Trình bày được các khái niệm về tốc độ phản ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng hóa học.
- Nêu được định nghĩa và cách phân loại các dung dịch, các nồng độ.
- Phân biệt được phức chất và các hợp chất đơn giản, các thành phần của phức chất.

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Cấu tạo chất

Thời gian: 04 giờ

- 2.1.1. Những khái niệm và định luật cơ bản trong hóa học
- 2.1.2. Các qui luật phân bố electron trong nguyên tử.
- 2.1.3. Cách viết cấu hình electron nguyên tử dạng chữ và ô.
- 2.1.4. Cấu tạo nguyên tử
- 2.1.3. Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học
- 2.1.4. Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học

##### 2.2. Nhiệt động hoá học

Thời gian: 03 giờ

- 2.2.1. Một số khái niệm
- 2.2.2 Nguyên lý I của nhiệt động lực trong hóa học
- 2.2.3. Nhiệt hóa học
- 2.2.4. Định luật Hess và hệ quả
- 2.2.5. Nguyên lý II của nhiệt động lực trong hóa học

### **2.3. Động hoá học – Cân bằng hóa học**

Thời gian: 03 giờ

#### 2.3.1. Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng

##### 2.3.1.1. Khái niệm về tốc độ phản ứng

2.3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng tốc độ phản ứng (nồng độ, nhiệt độ, áp suất, xúc tác...)

#### 2.3.2. Cân bằng hóa học

##### 2.3.2.1. Hằng số cân bằng

##### 2.3.2.2. Sự chuyển dịch cân bằng hóa học. Nguyên lý Le Chaterlier

### **2.4. Dung dịch**

Thời gian: 03 giờ

#### 2.4.1. Khái niệm

#### 2.4.2. Các cách biểu thị nồng độ dung dịch

#### 2.4.3. Độ tan và những yếu tố ảnh hưởng đến độ tan của các chất

### **2.5. Phức chất**

Thời gian: 03 giờ

#### 2.5.1. Định nghĩa và các thành phần phức chất

#### 2.5.2. Phân loại phức chất

#### 2.5.3. Danh pháp phức chất

#### 2.5.4. Liên kết hóa học trong phức chất

## **Chương II: Tính chất hóa học vô cơ**

Thời gian: 04 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s,p,d
- Giải thích được tính chất, vai trò của các nguyên tố và các hợp chất vô cơ quan trọng trong Y – Dược.

### **2. Nội dung chương:**

#### **2.1. Phân loại và tính chất chung của các nguyên tố**

Thời gian: 01 giờ

##### 2.1.1. Phân loại các nguyên tố theo cấu hình electron ở trạng thái cơ bản

##### 2.1.2. Tính chất chung của các nguyên tố nhóm chính (A)

##### 2.1.3. Tính chất chung của các nguyên tố chuyển tiếp (B)

#### **2.2. Nguyên tố nhóm chính (A) và nguyên tố chuyển tiếp (B)**

Thời gian: 02 giờ

##### 2.2.1. Nguyên tố nhóm A

##### 2.2.2. Nguyên tố nhóm B

## **Chương III: Tính chất và định tính các nguyên tố PNC**

Thời gian: 14 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Trình bày sự liên quan giữa cấu tạo nguyên tử và tính chất của các nguyên tố phân nhóm chính IA, IIA, IIIA, IVA, VA, VIA, VIIA
- Thực hiện được các phản ứng định tính các nguyên tố phân nhóm chính IA, IIA, IIIA, IVA, VA, VIA, VIIA



## **2. Nội dung chương:**

### **2.1. Sử dụng dụng cụ và kỹ thuật phòng thí nghiệm**

### **2.2. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính IA, IIA, IIIA**

#### 2.2.1. Tính chất

#### 2.2.2. Định tính

### **2.3. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính IVA, VA**

#### 2.3.1. Tính chất

#### 2.3.2. Định tính

### **2.4. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính VIA, VIIA**

#### 2.4.1. Tính chất

#### 2.4.2. Định tính

## **Chương IV: Tính chất và định tính các nguyên tố PNP**      Thời gian: 16 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Trình bày sự liên quan giữa cấu tạo nguyên tử và tính chất của các nguyên tố phân nhóm phụ IB, IIB, IIIB, IVB, VIB, VIIB, VIIIB
- Thực hiện được các phản ứng định tính các nguyên tố phân nhóm phụ IB, IIB, IIIB, IVB, VIB, VIIB, VIIIB

### **2. Nội dung chương:**

#### 2.1. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ IB, IIB, IIIB

##### 2.1.1. Tính chất

##### 2.1.2. Định tính

#### 2.2. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ IVB

##### 2.2.1. Tính chất

##### 2.2.2. Định tính

#### 2.3. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ VIB

##### 2.3.1. Tính chất

##### 2.3.2. Định tính

#### 2.4. Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm phụ VIIB, VIIIB

##### 2.4.1. Tính chất

##### 2.4.2. Định tính

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Phòng học chuyên môn:* Học lý thuyết tại hội trường, học thực hành tại phòng thực hành hóa phân tích.

- *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **1. Nội dung**

*Kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Hệ thống kiến thức cơ bản hóa học đại cương

+ Kiến thức hóa học vô cơ

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi học

*Kỹ năng*: vận dụng các kiến thức được học vào các môn học khác và ứng dụng vào thực hành nghề nghiệp.

*Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, chấp hành nội quy, quy định môn học.

### **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 1, 2 cột điểm kiểm tra hệ số 2) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

Chương trình môn học Hóa Đại cương vô cơ được xây dựng để giảng dạy cho sinh viên cao đẳng Dược.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Áp dụng các phương pháp dạy/học tích cực: Thuyết trình ngắn, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại, liên hệ giữa lý thuyết và thực tế nghề nghiệp.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữ kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

**3. Những trọng tâm cần chú ý:** Tính chất và định tính các nguyên tố phân nhóm chính và phân nhóm phụ

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Giáo trình môn học Hóa học đại cương và vô cơ của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
- Lê Thành Phước (2011), *Hóa đại cương – vô cơ*, tập 2, NXB Y học, Hà Nội.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 11

**Tên môn học: HÓA HỮU CƠ**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I, thực hiện sau môn học: Hóa học đại cương – vô cơ.

- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành bắt buộc.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

1. Giải thích được bản chất của các liên kết hóa học, mối liên quan giữa cấu trúc với tính chất và khả năng phản ứng của các chất hữu cơ.

2. Đọc được tên các chất hữu cơ cơ bản thuộc các nhóm chức hóa học.

3. Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của các nhóm chức hữu cơ.

#### - Kỹ năng:

4. Lắp ráp được các dụng cụ thí nghiệm

5. Tiến hành được các nội dung thí nghiệm theo tài liệu qui định.

6. Xác định được các chỉ số vật lý và điều chế được một số chất cơ bản.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

7. Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực thực hành thí nghiệm.

8. Thể hiện thái độ nghiêm túc, chủ động trong học tập

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/ TN/ TL/ BT	Kiểm tra
1	<b>Chương I: ĐẠI CƯƠNG</b>	6			
	1. Cấu trúc electron và liên kết trong các hợp chất hữu cơ		1		
	2. Các hiệu ứng electron trong các hợp chất hữu cơ		1		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN/TL/BT	Kiểm tra
	3. Đồng phân trong hóa hữu cơ		1		
	4. Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ – Cơ chế phản ứng		3		
2	<b>Chương II: HYDROCARBON</b>	6			
	1. Alkan		1		
	2. Alken		1		
	3. Alkin		1		
	4. Aren		3		
3	<b>Chương III: HỢP CHẤT ĐƠN CHỨC</b>	8			
	1. Dẫn xuất halogen		2		
	2. Alcol		1		
	3. Phenol		1		
	4. Aldehyd – Ceton		3		1
4	<b>Chương IV: Thực hành</b>	30			
	1. Hướng dẫn thực hiện các thao tác trong phòng thí nghiệm			3	
	2. Các qui định về an toàn phòng thí nghiệm			2	
	3. Phương pháp định tính các chất hữu cơ			4	
	4. Phương pháp hóa học xác định các nhóm chức			4	
	5. Phương pháp chưng cất phân đoạn			4	
	6. Phương pháp xác định các hằng số vật lý			4	
	7. Tổng hợp acetanilide – phản ứng acyl hóa			4	
	8. Tổng hợp ester etyl acetat – phản ứng ester			4	1

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/ TN/ TL/ BT	Kiểm tra
	hóa				

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương I: ĐẠI CƯƠNG

Thời gian: 06 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo điện tử carbon ở các trạng thái lai hóa  $sp^3$ ,  $sp^2$  và  $sp$ .
- Giải thích được cách hình thành các loại liên kết: cộng hóa trị, phối trí, hydro.
- Nêu được các loại hiệu ứng cảm ứng, hiệu ứng liên hợp và tính chất của chúng.
- Trình bày được các loại đồng phân gặp trong hóa hữu cơ.
- Trình bày được các cơ chế phản ứng thường gặp trong hóa hữu cơ.

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Cấu trúc electron và liên kết trong các hợp chất hữu cơ

Thời gian: 01 giờ

###### 2.1.1. Cấu trúc electron của nguyên tử Carbon

###### 2.1.2. Sự tạo thành các liên kết

##### 2.2. Các hiệu ứng electron trong các hợp chất hữu cơ

Thời gian: 01 giờ

###### 2.2.1. Hiệu ứng cảm ứng

###### 2.2.2. Hiệu ứng liên hợp

###### 2.2.3. Hiệu ứng siêu liên hợp

##### 2.3. Đồng phân trong hóa hữu cơ

Thời gian: 01 giờ

###### 2.3.1. Đồng phân thẳng

###### 2.3.2. Đồng phân lập thể

###### 2.3.3. Đồng phân không gian

##### 2.4. Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ – Cơ chế phản ứng

Thời gian: 03 giờ

###### 2.4.1. Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ

###### 2.4.2. Khái niệm và trình tự về cơ chế phản ứng

### Chương II: HYDROCARBON

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Nêu được hóa tính của alkan và ứng dụng của chúng trong cuộc sống
- Nêu được các tính chất hóa học của alken, alkin
- Giải thích cấu tạo của nhân thơm

2. Nội dung chương:

2.1. Alkan

Thời gian: 01 giờ

- 2.1.1. Cấu tạo – đồng phân của Alkan
- 2.1.2. Tính chất lý học
- 2.1.3. Tính chất hóa học

2.2. Alken

Thời gian: 01 giờ

- 2.2.1. Cấu tạo – đồng phân của Alken
- 2.2.2. Tính chất lý học
- 2.2.3. Tính chất hóa học

2.3. Alkin

Thời gian: 01 giờ

- 2.3.1. Cấu tạo – đồng phân của Alkin
- 2.3.2. Tính chất lý học
- 2.3.3. Tính chất hóa học

2.4. Aren

Thời gian: 03 giờ

- 2.4.1. Cấu tạo – đồng phân của Aren
- 2.4.2. Tính chất lý học
- 2.4.3. Tính chất hóa học

**Chương III: HỢP CHẤT ĐƠN CHỨC**

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày và so sánh được tính chất hóa học của RX và ArX
- Trình bày được các tính chất hóa học của Alcol, phenol, aldehyd và ceton

2. Nội dung chương:

2.1. Dẫn xuất halogen

Thời gian: 02 giờ

- 2.1.1. Danh pháp – đồng phân
- 2.1.2. Tính chất lý học
- 2.1.3. Tính chất hóa học

2.2. Alcol

Thời gian: 01 giờ

- 2.2.1. Monoalcol
- 2.2.2. Alcol chưa no
- 2.2.3. Alcol vòng
- 2.2.4. Polyalcol – Alcohol đa chức

2.3. Phenol	Thời gian: 01 giờ
2.3.1. Monophenol	
2.3.2. Polyphenol	
2.4. Aldehyd – Ceton	Thời gian: 03 giờ
2.4.1. Aldehyd – Ceton chưa no	
2.4.2. Aldehyd – Ceton đa chức	

**Kiểm tra**

**Thời gian: 1 giờ**

## **CHƯƠNG IV: THỰC HÀNH**

**Thời gian: 30 giờ**

### **1. Mục tiêu**

- Sử dụng và lắp ráp được các dụng cụ thực hiện phản ứng
- Định tính được các nhóm hợp chất hữu cơ thường gặp
- Thực hiện được các phản ứng ester hóa, acyl hóa.

### **2. Nội dung chương:**

2.1. Hướng dẫn thực hiện các thao tác trong phòng thí nghiệm

*Thời gian: 3 giờ*

2.2. Các qui định về an toàn phòng thí nghiệm

*Thời gian: 2 giờ*

2.3. Phương pháp định tính các chất hữu cơ

*Thời gian: 4 giờ*

2.4. Phương pháp hóa học xác định các nhóm chức

*Thời gian: 4 giờ*

2.5. Phương pháp chung cất phân đoạn

*Thời gian: 4 giờ*

2.6. Phương pháp xác định các hằng số vật lý

*Thời gian: 4 giờ*

2.7. Tổng hợp acetanilide – phản ứng acyl hóa

*Thời gian: 4 giờ*

2.8. Tổng hợp ester etyl acetat – phản ứng ester hóa

*Thời gian: 4 giờ*

**Kiểm tra**

**Thời gian: 1 giờ**

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Phòng học chuyên môn:* Phòng học thực hành hóa học.
- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung:

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:



- + Bản chất của các liên kết hóa học, mối liên quan giữa cấu trúc với tính chất và khả năng phản ứng của các chất hữu cơ
- + Tính chất hóa học cơ bản của các nhóm chức hữu cơ
- + Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi
- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành hóa học
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
  - + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

## 2. Phương pháp

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 02 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

### 3. Những trọng tâm cần chú ý: Những hợp chất đơn chức

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Hữu hữu cơ của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2007), Hóa hữu cơ hợp chất hữu cơ đơn chức và đa chức tập 2, NXB Y học, Hà Nội.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 12

### Tên môn học: VI SINH VẬT VÀ KÝ SINH TRÙNG

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ, kiểm tra: 2 giờ )

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ I, thực hiện sau môn học: Sinh học và di truyền.

- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### - Về kiến thức:

- Mô tả được những đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng.

- Trình bày được đặc điểm bệnh học, đường xâm nhập và tác hại của Vi sinh vật - Ký sinh trùng.

- Nêu được các phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên.

##### - Về kỹ năng:

- Vận dụng các kiến thức môn vi sinh – ký sinh trùng vào học tập các môn liên quan khác trong chương trình.

##### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện tính tỉ mỉ và trung thực trong môn học và ngành học

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/ TN	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch	3	3		
2	<b>Chương 2:</b> Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp	4	4		
3	<b>Chương 3:</b> Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp	5	4		1
4	<b>Chương 4:</b> Các loại giun tròn, sán gây bệnh thường gặp	4	4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
5	<b>Chương 5:</b> Các loại virus gây bệnh thường gặp	4	4		
6	<b>Chương 6: Thực hành</b>				
	1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm- Quan sát hình thể vi khuẩn	4		4	
	2. Kỹ thuật xét nghiệm phân	2		2	
	3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (-) và Gram (+)	4		4	
	4. Kỹ thuật nhuộm Zielh-Neelsen và quan sát trực khuẩn kháng acid	4		4	
	5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét	8		8	
	6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào	8		7	1
	<b>TỔNG</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

**Chương 1: Đại cương về vi sinh vật, ký sinh vật và miễn dịch** Thời gian: 3 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Nêu các khái niệm cơ bản dùng trong khoa học vi sinh vật, ký sinh trùng
- Trình bày 4 đặc điểm của ký sinh trùng: đặc điểm hình thể, cấu tạo cơ quan, sinh sản và sinh tồn
- Phân tích các ảnh hưởng qua lại giữa ký sinh trùng và cơ thể vật chủ

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Vi khuẩn

- 2.1.1. Hình thể của vi khuẩn
- 2.1.2. Cấu trúc của vi khuẩn
- 2.1.3. Sinh lý của vi khuẩn

#### 2.2. Ký sinh trùng

- 2.2.1. Các khái niệm cơ bản của ngành ký sinh trùng

- 2.2.1.1. Hiện tượng kí sinh
- 2.2.1.2. Kí sinh trùng
- 2.2.1.3. Vật chủ
- 2.2.1.4. Chu kì
- 2.2.2. Đặc điểm của kí sinh trùng
  - 2.2.2.1. Hình thể kích thước
  - 2.2.2.2. Đặc điểm sinh sản
- 2.2.3. Phân loại kí sinh trùng
- 2.3. Đại cương miễn dịch
- 2.4. Vaccin
- 2.5. huyết thanh miễn dịch

**Chương 2: Các loại đơn bào gây bệnh thường gặp**  
giờ

Thời gian: 4

**1. Mục tiêu:**

- Trình bày 3 phương pháp phòng và điều trị amip
- Trình bày được hình thể, tính chất gây bệnh, cách phòng và điều trị đối với trùng roi gây bệnh ở đường tiêu hóa và âm đạo
- Mô tả được hình thể của 4 loại ký sinh trùng sốt rét
- Phân tích được 4 yếu tố ảnh hưởng đến dịch tễ học bệnh sốt rét

**2. Nội dung chương:**

2.1. Amip

- 2.1.1. Amip ký sinh ở miệng
- 2.1.2. Amip ký sinh ở đường ruột

2.2. Trùng roi

- 2.2.1. Trùng roi âm đạo
- 2.2.2. Trùng roi đường tiêu hóa

2.3. Trùng lông

- 2.3.1 Hình thể
- 2.3.2. Đặc điểm sinh học
- 2.3.3. Chẩn đoán và điều trị

2.4. Ký sinh trùng sốt rét

- 2.4.1. Hình thể
- 2.4.2. Chu kỳ
- 2.4.3. Chẩn đoán và điều trị

**Chương 3: Các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp**

Thời gian: 5 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Trình bày được các loại vi khuẩn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại xoắn khuẩn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại trực khuẩn gây bệnh thường gặp

### **2. Nội dung chương:**

#### 2.1. Các loại cầu khuẩn

- 2.1.1. Tụ cầu vàng
- 2.1.2. Liên cầu
- 2.1.3. Phế cầu
- 2.1.4. Lậu cầu
- 2.1.5. Nã mô cầu

#### 2.2. Các loại xoắn khuẩn

- 2.2.1. Xoắn khuẩn giang mai

#### 2.3. Các loại trực khuẩn

- 2.3.1 Trực khuẩn thương hàn
- 2.3.2. Trực khuẩn lỵ
- 2.3.3. Phẩy khuẩn tả
- 2.3.2. Trực khuẩn lao
- 2.3.4. Xoắn khuẩn giang mai

## **Chương 4: Các loại giun tròn, sán gây bệnh thường gặp**

Thời gian: 4 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Trình bày được các loại giun tròn gây bệnh thường gặp
- Trình bày được các loại sán gây bệnh thường gặp

### **2. Nội dung chương:**

#### 2.1. Các loại giun tròn

- 2.1.1. Giun đũa
- 2.1.2. Giun tóc
- 2.1.3. Giun móc
- 2.1.4. Giun kim
- 2.1.5. Giun chỉ

#### 2.2. Các loại sán

- 2.2.1. Sán lá
- 2.2.2. Sán dây

## **Chương 5: Các loại virus gây bệnh thường gặp**

Thời gian: 4 giờ

### **1. Mục tiêu**

- 1.1. Trình bày được các loại virus gây bệnh thường gặp
- 1.2. Trình bày được các đặc điểm cơ bản của virus, các giai đoạn nhân lên của virus.

## **2. Nội dung chương**

- 2.1. Virus Dengue
- 2.2. Virus HIV
- 2.3. Các virus viêm gan
- 2.4. Virus cúm
- 2.5. Virus dại

### **Chương 6: Thực hành**

Thời gian: 30 giờ

#### **1. Mục tiêu:**

- Trình bày được các phương pháp lấy bệnh phẩm
- Thực hiện được các kỹ thuật: nhuộm Gram, nhuộm Zielhneelsen, xét nghiệm máu, xét nghiệm phân.
- Quan sát được hình thể vi khuẩn, hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào dưới kính hiển vi

#### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Các phương pháp lấy bệnh phẩm - quan sát hình thể vi khuẩn
- 2.2. Kỹ thuật xét nghiệm phân
- 2.3. Kỹ thuật nhuộm Gram và quan sát vi khuẩn Gram (+)
- 2.4. Kỹ thuật nhuộm Zielhneelsen và quan sát vi khuẩn Gram (-)
- 2.5. Kỹ thuật xét nghiệm máu và soi hình thể ký sinh trùng sốt rét
- 2.6. Quan sát hình thể trứng các loại giun sán, hình thể các loại đơn bào

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Phòng học chuyên môn:* Phòng học thực hành vi sinh – ký sinh trùng.
- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, mẫu ký sinh trùng, kính hiển vi
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, sinh lý và phân loại của Vi sinh vật và Ký sinh trùng

+ Phương pháp chẩn đoán, đặc điểm dịch tễ, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành vi sinh – ký sinh trùng

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 02 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần (lý thuyết + thực hành): Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học:**

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### **2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:**

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

**3. Những trọng tâm cần chú ý:** đặc điểm cơ bản về hình thể, cấu tạo, biện pháp phòng và hướng điều trị các bệnh do vi sinh vật và ký sinh trùng gây nên

### **4. Tài liệu tham khảo:**

- Giáo trình môn học Vi sinh vật – Ký sinh trùng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế - Vụ khoa học công nghệ (2006), *Vi sinh – Ký sinh trùng*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y Tế (2007), *Vi sinh – Ký sinh trùng (TH)*, NXB Y học, Hà Nội.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 13

**Tên môn học: HÓA SINH**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện trong học kỳ II, thực hiện sau môn học: Hóa hữu cơ.
- Tính chất môn học: Môn học cơ sở ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

- Trình bày được cấu trúc, tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, acid nucleic, hormon...
- Nêu được tầm quan trọng của sự chuyển hóa muối nước và sự thăng bằng acid – base trong cơ thể.
- Trình bày được các xét nghiệm khảo sát các chức năng gan, thận, các thành phần của máu cũng như một số xét nghiệm có liên quan đến protein huyết tương.

#### - Về kỹ năng:

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế nghề nghiệp.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm :

- Rèn luyện được tác phong làm việc khoa học, thận trọng, chính xác và trung thực trong quá trình học.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương I: Hóa học</b>				
	1. Hóa học Glucid	5	1	4	
	2. Hóa học Lipid	5	1	4	
	3. Hóa học Protid	5	1	4	
	4. Hóa học Hemoglobin	1	1		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	5. Enzyme và xúc tác sinh học	6	2	3	1
2	<b>Chương II: Chuyển hóa các chất</b>				
	1. Chuyển hóa Glucid	2	2		
	2. Chuyển hóa Lipid	2	2		
	3. Chuyển hóa Protid	2	2		
	4. Chuyển hóa Hemoglobin	3	1	2	
	5. Thăng bằng Acid – base	3	1	2	
3	<b>Chương 3: Hóa sinh các cơ quan</b>				
	1. Hóa sinh gan	6	2	4	
	2. Hóa sinh thận và nước tiểu	6	2	4	
	3. Hóa sinh máu	4	1	2	1
	<b>Cộng</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương I: Hóa học

Thời gian: 22 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Nêu được tính chất và vai trò của các glucid, lipid quan trọng trong cấu tạo tế bào ở người và vi khuẩn liên quan đến chuyển hóa năng lượng và cơ chế thuốc men

- Trình bày được cấu trúc, tính chất và vai trò sinh học của hemoglobin

- Giải thích được cơ chế xúc tác và nêu được vai trò của các loại enzym

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Hóa học glucid

Thời gian: 5 giờ

###### 2.1.1. Đại cương

###### 2.1.2. Monosaccarid

###### 2.1.3. Disaccarid

- 2.1.4. Polysaccharid
- 2.2. Hóa học lipid Thời gian: 5 giờ
  - 2.2.1. Đại cương
  - 2.2.2. Acid béo
  - 2.2.3. Lipid đơn giản
  - 2.2.4. Lipid phức tạp
- 2.3. Hóa học Protid Thời gian: 5 giờ
  - 2.3.1. Cấu trúc protein
  - 2.3.2. Chức năng protein
- 2.4. Hóa học hemoglobin Thời gian: 1 giờ
  - 2.4.1. Hem
  - 2.4.2. Globin
  - 2.4.3. Các tính chất của Hemoglobin
- 2.5. Enzyme và xúc tác sinh học Thời gian: 6 giờ
  - 2.5.1. Cấu tạo của enzyme
  - 2.5.2. Cơ chế hoạt động của enzyme
  - 2.5.3. Hoạt động của một số enzym
  - 2.5.4. Điều hòa enzym

## **Chương II: Chuyển hóa các chất**

Thời gian: 12 giờ

### **1. Mục tiêu:**

- Giải thích được cơ chế phản ứng và nêu được ý nghĩa của từng chu trình chuyển hóa glucid
- Trình bày được các quá trình tổng hợp acid béo, triglycerid và phosphatid
- Phân tích vai trò chính và những liên quan của chuyển hóa protid và acid nucleic với các chuyển hóa khác.
- Viết và giải thích được các thông số đánh giá tình trạng thặng bằng acid – base trong cơ thể.

### **2. Nội dung chương:**

- 2.1. Chuyển hóa glucid - Chuyển hóa lipid Thời gian: 2 giờ
  - 2.1.1. Tiêu hóa và hấp thu glucid
  - 2.1.2. Thoái hóa glucid
  - 2.1.3. Tổng hợp glucid
  - 2.1.4. Điều hòa chuyển hóa glucid
- 2.2. Chuyển hóa lipid
  - 2.2.1. Tiêu hóa và hấp thu lipid

- 2.2.2. Thoái hóa lipid
- 2.2.3. Tổng hợp lipid
- 2.2.4. Điều hòa chuyển hóa lipid
- 2.3. Chuyển hóa Protid Thời gian: 2 giờ
  - 2.3.1. Tiêu hóa và hấp thu Protein
  - 2.3.2. Chuyển hóa acid amin
  - 2.3.3. Sinh tổng hợp protein đặc hiệu
- 2.4. Chuyển hóa Hemoglobin Thời gian: 3 giờ
  - 2.4.1. Chuyển hóa Hem
  - 2.4.2. Chuyển hóa Globin
  - 2.4.3. Rối loạn chuyển hóa Hemoglobin
- 2.5. Thăng bằng acid base Thời gian: 3 giờ
  - 2.5.1. Các loại hệ đệm trong cơ thể
  - 2.5.2. Cơ chế đệm của các hệ đệm
  - 2.5.3. Các thông số thăng bằng acid- base trong cơ thể
  - 2.5.4. Rối loạn thăng bằng acid- base

### **Chương 3: Hóa sinh các cơ quan trong cơ thể**

#### **1. Mục tiêu**

- Nêu được vai trò và tính chất lý hóa của máu.
- Giải thích được vai trò điều hòa đường huyết của gan và nêu được các nghiệm pháp thăm dò chức năng gan.
- Nêu được vai trò tạo nước tiểu của thận và biết được các bất thường trong nước tiểu

#### **2. Nội dung chương**

- 2.1. Hóa sinh gan Thời gian: 6 giờ
  - 2.1.1. Thành phần hóa học của nhu mô gan
  - 2.1.2. Các chức năng hóa sinh của gan
  - 2.1.3. Thăm dò hóa sinh hệ thống gan mật
- 2.2. Hóa sinh thận và nước tiểu Thời gian: 6 giờ
  - 2.2.1. Chức năng nội tiết và chuyển hóa của thận
  - 2.2.2. Chức năng lọc và bài tiết của thận
  - 2.2.3. Các chất bình thường và bất thường trong nước tiểu
  - 2.2.4. Thử nghiệm thăm dò chức năng thận
- 2.3. Hóa sinh máu Thời gian: 4 giờ
  - 2.3.1. Tính chất vật lý của máu

### 2.3.2. Thành phần hóa học của máu

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn*: Phòng học thực hành hóa sinh.
- *Dụng cụ và trang bị*: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

*Về kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Tính chất lý hóa, quá trình chuyển hóa và chức năng của glucid, lipid, protid, hemoglobin.
- + Chức năng của các cơ quan bên trong cơ thể như gan, thận,.. và các thăm dò hóa sinh các cơ quan
- + Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành.
- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm* : Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 02 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

#### VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

##### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

##### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Vai trò của glucid, lipid, protid và chức năng chuyển hóa của gan, thận, máu.

4. *Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Hóa sinh của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y Tế (2010), *Hóa sinh (dùng đào tạo Cao đẳng Y học)*, NXB Giáo dục
- Bộ Y tế (2007), *Hóa sinh học (sách dùng đào tạo dược sĩ đại học)*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại Học Y Hà Nội (2003), *Thực tập Hóa Sinh*, NXB Y học
- Bộ Y Tế (2009), *Hóa sinh học*, NXB Giáo dục

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 14

**Tên môn học: BỆNH HỌC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ (Lý thuyết: 39 giờ, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của từng môn học

- Vị trí: Môn học được phân bố vào học kỳ I, sau môn học Sinh lý bệnh.
- Tính chất: Là môn học chung bắt buộc, cung cấp kiến thức cơ bản về bệnh học.

### II. Mục tiêu môn học

- **Kiến thức**
  - + Trình bày được khái niệm về bệnh, nguyên nhân, triệu chứng chính của các bệnh thường gặp đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.
  - + Trình bày được nguyên tắc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, một số bệnh đặc trưng cho từng cơ quan của cơ thể.
- **Kỹ năng:** quan sát, nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh thường gặp.
- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Bệnh tim mạch	6			
	1. Bệnh suy tim		1		
	2. Bệnh tăng huyết áp		2		
	3. Bệnh tăng lipid máu		1		
	4. Bệnh mạch vành		2		
2	<b>Chương 2.</b> Bệnh hô hấp	5			
	1. Bệnh viêm phế quản		1		
	2. Bệnh hen phế quản		2		

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Bệnh viêm phổi		2		
3	<b>Chương 3. Bệnh tiêu hóa - gan - mật</b>	13			
	1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng		2		
	3. Bệnh áp xe gan		1		
	4. Bệnh xơ gan		1		
	5. Bệnh viêm gan virút		1		
	6. Bệnh lồng ruột - tắc ruột		1		
	7. Bệnh tả, lỵ thương hàn		1		1
	8. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em		1		
	9. Bệnh viêm ruột thừa cấp		2		
	10. Bệnh viêm phúc mạc		1		
	11. Bệnh viêm túi mật, sỏi mật		1		
4	<b>Chương 4. Bệnh thận -tiết niệu</b>	3			
	1. Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu, viêm cầu thận		1		
	2. Bệnh viêm cầu thận		1		
	3. Bệnh hội chứng thận hư		1		
5	<b>Chương 5. Bệnh nội tiết</b>	3			
	1. Bệnh Basedow, suy giáp		1		
	2. Bệnh đái tháo đường		2		
6	<b>Chương 6. Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng</b>	3			
	1. Gãy xương: trật khớp, bong gân		1		
	2. Suy dinh dưỡng, còi xương		2		
7	<b>Chương 7. Một số bệnh khác</b>	7			

TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Bảng		1		
	2. Bệnh dị ứng thuốc		2		
	3. Sốt xuất huyết		1		
	4. Viêm não - màng não		1		
	5. Bệnh lây qua đường tình dục		2		
<b>Cộng</b>		<b>40</b>	<b>39</b>		<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1: Bệnh tim mạch

Thời gian: 6 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tim mạch.

#### 2. Nội dung

2.1. Bệnh suy tim

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh tăng huyết áp

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh tăng lipid máu

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

2.4. Bệnh mạch vành

2.4.1. Nguyên nhân

2.4.2. Triệu chứng



2.4.3. Chẩn đoán

2.4.4. Điều trị

## **Chương 2. Bệnh hô hấp**

Thời gian: 5 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh hô hấp.

### **2. Nội dung**

2.1. Bệnh viêm phế quản

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh hen phế quản

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Bệnh viêm phổi

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

2.3.4. Điều trị

## **Chương 3. Bệnh tiêu hóa - gan – mật**

Thời gian: 13 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh đường tiêu hóa – gan – mật.

### **2. Nội dung**

2.1. Bệnh loét dạ dày - tá tràng

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh áp xe gan

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

- 2.3. Bệnh xơ gan
  - 2.3.1. Nguyên nhân
  - 2.3.2. Triệu chứng
  - 2.3.3. Chẩn đoán
  - 2.3.4. Điều trị
- 2.4. Bệnh viêm gan virút
  - 2.4.1. Nguyên nhân
  - 2.4.2. Triệu chứng
  - 2.4.3. Chẩn đoán
  - 2.4.4. Điều trị
- 2.5. Bệnh lồng ruột - tắc ruột
  - 2.5.1. Nguyên nhân
  - 2.5.2. Triệu chứng
  - 2.5.3. Chẩn đoán
  - 2.5.4. Điều trị
- 2.6. Bệnh tả, lỵ thương hàn
  - 2.6.1. Nguyên nhân
  - 2.6.2. Triệu chứng
  - 2.6.3. Chẩn đoán
  - 2.6.4. Điều trị
- 2.7. Bệnh tiêu chảy cấp ở trẻ em
  - 2.7.1. Nguyên nhân
  - 2.7.2. Triệu chứng
  - 2.7.3. Chẩn đoán
  - 2.7.4. Điều trị
- 2.8. Bệnh viêm ruột thừa cấp
  - 2.8.1. Nguyên nhân
  - 2.8.2. Triệu chứng
  - 2.8.3. Chẩn đoán
  - 2.8.4. Điều trị
- 2.9. Bệnh viêm phúc mạc
  - 2.9.1. Nguyên nhân
  - 2.9.2. Triệu chứng
  - 2.9.3. Chẩn đoán
  - 2.9.4. Điều trị

## 2.10. Bệnh viêm túi mật, sỏi mật

### 2.10.1. Nguyên nhân

### 2.10.2. Triệu chứng

### 2.10.3. Chẩn đoán

### 2.10.4. Điều trị

## **Chương 4. Bệnh tiết niệu**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh tiết niệu.

## **2. Nội dung**

### 2.1. Bệnh nhiễm khuẩn tiết niệu

#### 2.1.1. Nguyên nhân

#### 2.1.2. Triệu chứng

#### 2.1.3. Chẩn đoán

#### 2.1.4. Điều trị

### 2.2. Bệnh viêm cầu thận

#### 2.2.1. Nguyên nhân

#### 2.2.2. Triệu chứng

#### 2.2.3. Chẩn đoán

#### 2.2.4. Điều trị

### 2.3. Bệnh hội chứng thận hư

#### 2.3.1. Nguyên nhân

#### 2.3.2. Triệu chứng

#### 2.3.3. Chẩn đoán

#### 2.3.4. Điều trị

## **Chương 5. Bệnh nội tiết**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh nội tiết.

## **2. Nội dung**

### 2.1. Bệnh Basedow, suy giáp

#### 2.1.1. Nguyên nhân

#### 2.1.2. Triệu chứng

#### 2.1.3. Chẩn đoán

#### 2.1.4. Điều trị

### 2.2. Bệnh đái tháo đường

#### 2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

**Chương 6. Bệnh về xương khớp, dinh dưỡng**

Thời gian: 3 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh xương khớp, dinh dưỡng

**2. Nội dung**

2.1. Gãy xương: trật khớp, bong gân

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Suy dinh dưỡng, còi xương

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

**Chương 7. Một số bệnh khác**

Thời gian: 7 giờ

**1. Mục tiêu:** Tìm hiểu nguyên nhân gây bệnh, triệu chứng và cách điều trị các bệnh.

**2. Nội dung**

2.1. Bỏng

2.1.1. Nguyên nhân

2.1.2. Triệu chứng

2.1.3. Chẩn đoán

2.1.4. Điều trị

2.2. Bệnh dị ứng thuốc- sốc phản vệ

2.2.1. Nguyên nhân

2.2.2. Triệu chứng

2.2.3. Chẩn đoán

2.2.4. Điều trị

2.3. Sốt xuất huyết

2.3.1. Nguyên nhân

2.3.2. Triệu chứng

2.3.3. Chẩn đoán

- 2.3.4. Điều trị
- 2.4. Viêm não - màng não
  - 2.4.1. Nguyên nhân
  - 2.4.2. Triệu chứng
  - 2.4.3. Chẩn đoán
  - 2.4.4. Điều trị
- 2.5. Bệnh lây qua đường sinh dục
  - 2.5.1. Nguyên nhân
  - 2.5.2. Triệu chứng
  - 2.5.3. Chẩn đoán
  - 2.5.4. Điều trị

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. **Phòng học chuyên môn hóa:** Học lý thuyết tại hội trường.
2. **Trang thiết bị, máy móc:** bảng, phấn, máy tính, máy chiếu projector
3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:** giáo trình, tài liệu phát tay, tài liệu tham khảo
4. **Các điều kiện khác:** Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập; trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### **1. Nội dung**

- *Về kiến thức:* Trình bày được nguyên nhân, triệu chứng chính, thuốc điều trị và cách phòng một số bệnh thường gặp, bệnh đặc trưng cho từng bộ phận cơ thể.
- *Về kỹ năng:* nhận định và phân tích được triệu chứng của một số bệnh.
- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* thể hiện được tính thận trọng, chính xác trong nhận định và phân biệt được triệu chứng của các bệnh thường gặp.

##### **2. Phương pháp**

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

##### **- Kiểm tra:**

- + Kiểm tra thường xuyên:
  - 01 điểm kiểm tra thường xuyên (KTTX);
  - Thời gian: bằng hoặc dưới 30 phút;
  - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Kiểm tra định kỳ:
  - 01 điểm kiểm tra định kỳ (KTĐK);

- Thời gian: từ 45 đến 60 phút;
  - Hình thức: trắc nghiệm, bài tập nhóm.
- + Điểm trung bình kiểm tra (TBKT):
- Công thức:  $TBKT = [KTTX + (KTĐK \times 2)]/3$
  - Ghi chú: Kiểm tra thường xuyên hệ số 1; Kiểm tra định kỳ hệ số 2.

**- Thi kết thúc môn học:**

+ Điều kiện:

- Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết;
- $TBKT \geq 5,0$  (theo thang điểm 10).

+ 01 điểm thi kết thúc môn học (TKTMH);

+ Thời gian: từ 60 đến 120 phút;

+ Hình thức: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn (MCQs).

**- Điểm môn học (MH):**

+ Công thức:  $MH = (TBKT \times 0,4) + (TKTMH \times 0,6)$

+ Đạt yêu cầu:  $MH \geq 4,0$  (tính theo thang điểm 10).

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### **1. Phạm vi áp dụng môn học**

– Chương trình môn học Bệnh học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm và cao đẳng dược.

**2. Hướng dẫn phương pháp giảng dạy, học tập môn học:** Thuyết trình, kết hợp phương pháp dạy học tích cực.

### **3. Những trọng tâm cần chú ý**

- Đối với giảng viên, giáo viên: Đây là môn học nhằm cung cấp cho học sinh kiến thức cơ bản về các bệnh thường gặp ở mỗi bộ phận của cơ thể để làm tiền đề cho tiếp thu các môn học về thuốc ở các học phần sau, do đó giảng viên trong quá trình giảng dạy cần liên hệ với thực tế, tạo môi trường học tập năng động, tạo điều kiện để người học chủ động trong học tập.

- Đối với người học: Ngoài giờ học trên lớp cần tìm hiểu thêm về kiến thức được học qua sách, tạp chí, liên hệ giữa kiến thức được học và thực tế, tích cực, chủ động trong học tập.

### **4. Tài liệu tham khảo**

- Giáo trình môn học Bệnh học của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2010), *Sinh lý bệnh miễn dịch-phần bệnh học*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2014), *Các bệnh ô nhiễm-lây nhiễm do thực phẩm*, NXB Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2016), *Bệnh học cơ sở*, NXB Y học, Hà Nội.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 15

**Tên môn học: DƯỢC LÝ**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 70 giờ (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ III, thực hiện sau môn học: bệnh học, Hóa dược

- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá và thải trừ thuốc. Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

2. Nêu được tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của các thuốc sử dụng trong điều trị.

- Kỹ năng:

3. Giải thích được một số sự phối hợp thuốc trong thực tế điều trị.

- Thái độ:

4. Thận trọng và luôn cập nhật các thông tin về thuốc

### III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b> Cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc	2	2		
2	<b>Chương 2:</b> Dược động học của thuốc	2	2		
3	<b>Chương 3:</b> Các nhóm thuốc trong điều trị	35			
	1. Thuốc kháng histamin H <sub>1</sub>		2		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	2. Thuốc Glucocorticoid – Thuốc điều trị đái tháo đường – Thuốc ngừa thai		4		
	3. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương		2		1
	4. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp		3		
	5. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa		4		
	6. Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm non-steroid		2		
	7. Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch		6		
	9. Kháng sinh		8		
	10. Thuốc kháng virus – Thuốc điều trị lao phong, thuốc điều trị ký sinh trùng		3		
<b>4</b>	<b>Chương 4: Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng các thuốc</b>				
	1. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng kháng histamine, tác dụng trên hệ hô hấp			2	
	2. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc nhóm glucocorticoids, giảm đau, hạ sốt, chống viêm non-steroid.	<b>30</b>		2	
	3. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng điều trị đái tháo đường, thuốc ngừa thai.			2	
	4. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng trên hệ tiêu hóa			3	1
	5. Nhận thức – phân nhóm – hướng			6	



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	dẫn sử dụng thuốc điều trị suy tim, đau thắt ngực, rối loạn lipid huyết, thuốc điều trị tăng huyết áp				
	6. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc kháng sinh nhóm beta – lactam, aminosid, phenicol, macrolid, quinolon, cyclin, sulfamid kháng khuẩn, kháng virus, thuốc điều trị amib, giun sán			6	
	7. Phân tích tương tác thuốc trong điều trị			4	
	8. Bình đơn thuốc			4	
<b>Tổng cộng</b>		<b>70</b>	<b>39</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được các cách tác dụng của thuốc.
- Trình bày được cơ chế tác dụng chung của thuốc
- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

#### 2. Nội dung chương:

Thời gian: 02 giờ

##### 2.1. Một số khái niệm

##### 2.2. Cơ chế tác dụng của thuốc

###### 2.2.1. Receptor và tác dụng của thuốc

###### 2.2.2. Tác dụng của thuốc trên enzym

###### 2.2.3. Tác dụng của thuốc trên các kênh vận chuyển ion

###### 2.2.4. Tác dụng của thuốc trên hệ thống vận chuyển

##### 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

###### 2.3.1. Các yếu tố thuộc về thuốc

###### 2.3.2. Các yếu tố thuộc về người bệnh

##### 2.4. Phản ứng bất lợi của thuốc

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Phân loại ADR
- 2.4.3. Nguyên nhân gây ra ADR
- 2.4.4. Các biện pháp hạn chế ADR

## **Chương 2: Dược động học của thuốc**

Thời gian: 02 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa, thải trừ của thuốc.
- Trình bày được các thông số dược động học cơ bản

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Hấp thu

- 2.1.1. Vận chuyển thuốc qua màng sinh học
- 2.1.2. Các đường đưa thuốc vào cơ thể và sự hấp thu
- 2.1.3. Một số thông số dược động học liên quan đến quá trình hấp thu

#### 2.2. Phân bố

- 2.2.1. Liên kết thuốc với protein huyết tương
- 2.2.2. Phân bố thuốc đến các tổ chức
- 2.2.3. Một số thông số dược động học liên quan đến quá trình phân bố

#### 2.3. Chuyển hóa

- 2.3.1. Ảnh hưởng của chuyển hóa
- 2.3.2. Những phản ứng chuyển hóa
- 2.3.3. Cảm ứng enzym và ức chế enzym

#### 2.4. Thải trừ

- 2.4.1. Thải trừ qua thận
- 2.4.2. Thải trừ qua đường tiêu hóa
- 2.4.3. Thải trừ qua đường hô hấp
- 2.4.4. Một số thông số dược động học liên quan đến quá trình thải trừ

## **Chương 3: Các nhóm thuốc trong điều trị**

Thời gian: 35 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định, tác dụng phụ, chống chỉ định, tương tác, liều dùng các thuốc được đề cập trong chương
- Phân tích được dược động học của các nhóm thuốc được sử dụng

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Thuốc kháng histamin H<sub>1</sub>

Thời gian: 2 giờ

- 2.1.1. Đại cương
- 2.1.2. Thuốc kháng histamin

- 2.2. Thuốc Glucocorticoid – Thuốc điều trị đái tháo đường – Thuốc ngừa thai  
Thời gian: 4 giờ
- 2.2.1. Thuốc Glucocorticoid
  - 2.2.2. Thuốc điều trị đái tháo đường
  - 2.2.3. Thuốc ngừa thai
- 2.3. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương Thời gian: 2 giờ
- 2.3.1. Đại cương
  - 2.3.2. Các thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương
- 2.4. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp Thời gian: 3 giờ
- 2.4.1. Đại cương
  - 2.4.2. Các thuốc tác dụng trên hệ hô hấp ( thuốc trị ho, hen phế quản)
- 2.5. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa Thời gian: 4 giờ
- 2.5.1. Đại cương
  - 2.5.2. Các thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa (trị viêm loét dạ dày-tá tràng, thuốc trị tiêu chảy, thuốc trị táo bón)
- 2.6. Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm non-steroid Thời gian: 2 giờ
- 2.6.1. Đại cương
  - 2.6.2. Thuốc hạ sốt giảm đau chống viêm non-steroid
- 2.7. Thuốc tác dụng trên hệ tim mạch. Thời gian: 06 giờ
- 2.7.1. Thuốc điều trị suy tim
  - 2.7.2. Thuốc điều trị cơn đau thắt ngực
  - 2.7.3. Thuốc điều trị cao huyết áp
  - 2.7.4. Thuốc điều trị rối loạn lipid huyết
- 2.8. Kháng sinh Thời gian: 8 giờ
- 2.8.1. Cơ chế tác dụng của kháng sinh và sự đề kháng của vi khuẩn
  - 2.8.2. Kháng sinh nhóm beta-lactam
  - 2.8.3. Kháng sinh nhóm aminosid
  - 2.8.4. Kháng sinh nhóm macrolid
  - 2.8.5. Kháng sinh nhóm quinolon
  - 2.8.6. Kháng sinh nhóm phenicol
  - 2.8.7. Kháng sinh nhóm cyclin
- 2.10. Thuốc kháng virus - Thuốc điều trị lao – phong, Thuốc trị ký sinh trùng  
Thời gian: 3 giờ
- 2.10.1. Thuốc kháng virus
  - 2.10.2. Thuốc điều trị lao

- 2.10.3. Thuốc điều trị phong
- 2.10.4. Thuốc trị amib
- 2.10.5. Thuốc trị giun
- 2.10.6. Thuốc trị sán

#### **Chương 4: Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng các thuốc**

1. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng kháng histamine, tác dụng trên hệ hô hấp Thời gian: 2 giờ

1.1. Thuốc kháng histamin H<sub>1</sub>: promethazin, alimemazin, diphenhydramin, clorpheniramin, cetirizin, loratadin, fexofenadin.

1.2. Thuốc điều trị ho: eucalyptol, menthol, terpin – codein, dextromethorphan, acetylcystein, bromhexin, ambroxol.

1.3. Thuốc trị hen phế quản: salbutamol, salmeterol, ipratropium

2. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc nhóm glucocorticoids, giảm đau, hạ sốt, chống viêm non-steroid. Thời gian: 2 giờ

2.1. Thuốc nhóm glucocorticoids: hydrocortison, prednison, prednisolon, methylprednisolon, dexamethason.

2.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm non-steroid: paracetamol, aspirin, floctafenin, diclofenac, ibuprofen, indomethacin, meloxicam, piroxicam, celecoxib, alphachymotrypsin.

3. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng điều trị đái tháo đường, thuốc ngừa thai. Thời gian: 2 giờ

3.1. Thuốc điều trị đái tháo đường: insulin, glimepirid, gliclazid, glimepizid, metformin

3.2. Thuốc có tác dụng ngừa thai: estrogen+progesterin, progesterin liều cực nhỏ, ngừa thai khẩn cấp

4. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc có tác dụng trên hệ tiêu hóa Thời gian: 3 giờ

4.1. Thuốc trị viêm, loét dạ dày – tá tràng: nhôm phosphat, magnesi hydroxyd+ nhôm hydroxyd, cimetidin, famotidin, omeprazol, esomeprazol, pantoprazol, lansoprazol, sucralfat, atropin, drotaverin.

4.2. Thuốc trị tiêu chảy: berberin, oresol, probio, biosubtyl, enterogermina, diosmectite, attapulgate, loperamid.

4.3. Thuốc trị táo bón: lactulose, bisacodyl.

5. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc điều trị suy tim, đau thắt ngực, rối loạn lipid huyết, thuốc điều trị tăng huyết áp. Thời gian: 6 giờ

5.1. Thuốc trị suy tim: digoxin

5.2. Thuốc trị đau thắt ngực: nitroglycerin, isosorbid dinitrat, propranolon, nifedipin, diltiazem, amlodipin, trimetazidin.

5.3. Thuốc trị rối loạn lipid máu: simvastatin, atorvastatin, fenofibrate

5.4. Thuốc trị tăng huyết áp: captopril, enalapril, losartan, nifedipin, diltiazem, amlodipin, methyldopa, propranolon, nifedipin, diltiazem, amlodipin

6. Nhận thức – phân nhóm – hướng dẫn sử dụng thuốc kháng sinh nhóm beta – lactam, aminosid, phenicol, macrolid, quinolon, cyclin, sulfamid kháng khuẩn, kháng virus, thuốc điều trị amib, giun sán Thời gian: 6 giờ

6.1. Kháng sinh: penicilin G,V, ampicilin, amoxicilin, cephalixin, cephadroxil, cefaclor, cefuroxim, cefotaxim, cefixim, gentamicin, tobramycin, neomycin, cloramphenicol, erythromycin, spiramycin, azithromycin, roxithromycin, clarithromycin, acid nalidixic, ciprofloxacin, ofloxacin, levofloxacin, tetracyclin, doxycyclin,

6.2. Sulfamid kháng khuẩn: cotrim, sulfaguanidin,

6.3. Thuốc kháng virus: acyclovir

6.4. Thuốc diệt amib: metronidazol, tinidazol

6.5. Thuốc trị giun sán: mebendazol, albendazol

7. Phân tích tương tác thuốc trong điều trị Thời gian: 4 giờ

8. Bình đơn thuốc Thời gian: 4 giờ

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

1. Phòng học chuyên môn: Phòng học thực hành dược lý.

2. Dụng cụ và trang bị: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành

3. Học liệu: Nguyên liệu, hóa chất, thuốc, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

1. Nội dung

- Về kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hoá và thải trừ thuốc. Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc

+ Tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của các thuốc sử dụng trong điều trị

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành

- Về kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành dược lý

- Về thái độ: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

2. Phương pháp đánh giá:

Áp dụng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội

- Điểm kiểm tra thành phần: (1 cột kiểm tra thường xuyên, 2 cột kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4 (hình thức: trắc nghiệm, bài thực hành, bài tập nhóm).

- Điểm thi kết thúc học phần: gồm lý thuyết và thực hành, trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận các thí nghiệm thực hành

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý: Nắm vững tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tác dụng không mong muốn, đặc biệt tương tác thuốc khi phối hợp điều trị.

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Dược lý của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y tế (2017), *Dược lý học* (sách đào tạo Dược sĩ đại học) tập 1, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Dược lý học* (sách đào tạo Dược sĩ đại học) tập 2, NXB Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2018), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- *MIMS Việt Nam*.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 16

**Tên môn học: BÀO CHẾ**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học

#### - Về kiến thức

1. Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu - nhược điểm của các dạng bào chế thông thường.
2. Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế các dạng thuốc.
3. Trình bày được kỹ thuật bào chế các dạng thuốc.
4. Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế.

#### - Về Kỹ năng

5. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết để bào chế được các dạng thuốc thông thường.
6. Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của mỗi dạng bào chế.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

7. Rèn luyện được tác phong thận trọng, chính xác, trung thực trong bào chế thuốc.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
<b>Phần 1: LÝ THUYẾT</b>		20	19		01
<b>1</b>	<b>Chương 1: Dung dịch thuốc</b> 1. Đại cương 2. Dung môi để điều chế dung dịch thuốc 3. Kỹ thuật điều chế dung dịch thuốc 4. Một số công thức dung dịch thuốc 5. Kỹ thuật điều chế siro thuốc	01	01		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
2	<b>Chương 2: Thuốc tiêm – Thuốc tiêm truyền</b> 1. Thuốc tiêm 1.1. Đại cương thuốc tiêm 1.2. Thành phần thuốc tiêm 1.3. Kỹ thuật pha chế thuốc tiêm 1.4. Yêu cầu chất lượng đối với thuốc tiêm 1.5. Sinh khả dụng thuốc tiêm 1.6. Một số công thức thuốc tiêm 2. Thuốc tiêm truyền 2.1. Đại cương thuốc tiêm truyền 2.2. Một số công thức thuốc tiêm truyền 2.3. Yêu cầu chất lượng thuốc tiêm truyền	02	02		
3	<b>Chương 3: Thuốc nhỏ mắt</b> 1. Đại cương thuốc nhỏ mắt 2. Thành phần thuốc nhỏ mắt 3. Kỹ thuật pha chế - sản xuất thuốc nhỏ mắt 4. Yêu cầu chất lượng thuốc nhỏ mắt 5. Sinh khả dụng thuốc nhỏ mắt 6. Một số công thức thuốc nhỏ mắt	02	02		
4	<b>Chương 4: Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất</b> 1. Đại cương 2. Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất 2.1. Cồn thuốc 2.2. Rượu thuốc 2.3. Cao thuốc	01	01		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
5	<b>Chương 5: Nhũ tương và hỗn dịch thuốc</b> 1. Nhũ tương thuốc 1.1. Đại cương 1.2. Các chất nhũ hóa 1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, độ ổn định và sinh khả dụng 1.4. Các phương pháp nhũ hóa thông dụng để điều chế nhũ tương thuốc 1.5. Kỹ thuật điều chế nhũ tương thuốc uống 1.6. Yêu cầu chất lượng nhũ tương thuốc, đóng gói và bảo quản 2. Hỗn dịch thuốc 2.1. Đại cương 2.2. Chất gây thấm - ổn định hỗn dịch thuốc 2.3. Kỹ thuật điều chế hỗn dịch thuốc 2.4. Kiểm tra chất lượng hỗn dịch thuốc	02	02		
6	<b>Chương 6: Thuốc mỡ</b> 1. Đại cương 2. Tá dược thuốc mỡ 3. Kỹ thuật điều chế thuốc mỡ 4. Yêu cầu chất lượng	01	01		
7	<b>Chương 7: Thuốc đặt</b> 1. Đại cương 2. Kỹ thuật điều chế thuốc đặt 3. Yêu cầu chất lượng thuốc đặt	01	01		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
8	<p><b>Chương 8: Thuốc bột – Thuốc cốm</b></p> <p>1. Kỹ thuật nghiền tán chất rắn</p> <p>2. Thuốc bột</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Ưu, nhược điểm</p> <p>2.3. Phân loại</p> <p>2.4. Kỹ thuật điều chế</p> <p>2.5. Một số công thức điều chế</p> <p>2.6. Đóng gói, bảo quản</p> <p>2.7. Yêu cầu chất lượng</p> <p>3. Thuốc cốm</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Ưu, nhược điểm</p> <p>3.3. Phân loại</p> <p>3.4. Kỹ thuật điều chế</p> <p>3.5. Đóng gói, bảo quản</p> <p>3.6. Yêu cầu chất lượng</p>	02	02		
9	<p><b>Chương 9: Thuốc viên nén – Viên bao</b></p> <p>1. Thuốc viên nén</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Đặc điểm</p> <p>1.3. Phân loại</p> <p>1.4. Ưu, nhược điểm</p> <p>1.5. Kỹ thuật điều chế</p> <p>1.6. Yêu cầu chất lượng</p> <p>1.7. Một số công thức viên nén</p> <p>2. Thuốc viên bao</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Phân loại</p> <p>2.3. Mục đích bao viên</p>	02	02		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	2.4. Kỹ thuật bao viên 2.5. Yêu cầu chất lượng 2.6. Một số công thức tá dược viên bao				
10	<b>Chương 10: Thuốc viên nang</b> 1. Khái niệm 2. Đặc điểm 3. Phân loại 4. Ưu, nhược điểm 5. Kỹ thuật điều chế 6. Yêu cầu chất lượng 7. Một số công thức viên nang	02	02		
11	<b>Chương 11: Thuốc khí dung</b> 1. Khái niệm 2. Các dạng thuốc khí dung 3. Kỹ thuật và điều kiện sản xuất 4. Phương pháp sản xuất 5. Yêu cầu chất lượng	01	01		
12	<b>Chương 12: Thuốc dán thấm qua da và cao dán</b> 1. Định nghĩa 2. Cấu tạo chung 3. Kỹ thuật điều chế	01	01		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	4. Yêu cầu chất lượng				
<b>13</b>	<b>Chương 13: Các dạng thuốc đặc biệt</b> 1. Dạng thuốc phóng thích trễ 2. Dạng thuốc phóng thích kéo dài	02	01		01
<b>Phần 2: THỰC HÀNH</b>		30		29	01
<b>14</b>	Pha cón - Bào chế cón thuốc	04		04	
<b>15</b>	Bào chế cao thuốc	02		02	
<b>16</b>	Bào chế siro đơn - Bào chế siro thuốc	04		04	
<b>17</b>	Bào chế thuốc nhỏ mắt	02		02	
<b>18</b>	Bào chế nhũ tương thuốc - Hỗn dịch thuốc	04		04	
<b>19</b>	Bào chế thuốc mỡ	02		02	
<b>20</b>	Bào chế thuốc đặt	02		02	
<b>21</b>	Bào chế thuốc bột	02		02	
<b>22</b>	Bào chế thuốc cốm	02		2	
<b>23</b>	Bào chế thuốc viên nén	02		2	
<b>24</b>	Bào chế thuốc viên nang	04		03	01
	<b>Cộng</b>	<b>50</b>	<b>19</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Phần 1: Lý thuyết

Thời gian: 19 giờ

#### Chương 1: Dung dịch thuốc

Thời gian: 1 giờ

##### 1. Mục tiêu

- Trình bày được ưu, nhược điểm và thành phần của dung dịch thuốc
- Trình bày được kỹ thuật điều chế siro thuốc

2. Nội dung chương
  - 2.1. Đại cương
    - 2.1.1. Định nghĩa
    - 2.1.2. Ưu nhược điểm của dung dịch thuốc
    - 2.1.3. Thành phần của dung dịch thuốc
  - 2.2. Dung môi để điều chế dung dịch thuốc
  - 2.3. Kỹ thuật điều chế dung dịch thuốc
    - 2.3.1. Kỹ thuật hòa tan – lọc
    - 2.3.2. Kỹ thuật chung điều chế dung dịch thuốc
  - 2.4. Một số công thức dung dịch thuốc
  - 2.5. Kỹ thuật điều chế siro thuốc

## **Chương 2: Thuốc tiêm – Thuốc tiêm truyền**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu
  - Trình bày được thành phần của thuốc tiêm và kỹ thuật pha chế thuốc tiêm.
  - Nêu được các yêu cầu chất lượng thuốc tiêm và thuốc tiêm truyền.
2. Nội dung chương
  - 2.1. Thuốc tiêm
    - 2.1.1. Đại cương thuốc tiêm
    - 2.1.2. Thành phần thuốc tiêm
    - 2.1.3. Kỹ thuật pha chế thuốc tiêm
    - 2.1.4. Yêu cầu chất lượng thuốc tiêm
    - 2.1.5. Sinh khả dụng thuốc tiêm
    - 2.1.6. Một số công thức thuốc tiêm
  - 2.2. Thuốc tiêm truyền
    - 2.2.1. Đại cương thuốc tiêm truyền
    - 2.2.2. Một số công thức thuốc tiêm truyền
    - 2.2.3. Yêu cầu chất lượng thuốc tiêm truyền

## **Chương 3: Thuốc nhỏ mắt**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu
  - Trình bày được thành phần của thuốc nhỏ mắt và kỹ thuật điều chế thuốc nhỏ mắt
  - Nêu được các yêu cầu chất lượng thuốc nhỏ mắt
2. Nội dung chương
  - 2.1. Đại cương thuốc nhỏ mắt
  - 2.2. Thành phần thuốc nhỏ mắt

2.3. Kỹ thuật pha chế - sản xuất thuốc nhỏ mắt

2.4. Yêu cầu chất lượng thuốc nhỏ mắt

2.5. Sinh khả dụng thuốc nhỏ mắt

2.6. Một số công thức thuốc nhỏ mắt

#### **Chương 4: Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất**

Thời gian: 1 giờ

##### 1. Mục tiêu

- Trình bày được các kỹ thuật chiết xuất và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất và chất lượng dịch chiết

- Trình bày được kỹ thuật điều chế cồn thuốc, rượu thuốc, cao thuốc

##### 2. Nội dung chương

###### 2.1. Đại cương

2.1.2. Định nghĩa

2.1.3. Dược liệu và dung môi để điều chế dịch chiết

2.1.4. Các phương pháp chiết xuất

2.1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu suất và chất lượng dịch chiết

###### 2.2. Các dạng thuốc điều chế bằng phương pháp chiết xuất

2.2.1. Cồn thuốc

2.2.2. Rượu thuốc

2.2.3. Cao thuốc

#### **Chương 5: Nhũ tương và hỗn dịch thuốc**

Thời gian: 2 giờ

##### 1. Mục tiêu

- Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, độ ổn định và kỹ thuật điều chế nhũ tương

- Trình bày được kỹ thuật điều chế hỗn dịch thuốc và yêu cầu chất lượng của hỗn dịch thuốc

##### 2. Nội dung chương

###### 2.1. Nhũ tương thuốc

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Các chất nhũ hóa

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, độ ổn định và sinh khả dụng của nhũ tương thuốc

2.1.4. Các phương pháp nhũ hóa thông dụng để điều chế nhũ tương thuốc

2.1.5. Kỹ thuật điều chế nhũ tương thuốc uống

2.1.6. Kiểm soát chất lượng nhũ tương thuốc, đóng gói và bảo quản nhũ tương thuốc

## 2.2. Hỗn dịch thuốc

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Chất gây thắm - ổn định hỗn dịch thuốc

2.2.3. Kỹ thuật điều chế hỗn dịch thuốc

2.2.4. Yêu cầu chất lượng hỗn dịch thuốc

## **Chương 6: Thuốc mỡ**

Thời gian: 1 giờ

### 1. Mục tiêu

- Nêu được định nghĩa và các tá dược thuốc mỡ
- Trình bày được kỹ thuật điều chế thuốc mỡ

### 2. Nội dung chương

2.1. Đại cương

2.2. Tá dược thuốc mỡ

2.3. Kỹ thuật điều chế thuốc mỡ

## **Chương 7: Thuốc đặt**

Thời gian: 1 giờ

### 1. Mục tiêu

- Trình bày được các kỹ thuật điều chế thuốc đặt
- Trình bày được yêu cầu chất lượng của thuốc đặt

### 2. Nội dung chương

2.1. Đại cương

2.2. Kỹ thuật điều chế thuốc đặt

2.3. Yêu cầu chất lượng thuốc đặt

## **Chương 8: Thuốc bột – Thuốc cốm**

Thời gian: 2 giờ

### 1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc nghiền bột đơn, trộn bột kép và kỹ thuật điều chế thuốc bột
- Trình bày được kỹ thuật điều chế và yêu cầu chất lượng thuốc cốm

### 2. Nội dung chương

2.1. Kỹ thuật nghiền, tán chất rắn

2.2. Thuốc bột

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Ưu, nhược điểm

2.2.3. Phân loại

2.2.4. Yêu cầu chất lượng

- 2.15. Kỹ thuật điều chế
- 2.1.6. Một số công thức điều chế
- 2.1.7. Đóng gói, bảo quản
- 2.1.8. Đánh giá chất lượng

## 2.2. Thuốc cốm

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Ưu, nhược điểm
- 2.2.3. Phân loại
- 2.2.4. Yêu cầu chất lượng
- 2.2.5. Kỹ thuật điều chế
- 2.2.6. Đóng gói, bảo quản
- 2.2.7. Đánh giá chất lượng

## **Chương 9: Thuốc viên nén – Viên bao**

Thời gian: 2 giờ

### 1. Mục tiêu

- Nêu được ưu, nhược điểm, phân loại và trình bày được kỹ thuật điều chế viên nén
- Nêu được ưu, nhược điểm, phân loại và trình bày được kỹ thuật bao viên

### 2. Nội dung chương

#### 2.1. Thuốc viên nén

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Đặc điểm
- 2.1.3. Phân loại
- 2.1.4. Ưu, nhược điểm
- 2.1.5. Kỹ thuật điều chế
- 2.1.6. Yêu cầu chất lượng
- 2.1.7. Một số công thức viên nén

#### 2.2. Thuốc viên bao

- 2.2.1. Khái niệm
- 2.2.2. Phân loại
- 2.2.3. Mục đích bao viên
- 2.2.4. Kỹ thuật bao viên
- 2.15. Yêu cầu chất lượng
- 2.1.6. Một số công thức tá dược bao viên

## **Chương 10: Thuốc viên nang**

Thời gian: 2 giờ

### 1. Mục tiêu



- Trình bày đặc điểm, phân loại và ưu nhược điểm viên nang
- Trình bày được kỹ thuật điều chế và yêu cầu chất lượng

## 2. Nội dung chương

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Đặc điểm
- 2.3. Phân loại
- 2.4. Ưu, nhược điểm
- 2.5. Kỹ thuật điều chế
- 2.6. Yêu cầu chất lượng
- 2.7. Một số công thức điều chế viên nang

### **Chương 11: Thuốc khí dung**

Thời gian: 1 giờ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và các dạng thuốc khí dung
- Trình bày được kỹ thuật, điều kiện và phương pháp sản xuất

#### 2. Nội dung chương

- 2.1. Khái niệm
- 2.2. Các dạng thuốc khí dung
- 2.3. Kỹ thuật và điều kiện sản xuất
- 2.4. Phương pháp sản xuất
- 2.5. Yêu cầu chất lượng

### **Chương 12: Thuốc dán thấm qua da và cao dán**

Thời gian: 1 giờ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và cấu tạo chung của thuốc dán.
- Trình bày được kỹ thuật và yêu cầu chất lượng thuốc dán

#### 2. Nội dung chương

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Cấu tạo chung
- 2.3. Kỹ thuật điều chế
- 2.4. Yêu cầu chất lượng

### **Chương 13: Các dạng thuốc đặc biệt**

Thời gian: 1 giờ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và kỹ thuật điều chế dạng thuốc phóng thích kéo dài.
- Trình bày được định nghĩa và kỹ thuật điều chế dạng thuốc phóng thích trễ.

2. Nội dung chương
  - 2.1. Dạng thuốc phóng thích kéo dài
    - 2.1.1. Định nghĩa
    - 2.1.2. Kỹ thuật điều chế
    - 2.1.3. Yêu cầu chất lượng
  - 2.2. Dạng thuốc phóng thích chậm
    - 2.2.1. Định nghĩa
    - 2.2.2. Kỹ thuật điều chế
    - 2.2.3. Yêu cầu chất lượng

Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ

## **Phần 2: Thực hành**

Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu:
  - Bào chế được các dạng thuốc trong thực hành
  - Rèn luyện tác phong nghiêm túc, cẩn thận, trung thực thực hành bào chế thuốc
2. Nội dung chương:
  - 2.1. Pha cồn – Bào chế cồn thuốc Thời gian: 4 giờ
  - 2.2. Bào chế cao thuốc Thời gian: 2 giờ
  - 2.3. Bào chế siro đơn – bào chế siro thuốc Thời gian: 4 giờ
  - 2.4. Bào chế thuốc nhỏ mắt Thời gian: 2 giờ
  - 2.5. Bào chế nhũ tương thuốc – Hỗn dịch thuốc Thời gian: 4 giờ
  - 2.6. Bào chế thuốc mỡ Thời gian: 2 giờ
  - 2.7. Bào chế thuốc đặt Thời gian: 2 giờ
  - 2.8. Bào chế thuốc bột Thời gian: 2 giờ
  - 2.9. Bào chế thuốc cốm Thời gian: 2 giờ
  - 2.10. Bào chế viên nén Thời gian: 2 giờ
  - 2.11. Bào chế viên nang Thời gian: 3 giờ
- Kiểm tra Thời gian: 1 giờ

## **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. *Phòng học chuyên môn:* Phòng học thực hành bào chế.
2. *Trang thiết bị, máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm
3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các

dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

4. *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá

### 1. Nội dung

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Đặc điểm, ưu - nhược điểm của các dạng bào chế thông thường

+ Thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế

+ Các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành: bào chế được các dạng thuốc thông thường.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành bào chế thuốc.

2. *Phương pháp*: Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 02 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thực hành)/2: Trọng số 0,6.

## VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

### 1. Phạm vi áp dụng môn học

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu thực hành bào chế thuốc

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện bào chế các dạng thuốc thông thường

3. *Những trọng tâm cần chú ý*: Kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thông thường

### 4. Tài liệu tham khảo

- Giáo trình môn học Bào chế của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2009), *Công nghệ bào chế dược phẩm*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà

Nội.

- Bộ Y tế (2007), *Kỹ thuật sản xuất dược phẩm, tập 1 và 2*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 17

**Tên môn học: HÓA DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; ( Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Thực hiện trong học kỳ II, thực hiện sau môn học: Hóa hữu cơ.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

1. Trình bày được các nhóm thuốc, các thuốc điển hình trong mỗi nhóm dùng trong điều trị; mối liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng.

2. Trình bày được các thuốc điển hình dùng trong điều trị về nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hoá học, tính chất lý - hoá học, kiểm nghiệm và tác dụng sinh học chung của nhóm.

#### - Kỹ năng:

3. Nhận diện được một số cấu trúc hóa học đơn giản của các thuốc thường dùng.

5. Vận dụng được tính chất lý hóa của thuốc trong kiểm nghiệm và bảo quản

#### - Thái độ:

6. Kiên trì, trung thực và có trách nhiệm trong công việc.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
1	<b>Chương 1:</b>	2			
	<b>1. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm</b>				
	1.1 Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid		1		
	1.2. Thuốc giảm đau loại opiat	1			
2	<b>Chương 2:</b>	1			
	<b>2. Thuốc điều trị ho, hen và thuốc long đờm</b>				

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	2.1. Thuốc điều trị ho – hen		1		
3	<b>Chương 3:</b> 3. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa	2			
	3.1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng		1		
	3.2. Thuốc điều trị tiêu chảy – táo bón		1		
4	<b>Chương 4:</b> 4. Thuốc tim mạch	3			
	4.1. Thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp		2		
	4.2. Thuốc hạ lipid máu, chống loạn nhịp tim		1		
5	<b>Chương 5:</b> 5. Vitamin và một số chất vô cơ	2			
	5.1. Vitamin tan trong nước		2		
	5.2. Vitamin tan trong dầu				
6	<b>Chương 6:</b> 6. Các thuốc kháng histamin	1			
	6.1. Các thuốc kháng histamin		1		
7	<b>Chương 7:</b> 7. Hormon và các thuốc điều chỉnh rối loạn hormone	3			
	7.1. Hormon tuyến yên - Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp điều trị đái tháo đường		1		
	7.2. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp - Hormon tuyến thượng thận và thuốc corticoid - Hormon sinh dục và thuốc tránh thai		2		
8	<b>Chương 8:</b> 8. Thuốc kháng sinh	3			
	8.1. Kháng sinh beta-lactam, tetracyclin,		1		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	8.2. Kháng sinh aminosid, macrolid		1		
	8.3. Kháng sinh lincosamid, quinolon, chloramphenicol		1		
9	<b>Chương 9:</b> 9. Các thuốc điều trị nấm và bệnh do ký sinh trùng	2			
	9.1. Thuốc điều trị nấm, giun, sán		1		
	9.2. Thuốc điều trị sốt rét, ly amip và Trichomonas		1		
10	Kiểm tra	1			1

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

Thời gian: 02 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được phân loại và cơ chế tác dụng chung của nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và giảm đau opioid

- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan giữa cấu trúc và tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, chỉ định chính của nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid

- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan giữa cấu trúc và tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, chỉ định chính của nhóm thuốc giảm đau opioid

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid Thời gian: 01 giờ

2.1.1. Đại cương

2.1.2. Aspirin

2.1.3. Paracetamol

2.1.4. Ibuprofen

2.1.5. Diclofenac

2.1.7. Meloxicam

2.1.8. Celecoxid

2.2. Thuốc giảm đau loại opiat Thời gian: 01 giờ

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Morphin

2.2.3. Pethidin

2.2.4. Methadon

2.2.5. Fentanyl

2.2.6. Naloxon

**Chương 2: Thuốc điều trị ho, hen và thuốc long đờm** Thời gian: 01 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được phân loại của các thuốc điều trị ho, hen và thuốc long đờm
- Trình bày được công thức cấu tạo, tên khoa học, liên quan cấu trúc và tác dụng, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các thuốc điều trị ho, hen và thuốc long đờm

2. Nội dung chương:

2.1. Phân loại thuốc trị ho hen và thuốc long đờm

2.2. Codein

2.3. Dextromethorphan

2.4. Bromhexin

2.5. N- acetylcystein

2.6. Theophyllin

2.7. Salbutamol

**Chương 3: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa** Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên nhân chính và các tác nhân gây loét dạ dày – tá tràng
- Trình bày được phân loại, cơ chế tác dụng các thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng, tiêu chảy- táo bón
- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan cấu trúc – tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng, tiêu chảy – táo bón

2. Nội dung chương:

2.1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày tá tràng Thời gian: 01 giờ

2.1.1. Đại cương thuốc điều trị loét dạ dày – tá tràng

2.1.2. Nhôm hydroxyd gel

2.1.3. Cimetidin

2.1.4. Ranitidin

- 2.1.5. Famotidin
- 2.1.6. Omeprazol
- 2.1.7. Pantoprazol
- 2.1.8. Sucralfat

2.2. Thuốc điều trị tiêu chảy – táo bón Thời gian: 01 giờ

- 2.2.1. Phân loại thuốc điều trị tiêu chảy – táo bón
- 2.2.2. Oresol
- 2.2.3. Loperamid
- 2.2.4. Diphenoxylat
- 2.2.5. Bisacodyl

#### **Chương 4: Thuốc tim mạch**

Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được phân loại thuốc điều trị bệnh tim mạch: tăng huyết áp, hạ lipid máu, chống loạn nhịp tim

- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan cấu trúc – tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các thuốc điều trị tăng huyết áp

- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan cấu trúc – tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các hạ lipid máu, chống loạn nhịp tim

2. Nội dung chương:

2.1. Thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp Thời gian: 02 giờ

- 2.1.1. Nifedipin
- 2.1.2. Amlodipin
- 2.1.3. Enalapril
- 2.1.4. Captopril
- 2.1.5. Losartan
- 2.1.6. Methyldopa

2.2. Thuốc hạ lipid máu, chống loạn nhịp tim Thời gian: 01 giờ

- 2.2.1. Fenofibrat
- 2.2.2. Simvastatin
- 2.2.3. Quinidin
- 2.2.4. Procainamid

#### **Chương 5: Vitamin và một số chất vô cơ**

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:



- Trình bày được định nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của vitamin đối với sức khỏe con người.

- Trình bày được nguồn gốc, công thức cấu tạo, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các vitamin

## 2. Nội dung chương:

### 2.1. Vitamin tan trong nước

Thời gian: 01 giờ

2.1.1. Vitamin B<sub>1</sub>

2.1.2. Vitamin B<sub>2</sub>

2.1.3. Vitamin B<sub>3</sub>

2.1.4. Vitamin B<sub>6</sub>

2.1.5. Vitamin B<sub>9</sub>

2.1.6. Vitamin B<sub>12</sub>

2.1.7. Vitamin C

### 2.2. Vitamin tan trong dầu

Thời gian: 01 giờ

2.2.1. Vitamin A

2.2.2. Vitamin D

2.2.3. Vitamin E

2.2.4. Vitamin K

## **Chương 6: Các thuốc kháng histamin**

Thời gian: 01 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu trúc, cơ chế tác dụng, tác dụng chính của các thuốc kháng histamin.

- Trình bày được công thức cấu tạo, liên quan cấu trúc – tác dụng, tên khoa học, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, công dụng chính các thuốc kháng histamin.

### 2. Nội dung chương:

2.1. Clopheniramin

2.2. Promethazin

2.3. Alimemazin

2.4. Cetirizin

2.5. Diphehydramin

## **Chương 7: Hormon và các thuốc điều chỉnh rối loạn hormon**

Thời gian: 03 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò và phân loại hormon

- Trình bày được cấu trúc, liên quan cấu trúc – tác dụng, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, tác dụng chính, chỉ định của các Hormon tuyến yên - Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp điều trị đái tháo đường

- Trình bày được cấu trúc, liên quan cấu trúc – tác dụng, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, tác dụng chính, chỉ định của các Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp - Hormon tuyến thượng thận và thuốc corticoid - Hormon sinh dục và thuốc tránh thai

2. Nội dung chương:  
2.1. Hormon tuyến yên - Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp điều trị đái tháo đường Thời gian: 01 giờ

2.1.1. Hormon tuyến yên

2.1.2. Hormon tuyến tụy

2.1.3. Thuốc tổng hợp điều trị đái tháo đường

2.2. Hormon tuyến giáp và thuốc kháng giáp - Hormon tuyến thượng thận và thuốc corticoid - Hormon sinh dục và thuốc tránh thai Thời gian: 02 giờ

2.2.1. Hormon tuyến giáp

2.2.2. Thuốc kháng giáp

2.2.3. Hormon tuyến thượng thận

2.2.4. Thuốc corticoid

2.2.5. Hormon sinh dục

2.2.6. Thuốc tránh thai

**Chương 8: Thuốc kháng sinh** Thời gian: 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa và phân loại kháng sinh

- Trình bày được cấu trúc hóa học, liên quan cơ chế - tác dụng, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, chỉ định, chống chỉ định của các nhóm kháng sinh

2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa và phân loại kháng sinh Thời gian: 01 giờ

2.2. Kháng sinh beta-lactam, tetracyclin

2.2.1. Kháng sinh beta-lactam

2.2.2. Kháng sinh tetracyclin

2.3. Kháng sinh aminosid, macrolid Thời gian: 01 giờ

2.3.1. Kháng sinh aminosid

2.3.2. Kháng sinh macrolid

2.4. Kháng sinh lincosamid, quinolon, chloramphenicol Thời gian: 01 giờ

2.4.1. Kháng sinh lincosamid

2.4.2. Kháng sinh quinolon

2.4.3. Kháng sinh chloramphenicol

**Chương 9: Các thuốc điều trị nấm và bệnh do ký sinh trùng** Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cơ chế tác dụng của các nhóm thuốc dùng trong điều trị nấm, giun, sán, sốt rét, lỵ amip và Trichomonas

- Trình bày được công thức cấu tạo, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, tác dụng và công dụng chính của các thuốc điều trị nấm, giun, sán, sốt rét, lỵ amip và Trichomonas

## 2. Nội dung chương:

2.1. Thuốc điều trị nấm, giun, sán Thời gian: 01 giờ

2.1.1. Thuốc điều trị nấm

2.1.2. Thuốc điều trị giun

2.1.3. Thuốc điều trị sán

2.2. Thuốc điều trị sốt rét, lỵ amip và Trichomonas Thời gian: 01 giờ

2.2.1. Thuốc điều trị sốt rét

2.2.2. Thuốc điều trị lỵ amip

2.2.3. Thuốc điều trị Trichomonas

Kiểm tra

Thời gian: 01 giờ

## IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn*: Phòng học thực hành hóa dược, kiểm nghiệm

- *Dụng cụ và trang bị*: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, bảng, phấn, dụng cụ thực hành

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

*Về kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, vấp đáp ((do giảng viên dạy quyết định và thông báo cho sinh viên biết đầu môn học) học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Các nhóm thuốc, các thuốc điển hình trong mỗi nhóm dùng trong điều trị; mối liên quan giữa cấu trúc hóa học và tác dụng, phân loại, cấu tạo hoá học, tính chất lý, hoá học, kiểm nghiệm và tác dụng sinh học

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hiện đúng các quy trình, quy định tại phòng thực hành hóa học, kiểm nghiệm

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, chính xác, trung thực thực hành môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần (thi lý thuyết + thực hành)/2: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học:*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Công thức cấu tạo, tính chất lý hóa, kiểm nghiệm, tác dụng và công dụng chính của các thuốc

### *4. Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Hóa dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y tế (2015), *Hóa dược tập 1 và 2*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2016), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 18

**Tên môn học: DƯỢC LIỆU**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học: 70 giờ** (Lý thuyết: 39 giờ, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ III, thực hiện sau môn học: Thực vật.

- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Về kiến thức:

1. Trình bày được định nghĩa, cấu trúc cơ bản, tính chất chung, phương pháp định tính chung và tác dụng của một số nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu.

2. Nêu được các đặc điểm hình thái thực vật điển hình, bộ phận dùng, cách thu hái, công dụng, cách dùng, bảo quản các cây thuốc đã học trong chương trình.

#### - Kỹ năng:

3. Định tính được một số nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu.

4. Nhận diện và trình bày được bộ phận dùng, thành phần hóa học và tác dụng chính của các dược liệu thường gặp.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

5. Có nhận thức đúng đắn về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của dược liệu trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

6. Có tác phong thận trọng, chính xác, tỉ mỉ trong định tính các nhóm hợp chất, nhận diện và phân biệt được các dược liệu.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
<b>Chương 1: Đại cương về dược liệu học</b>					
1	1. Đại cương về dược liệu học	6	1		
	2. Phương pháp thu hái, chế biến và bảo quản dược liệu		2		
	3. Kỹ thuật kiểm tra chất lượng dược liệu		3		
<b>Chương 2: Các nhóm hợp chất thường gặp trong</b>		<b>18</b>			

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
<b>dược liệu</b>					
<b>2</b>	1. Carbonhydrat – Acid hữu cơ		2		
	2. Glycosid tim - Saponin		4		
	3. Flavonoid - Coumarin - Anthranoid		4		
	4. Alcaloid – Tanin		4		
	5. Tinh dầu – Chất béo		3		<b>1</b>
<b>Chương 3: Dược liệu sử dụng trong chăm sóc sức khỏe</b>					
<b>3</b>	1. Dược liệu chữa cảm sốt, ho hen, bệnh gan, mật, tiêu độc	<b>16</b>	4		
	2. Dược liệu có tác dụng trên hệ thần kinh, hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, hệ hô hấp		4		
	3. Dược liệu có tác dụng kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp, lợi tiểu, bổ dưỡng		4		
	4. Dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng, chữa bệnh phụ nữ		4		
<b>Chương 4: Định tính các hợp chất thường gặp trong dược liệu</b>					
<b>4</b>	1. Khảo sát dược liệu bằng kính hiển vi - Định tính bột và dược liệu chứa tinh bột	<b>15</b>		3	
	2. Định tính dược liệu chứa glycoside tim, saponin			4	
	3. Định tính dược liệu chứa tannin, alcaloid			4	
	4. Định tính dược liệu chứa anthraquinon, flavonoid			4	
<b>Chương 5: Nhận thức dược liệu</b>					
<b>5</b>	1. Dược liệu có tác dụng trên hệ tim mạch, hệ thần kinh, hệ tiêu hóa và hệ hô hấp	<b>15</b>		4	

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	2. Dược liệu chữa cảm sốt, kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp			4	
	3. Dược liệu có tác dụng bổ dưỡng, kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng			3	1
	4. Dược liệu có tác dụng chữa bệnh gan, mật, tiêu độc và dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ			3	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>70</b>	<b>39</b>	<b>29</b>	<b>2</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Đại cương về dược liệu học

*Thời gian: 6 giờ*

#### 1. Mục tiêu:

- Nêu được lịch sử của nền y học thế giới và Việt Nam gắn liền với môn học và vị trí của dược liệu trong ngành y tế
- Trình bày được việc thu hái, chế biến và bảo quản dược liệu
- Trình bày được các kỹ thuật kiểm tra chất lượng dược liệu
- Trình bày được các phương pháp chiết xuất và ứng dụng các phương pháp vào chiết xuất các hợp chất thường gặp.

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Đại cương về dược liệu học

*Thời gian: 1 giờ*

###### 2.1.1. Lịch sử phát triển môn dược liệu

###### 2.1.2. Vị trí của dược liệu trong ngành y tế

##### 2.2. Thu hái, chế biến và bảo quản dược liệu

*Thời gian: 2 giờ*

##### 2.3. Kỹ thuật kiểm tra chất lượng dược liệu

*Thời gian: 3 giờ*

### Chương 2: Các nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu

*Thời gian: 18 giờ*

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa các nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu.
- Biết được cấu trúc hóa học các nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu
- Trình bày được các phương pháp để chiết xuất mỗi nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu
- Trình bày được tác dụng và công dụng các nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu

- Liệt kê được tên các dược liệu, thành phần hóa học, công dụng của các dược liệu điển hình trong mỗi nhóm hợp chất hữu cơ.

2. Nội dung chương:

2.1. Carbonhydrat – Acid hữu cơ *Thời gian: 2 giờ*

2.1.1. Carbonhydrat

2.2.2. Acid hữu cơ

2.2. Glycosid tim - Saponin *Thời gian: 4 giờ*

2.2.1. Glycosid tim

2.2.2. Saponin

2.3. Flavonoid – Coumarin – Anthranoid *Thời gian: 4 giờ*

2.3.1. Flavonoid

2.3.2. Coumarin

2.3.3. Anthranoid

2.6. Alcaloid – Tanin *Thời gian: 4 giờ*

2.6.1. Alcaloid

2.6.2. Tanin

2.5. Tinh dầu – Chất béo *Thời gian: 4 giờ*

2.5.1. Tinh dầu

2.5.2. Chất béo

2.5.3. Kiểm tra

**Chương 3: Dược liệu sử dụng trong chăm sóc sức khỏe** *Thời gian: 16 giờ*

1. Mục tiêu:

- Phân loại được các dược liệu theo nhóm dược lý trị liệu

- Trình bày được đặc điểm thực vật, bộ phận dùng, thành phần hóa học, công dụng, cách dùng dược liệu thuộc các nhóm dược liệu đã học

2. Nội dung chương:

2.1. Dược liệu chữa cảm sốt, ho hen, bệnh gan, mật, tiêu độc

*Thời gian: 4 giờ*

2.1.1. Dược liệu chữa cảm sốt

2.1.2. Dược liệu chữa ho hen

2.1.3. Dược liệu có tác dụng tiêu độc

2.1.4. Dược liệu chữa bệnh gan, mật

2.2. Dược liệu có tác dụng trên hệ thần kinh, hệ tim mạch, hệ tiêu hóa, hệ hô

hấp

*Thời gian: 4 giờ*

2.2.1. Dược liệu có tác dụng trên hệ thần kinh



- 2.2.2. Dược liệu có tác dụng trên hệ tim mạch
- 2.2.3. Dược liệu có tác dụng trên hệ hô hấp
- 2.2.4. Dược liệu có tác dụng lên hệ tiêu hóa
- 2.3. Dược liệu có tác dụng kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp, lợi tiểu, bổ dưỡng *Thời gian: 4 giờ*
  - 2.3.1. Dược liệu có tác dụng kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp
  - 2.3.2. Dược liệu có tác dụng lợi tiểu
  - 2.3.3. Dược liệu có tác dụng bổ dưỡng
- 2.4. Dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng, chữa bệnh phụ nữ *Thời gian: 4 giờ*
  - 2.4.1. Dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ
  - 2.4.2. Dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng

**Chương 4: Định tính các hợp chất thường gặp trong dược liệu** *Thời gian: 15 giờ*

- 1. Mục tiêu:
  - Thực hiện được các phương pháp chiết xuất và định tính dược liệu: chứa tinh bột, glycoside tim, saponin, tanin, alcaloid, anthraquinon, flavonoid bằng phản ứng hóa học
- 2. Nội dung chương:
  - 2.1. Khảo sát dược liệu bằng kính hiển vi - Định tính bột và dược liệu chứa tinh bột *Thời gian: 3 giờ*
    - 2.1.1. Khảo sát dược liệu bằng kính hiển vi
    - 2.1.2. Định tính bột và dược liệu chứa tinh bột
  - 2.2. Định tính dược liệu chứa glycoside tim, saponin *Thời gian: 4 giờ*
    - 2.2.1. Định tính dược liệu chứa glycoside tim
    - 2.2.2. Định tính dược liệu chứa saponin
  - 2.3. Định tính dược liệu chứa tanin, alcaloid *Thời gian: 4 giờ*
    - 2.3.1. Định tính dược liệu chứa tanin
    - 2.3.2. Định tính dược liệu chứa alkaloid
  - 2.4. Định tính dược liệu chứa anthraquinon, flavonoid *Thời gian: 4 giờ*
    - 2.4.1. Định tính dược liệu chứa anthraquinon
    - 2.4.2. Định tính dược liệu chứa flavonoid

**Chương 5: Nhận thức dược liệu** *Thời gian: 15 giờ*

- 1. Mục tiêu:
  - Nhận thức được các dược liệu có tác dụng trên hệ tim mạch, hệ thần kinh, hệ tiêu hóa và hệ hô hấp, chữa cảm sốt, kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp, tác

dụng bổ dưỡng, kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng, chữa bệnh gan, mật, tiêu độc và dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ

## 2. Nội dung chương:

2.1. Dược liệu có tác dụng trên hệ tim mạch, hệ thần kinh, hệ tiêu hóa và hệ hô hấp

2.1.1. Dược liệu có tác dụng trên hệ tim mạch

2.1.2. Dược liệu có tác dụng trên hệ thần kinh

2.1.3. Dược liệu có tác dụng trên hệ tiêu hóa

2.1.4. Dược liệu có tác dụng trên hệ hô hấp

2.2. Dược liệu chữa cảm sốt, kháng viêm, giảm đau, chữa thấp khớp

2.2.1. Dược liệu chữa cảm sốt

2.2.2. Dược liệu kháng viêm, giảm đau

2.2.3. Dược liệu chữa thấp khớp

2.3. Dược liệu có tác dụng bổ dưỡng, kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng

2.3.1. Dược liệu có tác dụng bổ dưỡng

2.3.2. Dược liệu có tác dụng kháng khuẩn, diệt ký sinh trùng

2.4. Dược liệu có tác dụng chữa bệnh gan, mật, tiêu độc và dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ - Nhận thức cây thuốc tươi tại vườn dược liệu

2.4.1. Dược liệu có tác dụng chữa bệnh gan, mật

2.4.2. Dược liệu có tác dụng tiêu độc

2.4.3. Dược liệu có tác dụng chữa bệnh phụ nữ

2.4.4. Nhận thức cây thuốc tươi tại vườn dược liệu

## IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn*: Phòng học thực hành dược liệu.

- *Dụng cụ và trang bị*: Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành chiết xuất và định tính

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

## V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

*Về kiến thức*: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Cấu trúc cơ bản, tính chất chung, phương pháp định tính chung và tác dụng của một số nhóm hợp chất thường gặp trong dược liệu

+ Đặc điểm hình thái thực vật điển hình, bộ phận dùng, cách thu hái, công dụng, cách dùng, bảo quản các cây thuốc

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành dược liệu

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (02 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 02 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thực hành)/2, trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học:*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành.

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm.

3. *Những trọng tâm cần chú ý*: Định tính được một số nhóm hợp chất, bộ phận dùng, thành phần hóa học và tác dụng chính của các dược liệu thường gặp.

### *4. Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Dược liệu của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2007), *Dược liệu* (sách dùng đào tạo dược sỹ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2006), *Dược học cổ truyền* (sách dùng đào tạo dược sỹ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Võ Văn Chi (2003), *Từ điển Thực vật thông dụng*, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

- Đỗ Tất Lợi (2015), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Y học, NXB Thời Đại.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 19

**Tên môn học: KIỂM NGHIỆM**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 50 giờ; ( Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

**I. Vị trí, tính chất của môn học:**

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ III, thực hiện sau môn học: Hóa phân tích, Dược liệu, Hóa dược, Bào chế.

- Tính chất môn học: môn học chuyên môn ngành.

**II. Mục tiêu môn học:**

**- Về kiến thức:**

1. Trình bày được hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí của công tác kiểm nghiệm.

2. Giải thích được nguyên lý của một số phương pháp hoá học, hoá lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc.

3. Thực hiện kiểm nghiệm được các tiêu chí chính của một số dạng chế phẩm.

**- Kỹ năng:**

4. Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của người kiểm nghiệm viên.

**- Thái độ:**

5. Thể hiện thái độ nghiêm túc, trung thực, phương pháp làm việc khoa học.

**III. Nội dung môn học:**

**1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:**

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
1	<b>Chương I: Đại cương</b>	4	4		
	1. Chất lượng thuốc và công tác kiểm tra chất lượng thuốc		2		
	2. Công tác tiêu chuẩn hóa		1		
	3. Nguyên tắc thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)		1		
2	<b>Chương II: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc</b>	5	5		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	1. Quang phổ UV-VIS và ứng dụng trong kiểm nghiệm		3		
	2. Sắc ký lớp mỏng và ứng dụng trong kiểm nghiệm.		2		
3	<b>Chương III: Kiểm nghiệm các dạng bào chế</b>	41	<b>10</b>	<b>29</b>	<b>2</b>
	1. Kiểm nghiệm viên nén, viên nang		4	8	
	2. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền		4	8	
	3. Kiểm nghiệm thuốc bột, cốm.		2	4	1
	4. Kiểm nghiệm thuốc uống dạng lỏng.			4	
	5. Kiểm nghiệm thuốc mỡ.			2	
	4. Kiểm nghiệm thuốc đông dược.			3	1

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương I: Đại cương

Thời gian: 04 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí của công tác kiểm nghiệm trong hệ thống này
- Trình bày được các nhiệm vụ chủ yếu của công tác kiểm nghiệm

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Chất lượng thuốc và công tác kiểm tra chất lượng thuốc

Thời gian: 2 giờ

###### 2.1.1. Thuốc và yêu cầu chất lượng

###### 2.1.2. Kiểm tra chất lượng thuốc

###### 2.1.3. Hệ thống tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc

##### 2.2. Công tác tiêu chuẩn hóa

Thời gian: 1 giờ

###### 2.2.1. Khái niệm

###### 2.2.2. Công tác xây dựng tiêu chuẩn

###### 2.2.3. Công tác áp dụng tiêu chuẩn trong thực tế

###### 2.2.4. Giới thiệu Dược điển Việt Nam

##### 2.3. Nguyên tắc thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP) Thời gian: 1 giờ

- 2.3.1. Về tổ chức và nhân sự
- 2.3.2. Về cơ sở vật chất chung
- 2.3.3. Trang thiết bị
- 2.3.4. Cơ sở vật chất cho các phép thử
- 2.3.5. Quy định về qui trình và hướng dẫn thử nghiệm
- 2.3.6. Qui trình báo cáo kết quả

## **Chương II: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc**

Thời gian: 05 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Giải thích được cách hiệu chuẩn máy quang phổ tử ngoại – khả kiến
- Trình bày được các phương pháp định lượng bằng quang phổ tử ngoại – khả kiến
- Giải thích và vận dụng được kỹ thuật sắc ký lớp mỏng trong công tác kiểm nghiệm thuốc.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Quang phổ UV-VIS và ứng dụng trong kiểm nghiệm Thời gian: 3 giờ

- 2.1.1. Độ hấp thụ
- 2.1.2. Máy quang phổ
- 2.1.3. Hiệu chuẩn máy quang phổ
- 2.1.4. Ứng dụng phổ UV-VIS trong kiểm nghiệm thuốc

#### 2.2. Sắc ký lớp mỏng và ứng dụng trong kiểm nghiệm. Thời gian: 2 giờ

- 2.2.1. Nguyên tắc của TLC
- 2.2.2. Pha tĩnh của TLC
- 2.2.3. Pha động của TLC
- 2.2.4. Kỹ thuật TLC
- 2.2.5. Vài thông số đặc trưng của TLC
- 2.2.6. Ứng dụng của TLC

## **Chương III: Kiểm nghiệm các dạng bào chế**

Thời gian: 41 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng các dạng bào chế: Thuốc bột, thuốc viên nén, viên nang, thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, thuốc mỡ, thuốc uống dạng lỏng, thuốc đông dược.
- Đánh giá được kết quả kiểm nghiệm đối với một mẫu kiểm nghiệm thành phẩm cụ thể các dạng bào chế trên.

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Kiểm nghiệm viên nén, viên nang

Thời gian: 12 giờ

- 2.1.1. Yêu cầu kỹ thuật
- 2.1.2. Phương pháp thử
- 2. 2. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền. Thời gian: 12 giờ
  - 2.2.1. Yêu cầu kỹ thuật
  - 2.2.2. Phương pháp thử
- 2. 3. Kiểm nghiệm thuốc bột, cốm. Thời gian: 6 giờ
  - 2.3.1. Yêu cầu kỹ thuật
  - 2.3.2. Phương pháp thử
- 2. 4. Kiểm nghiệm thuốc uống dạng lỏng Thời gian: 4 giờ
  - 2.4.1. Yêu cầu kỹ thuật
  - 2.4.2. Phương pháp thử
- 2. 5. Kiểm nghiệm thuốc mỡ Thời gian: 2 giờ
  - 2.5.1. Yêu cầu kỹ thuật
  - 2.5.2. Phương pháp thử
- 2. 6. Kiểm nghiệm thuốc đông dược. Thời gian: 3 giờ
  - 2.6.1. Yêu cầu kỹ thuật
  - 2.6.2. Phương pháp thử
- 2.7. Kiểm tra lý thuyết Thời gian: 1 giờ
- 2.8. Kiểm tra thực hành Thời gian: 1 giờ

#### **V. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Phòng học chuyên môn:* Phòng học thực hành kiểm nghiệm.
- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR, dụng cụ thực hành thí nghiệm
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc và vị trí của công tác kiểm nghiệm
- + Nguyên lý của một số phương pháp hoá học, hoá lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc.

+ Báo cáo kết quả thực hành sau mỗi buổi thực hành

- *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của học sinh thông qua việc thực hành tại phòng thực hành: kiểm nghiệm được các tiêu chí chính của một số dạng chế phẩm

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Chuyên cần, tác phong nghiêm túc, trung thực thực hành môn học.

Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (02 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 02 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: (thi lý thuyết + thực hành)/2: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học:*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận các thí nghiệm thực hành

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành

*3. Những trọng tâm cần chú ý:* Hướng dẫn rõ các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng các dạng bào chế và đánh giá kết quả kiểm nghiệm đối với một mẫu kiểm nghiệm thành phẩm

### *4. Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Kiểm nghiệm của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2011), *Kiểm nghiệm dược phẩm* (sách đào tạo Dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 20

**Tên môn học: DƯỢC LÂM SÀNG**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ III, thực hiện sau môn học: Bệnh học, Dược lý 1, 2.

- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Kiến thức:

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản liên quan đến các thông số dược động học lâm sàng

2. Nêu được nguyên tắc sử dụng hợp lý một số nhóm thuốc thông dụng.

3. Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi cơ bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.

#### - Kỹ năng:

4. Thực hiện được kỹ năng khai thác thông tin về bệnh sử và các thuốc bệnh nhân đã sử dụng.

5. Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc hợp lý – an toàn cho bệnh nhân.

6. Phân tích được các thuốc sử dụng trong điều trị một số bệnh thường gặp.

#### - Thái độ:

7. Có tác phong trung thực, chính xác và ân cần khi tiếp xúc với bệnh nhân

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TT	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về Dược lâm sàng	2	2		
2	Chương 2: Dược động học lâm sàng	4	4		
3	Chương 3: Thông tin thuốc và tương tác thuốc	4	4		
4	Chương 4: Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt	4	4		
5	Chương 5: Nguyên tắc sử dụng kháng sinh an	4	4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TT	Kiểm tra
	toàn, hợp lý				
6	<b>Chương 6:</b> Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs và glucocorticoid an toàn, hợp lý	8			
	6.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs		4		
	6.2. Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid		4		
7	<b>Chương 7:</b> Nguyên tắc sử dụng thuốc có tác dụng trên đường tiêu hóa, đường hô hấp	5			
	7.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị viêm loét dạ dày – tá tràng		2		
	7.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị hen suyễn		3		
8	<b>Chương 8:</b> Nguyên tắc sử dụng thuốc trị tăng huyết áp	4	4		
9	<b>Chương 9:</b> Nguyên tắc sử dụng thuốc trị đái tháo đường	4	4		
10	Kiểm tra	1			1

## 2. Nội dung chi tiết:

### Chương 1: Đại cương về Dược lâm sàng

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục tiêu cơ bản của môn học dược lâm sàng
- Trình bày vai trò và cách tiếp cận của dược sĩ lâm sàng với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý

#### 2. Nội dung chương:

##### 2.1. Định nghĩa dược lâm sàng

##### 2.2. Mục tiêu cơ bản của môn học

##### 2.3. Nội dung và cách tiếp cận của dược sĩ lâm sàng với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý

###### 2.3.1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn thuốc hợp lý

###### 2.3.2. Vai trò của dược sĩ lâm sàng

## **Chương 2: Dược động học lâm sàng**

Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa của 4 thông số cơ bản đặc trưng cho mỗi giai đoạn trong chu trình tuần hoàn của thuốc trong cơ thể
- Trình bày được cách tính 4 thông số: AUC, Vd, Cl, và  $T_{1/2}$
- Nêu ý nghĩa của các thông số này trong điều trị

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Diện tích dưới đường cong (AUC)

- 2.1.1. Khái niệm về diện tích dưới đường cong, sinh khả dụng
- 2.1.2. Cách tính diện tích dưới đường cong, sinh khả dụng
- 2.1.3. Ý nghĩa

#### 2.2. Thể tích phân bố (Vd)

- 2.2.1. Khái niệm về thể tích phân bố
- 2.2.2. Ý nghĩa

#### 2.3. Độ thanh thải của thuốc (Cl)

- 2.3.1. Định nghĩa
- 2.3.2. Những công thức tính độ thanh thải của thuốc
- 2.3.3. Ý nghĩa

#### 2.4. Thời gian bán thải ( $T_{1/2}$ )

- 2.4.1. Định nghĩa
- 2.4.2. Cách tính thời gian bán thải
- 2.4.3. Ý nghĩa

## **Chương 3: Thông tin thuốc và tương tác thuốc**

Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Phân loại nguồn thông tin thuốc
- Trình bày nội dung thông tin thuốc cho các bộ y tế và người bệnh
- Định nghĩa và phân loại được tương tác thuốc
- Trình bày được cơ chế tương tác Thuốc – Thuốc ở bốn giai đoạn ADME và nêu ý nghĩa trong điều trị
- Nêu được ảnh hưởng của thức ăn và nước uống đến số phận của thuốc trong cơ thể
- Tra cứu được nguồn thông tin thuốc, tương tác thuốc tin cậy, chính xác

### 2. Nội dung chương

#### 2.1. Phân loại và yêu cầu thông tin thuốc

- 2.1.1 Thông tin thuốc loại I

- 2.1.2. Thông tin thuốc loại II
- 2.1.3. Thông tin thuốc loại III
- 2.2. Nội dung thông tin thuốc
  - 2.2.1 Thông tin thuốc cho cán bộ y tế
  - 2.2.2. Thông tin thuốc cho người bệnh
- 2.3. Tương tác Thuốc – Thuốc
  - 2.3.1. Khái niệm chung
  - 2.3.2. Tương tác dược lực học
  - 2.3.3. Tương tác dược động học
- 2.4. Tương tác Thuốc – Thức ăn – Đồ uống
  - 2.4.1. Ảnh hưởng của thức ăn đến thuốc
  - 2.4.2. Ảnh hưởng của đồ uống đến thuốc

**Chương 4: Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt**      Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày sự khác biệt về dược động học của trẻ em, phụ nữ mang thai-cho con bú và người cao tuổi
- Trình bày các lưu ý khi sử dụng thuốc cho trẻ em, PNCT-CCB và người cao tuổi

2. Nội dung chương:

2.1. Trẻ em

- 2.1.1. Sự khác biệt về dược động học của thuốc ở trẻ em so với người lớn
- 2.1.2. Sự khác biệt về đáp ứng với thuốc ở trẻ em
- 2.1.3. Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng thuốc cho trẻ em

2.2. Người cao tuổi

- 2.2.1. Những thay đổi sinh lý và biến đổi do bệnh lý ở người cao tuổi
- 2.2.2. Những khác biệt về dược động học ở người cao tuổi
- 2.2.3. Một số điểm cần lưu ý khi sử dụng thuốc cho người cao tuổi

2.3. Phụ nữ có thai và phụ nữ thời kỳ cho con

- 2.3.1. Những thay đổi sinh lý ở PNCT-CCB
- 2.3.2. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai
- 2.3.3. Sử dụng thuốc cho phụ nữ thời kỳ cho con bú

**Chương 5: Nguyên tắc sử dụng kháng sinh an toàn, hợp lý**      Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được sự đề kháng kháng sinh của vi khuẩn

- Phân tích được nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị
- Phân tích được nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật.

## 2. Nội dung chương:

### 2.1. Sự đề kháng kháng sinh

### 2.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh trong điều trị

#### 2.1.1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn

#### 2.1.2. Phải biết lựa chọn kháng sinh hợp lý

#### 2.1.3. Phải lựa chọn dạng thuốc thích hợp

#### 2.1.4. Phải sử dụng kháng sinh đúng liều lượng

#### 2.1.5. Phải sử dụng kháng sinh đúng thời gian quy định

#### 2.1.6. Sử dụng kháng sinh dự phòng hợp lý

#### 2.1.7. Chỉ phối hợp kháng sinh khi cần thiết

### 2.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh dự phòng nhiễm khuẩn trong phẫu thuật

#### 2.2.1. Thời điểm đưa thuốc phải đúng

#### 2.2.2. Chọn kháng sinh phải đúng

## **Chương 6: Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs và thuốc corticoid an toàn, hợp lý**

Thời gian: 8 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Phân tích được các nguyên tắc lựa chọn Glucocorticoid trong điều trị
- Phân tích được 4 nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs
- Phân tích được các nguyên tắc sử dụng vitamin – khoáng chất trong điều trị

## 2. Nội dung chương:

### 2.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs

Thời gian: 4 giờ

#### 2.2.1. Sinh lý bệnh của phản ứng đau

#### 2.2.2. Một số đặc tính dược lý của các thuốc giảm đau

### 2.1.3. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm NSAIDs

### 2.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc corticoid an toàn, hợp lý

Thời gian: 4 giờ

#### 2.1.1. Tác dụng của glucocorticoid đối với cơ thể

#### 2.1.3. Tác dụng phụ và cách khắc phục

#### 2.1.4. Nguyên tắc sử dụng Glucocorticoid

## **Chương 7: Nguyên tắc sử dụng thuốc có tác dụng trên đường tiêu hóa, đường hô hấp**

Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được yếu tố nguy cơ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm loét dạ dày – tá tràng.
- Trình bày nguyên nhân bệnh sinh và chẩn đoán hen suyễn.
- Phân tích được các nguyên tắc sử dụng thuốc trị loét dạ dày - tá tràng
- Phân tích được các nguyên tắc lựa chọn thuốc điều trị hen suyễn
- Tư vấn các biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị loét dạ dày – tá tràng và hen suyễn

### 2. Nội dung chương:

#### 2.1. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị loét dạ dày – tá tràng Thời gian: 2 giờ

2.1.1. Yếu tố nguy cơ, cơ chế bệnh sinh, đặc điểm loét dạ dày – tá tràng.

2.1.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị loét dạ dày – tá tràng

2.1.3. Biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị loét dạ dày – tá tràng

#### 2.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc trị hen suyễn Thời gian: 3 giờ

2.2.1. Nguyên nhân bệnh sinh và chẩn đoán hen suyễn

2.2.2. Nguyên tắc lựa chọn thuốc điều trị hen suyễn

2.2.3. Biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị hen suyễn

## **Chương 8: Nguyên tắc sử dụng thuốc trị tăng huyết áp** Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, chẩn đoán tăng huyết áp, biến chứng tăng huyết áp.

- Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc, điều trị bệnh tăng huyết áp.

- Tư vấn các biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị tăng huyết áp

### 2. Nội dung chương:

2.1. Định nghĩa, phân loại, chẩn đoán tăng huyết áp, các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến huyết áp, biến chứng tăng huyết áp

2.1.1. Định nghĩa, phân loại tăng huyết áp

2.1.2. Chẩn đoán tăng huyết áp

2.1.3. Biến chứng tăng huyết áp

2.2. Mục tiêu, nguyên tắc, điều trị bệnh tăng huyết áp

2.2.1. Mục tiêu điều trị, nguyên tắc điều trị

2.2.2. Phối hợp thuốc trị tăng huyết áp

2.3. Biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị tăng huyết áp

## **Chương 9: Nguyên tắc sử dụng thuốc trị đái tháo đường** Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa, phân loại, cơ chế bệnh sinh, tiêu chuẩn chẩn đoán, biến chứng bệnh đái tháo đường.

- Trình bày được mục tiêu, nguyên tắc điều trị bệnh đái tháo đường.

- Tư vấn các biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị đái tháo đường

2.1. Định nghĩa, phân loại, cơ chế bệnh sinh, tiêu chuẩn chẩn đoán, biến chứng bệnh đái tháo đường.

2.1.1 Định nghĩa, phân loại bệnh đái tháo đường

2.1.2 Cơ chế bệnh sinh bệnh đái tháo đường

2.1.3 Tiêu chuẩn chẩn đoán, biến chứng bệnh đái tháo đường.

2.2. Mục tiêu, thuốc điều trị bệnh đái tháo đường

2.2.1 Mục tiêu, nguyên tắc điều trị đái tháo đường

2.2.2 Phối hợp thuốc điều trị đái tháo đường

2.3. Biện pháp không dùng thuốc hỗ trợ điều trị đái tháo đường

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR,

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

+ Nguyên tắc sử dụng hợp lý một số nhóm thuốc thông dụng.

- *Về kỹ năng:* Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân

- *Về thái độ:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Có tác phong trung thực, chính xác và ân cần khi tiếp xúc với bệnh nhân.

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

### **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Sử dụng thuốc trên các đối tượng đặc biệt, sử dụng kháng sinh an toàn, hợp lý, tương tác thuốc

4. *Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Dược lâm sàng của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Bộ Y tế (2011), *Dược Lâm Sàng* (sách dùng đào tạo dược sĩ đại học), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Bộ Y tế (2015), *Dược lý học* (sách đào tạo dược sĩ đại học) tập 1 và 2, NXB Y học, Hà Nội.
- GS.TS. Hoàng Thị Kim Huyền, GS.TS. J.R.B.J.Brouwers, *Dược Lâm Sàng – Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị T1, T2* (2015), NXB Y học, Hà Nội
- Bộ Y tế (2017), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- *MIMS Việt Nam*.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 21

### Tên môn học: THỰC TẬP DƯỢC LÂM SÀNG

#### Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ, Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 88 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ III, thực hiện sau môn học: Bệnh học, Dược lý 1,2 và Dược lâm sàng.

- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### - Kiến thức:

1. Phân tích được các thuốc sử dụng trên bệnh nhân và giải thích được các phối hợp, tương tác thuốc có trong bệnh án.

##### - Kỹ năng:

2. Thu thập bệnh án điều trị và tóm tắt bệnh án.

3. Thực hiện được kỹ năng khai thác thông tin về bệnh sử và các thuốc bệnh nhân đã sử dụng.

4. Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc và giải quyết các sai sót, tương tác bất lợi (nếu có) trong bệnh án.

5. Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý cho bệnh nhân.

##### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

6. Có tác phong khoa học, trung thực và ân cần khi tiếp xúc với bệnh nhân.

7. Rèn luyện khả năng giao tiếp và thông tin thuốc cho bệnh nhân và cán bộ y tế.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN BT, TL	Kiểm tra
1	Thực hành tại khoa lâm sàng bệnh viện/ TTYT	90	0	88	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>88</b>	<b>2</b>

##### 2. Chỉ tiêu thực tập

STT	CHỈ TIÊU
1	Thu thập bệnh án điều trị và tóm tắt thông tin bệnh án
2	Thực hiện kỹ năng khai thác thông tin về bệnh sử và các thuốc bệnh nhân đã sử dụng.
3	Tra cứu thông tin thuốc, phân tích các thuốc sử dụng cho bệnh nhân
4	Giải thích được các phối hợp thuốc, tương tác thuốc có trong bệnh án và giải quyết các sai sót, tương tác bất lợi (nếu có) trong bệnh án.
5	Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý cho bệnh nhân
6	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân và cán bộ y tế khác (bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng,..)

#### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn hóa*: Thực tập tại khoa lâm sàng bệnh viện/ TTYT
- *Trang thiết bị máy móc*: Máy tính cá nhân.
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính);
- *Các điều kiện khác*: Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### V. Nội dung và phương pháp đánh giá

##### 1. Nội dung

*Về kiến thức*: Đánh giá thông qua nội dung bài báo cáo thực tập và vấn đáp với sinh viên sau khi kết thúc thực tập, sinh viên phải:

+ Giải thích, đánh giá được phối hợp thuốc sử dụng trong điều trị.

- *Về kỹ năng*:

+ Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, tìm kiếm tài liệu tham khảo.

+ Hướng dẫn được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Đánh giá trong quá trình thực tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở, chấp hành đúng quy định của cơ sở thực tập và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tích cực tham gia tìm hiểu, học tập các công việc tại cơ sở thực tập.

+ Có thái độ tôn trọng, hòa nhã, ân cần khi giao tiếp với bệnh nhân và cán bộ y tế khác.

##### 2. Phương pháp đánh giá

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

**Điểm kiểm tra thành phần:** ( 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 01 cột điểm giám sát hệ số 2, 01 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 2), trọng số 0.4.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: Do cơ sở thực tập đánh giá dựa trên tác phong, đạo đức của sinh viên (1 cột điểm) + Điểm giám sát do giáo viên hướng dẫn đánh giá (1 cột điểm)

+ Điểm kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc nội dung thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu thực tập qua bài kiểm tra tại trường (1 cột điểm)

**Điểm kết thúc học phần:** Điểm bài báo cáo, trọng số 0.6.

## **VI. Tài liệu tham khảo**

Nội dung kế hoạch thực tập chi tiết, chỉ tiêu tay nghề, hướng dẫn viết báo cáo và phương pháp đánh giá do Khoa Dược, Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp xây dựng và ban hành mỗi năm.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 22

**Tên môn học: KINH TẾ DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; ( Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ, Kiểm tra: 1 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ II.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học:

#### - Kiến thức:

1. Hiểu và phân biệt được các thuật ngữ thường gặp trong kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.
2. Biết được chế độ pháp lý và các loại hình doanh nghiệp dược.
3. Nêu được các loại thuế, phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế dược.
4. Trình bày được các khái niệm và kiến thức liên quan đến quản trị.
5. Nêu được các vai trò của nhà quản trị.
6. Trình bày được các khái niệm và kiến thức liên quan đến quản trị nhân lực và quản trị bán hàng.
7. Nêu được khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp.

#### - Kỹ năng:

8. Viết được hợp đồng kinh tế dược.
9. Tính được thuế suất, các loại phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế dược.
10. Nâng cao kỹ năng tính toán, trình bày và làm việc nhóm.
11. Vận dụng quản trị nhân lực trong các loại hình doanh nghiệp dược.

#### - Thái độ:

12. Rèn luyện tác phong trung thực, chính xác khi tính toán các số liệu.
13. Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng làm việc nhóm.

### III. Nội dung môn học:

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/BT	Kiểm tra
1	Đại cương về kinh tế học	1	1		
2	Kinh tế vĩ mô – Kinh tế học vi mô	4	4		

3	Doanh nghiệp được	4	4		
4	Các loại thuế, phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế được.	2	2		
5	Quản lý và cung ứng thuốc	3	2		<b>1</b>
6	Quản trị nguồn nhân lực	2	2		
7	Quản trị bán hàng	2	2		
8	Văn hóa doanh nghiệp	2	2		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### Bài 1: Đại cương về kinh tế học

Thời gian: 1 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kinh tế học.
- Trình bày được phương pháp luận nghiên cứu của kinh tế được.
- Trình bày được mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Mac – Lênin và kinh tế học.

#### 2. Nội dung:

##### 2.1. Các khái niệm kinh tế học

##### 2.2. Phương pháp luận nghiên cứu của kinh tế được

##### 2.3. Mối quan hệ giữa kinh tế chính trị Mac – Lênin và kinh tế học

### Bài 2: Kinh tế vĩ mô – Kinh tế vi mô

Thời gian: 4 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô
- Giải thích được các yếu tố của kinh tế vĩ mô: đo lường sản lượng quốc gia, tổng cung, tổng cầu, tiền tệ, lạm phát, thất nghiệp
- Giải thích được các yếu tố của kinh tế vi mô: cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường.
- Trình bày được nội dung của thị trường sản phẩm.

#### 2. Nội dung:

##### 2.1. Kinh tế vĩ mô

##### 2.2.1. Đo lường sản lượng quốc gia

##### 2.2.2. Tổng cung, tổng cầu

##### 2.2.1. Tiền tệ và chính sách tiền tệ

##### 2.2.2. Lạm phát, thất nghiệp

## 2.2. Kinh tế vi mô

### 2.2.1. Cung cầu hàng hóa

### 2.2.2. Giá cả thị trường

#### 2.2.1. Thị trường cạnh tranh hoàn toàn

#### 2.2.2. Thị trường độc quyền hoàn toàn

#### 2.2.3. Thị trường cạnh tranh không hoàn toàn

## **Bài 3: Doanh nghiệp được**

Thời gian: 4 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được các loại hình doanh nghiệp được.
- Trình bày được khái niệm hợp đồng kinh tế được và các nguyên tắc ký kết, thực hiện hợp đồng kinh tế.

### 2. Nội dung:

#### 2.1. Các loại hình doanh nghiệp được

##### 2.1.1. Doanh nghiệp nhà nước

##### 2.1.2. Công ty TNHH

##### 2.1.3. Công ty cổ phần là doanh nghiệp

##### 2.1.4. Công ty cổ phần là doanh nghiệp

##### 2.1.5. Công ty liên doanh

##### 2.1.6. Doanh nghiệp tư nhân

##### 2.1.7. Hợp tác xã

#### 2.2. Hợp đồng kinh tế được

##### 2.2.1. Đặc điểm

##### 2.2.2. Nguyên tắc và trình tự ký kết hợp đồng kinh tế

##### 2.2.3. Nội dung cơ bản của hợp đồng kinh tế

##### 2.2.4. Thực hiện hợp đồng kinh tế

## **Bài 4: Các loại thuế, phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế được** Thời gian: 2 giờ

### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm ngân sách nhà nước.
- Nêu được khái niệm thuế, phân loại thuế và vai trò của thuế.
- Kể được các loại thuế, phí.
- Vận dụng kiến thức làm bài tập áp dụng.

### 2. Nội dung:

#### 2.1. Khái niệm ngân sách nhà nước

#### 2.2. Khái niệm thuế, phân loại thuế và vai trò của thuế

#### 2.3. Các loại thuế, phí

## 2.4. Bài tập áp dụng

### **Bài 5: Quản lý và cung ứng thuốc**

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa của việc đảm bảo cung ứng thuốc trong cộng đồng.
- Trình bày được khái niệm nhu cầu thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu thuốc.
- Trình bày được sơ đồ mạng lưới phân phối thuốc, các tiêu chuẩn của cung ứng thuốc cho cộng đồng.

#### 2. Nội dung:

##### 2.1. Cung ứng thuốc và ý nghĩa của việc cung ứng thuốc trong cộng đồng

- 2.1.1. Lựa chọn thuốc
- 2.1.2. Mua sắm thuốc
- 2.1.3. Phân phối thuốc
- 2.1.4. Hướng dẫn sử dụng thuốc

##### 2.2. Nhu cầu thuốc, các phương pháp xác định nhu cầu thuốc

- 2.2.1. Khái niệm về nhu cầu thuốc
- 2.2.2. Các yếu tố quyết định và ảnh hưởng đến nhu cầu thuốc
- 2.2.3. Phân loại nhu cầu thuốc
- 2.2.4. Các phương pháp nghiên cứu, tính toán nhu cầu thuốc

##### 2.3. Mô hình mạng lưới phân phối thuốc

- 2.3.1. Mô hình mạng lưới phân phối thuốc
- 2.3.2. Các chỉ tiêu đánh giá mạng lưới phân phối thuốc

Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ

### **Bài 6: Quản trị nguồn nhân lực**

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được chính sách nhân sự.
- Trình bày được chiến lược hoạch định nguồn nhân lực.
- Nêu được những mục tiêu đánh giá công việc của nhân lực.

#### 2. Nội dung:

- 2.1. Chính sách nhân sự
- 2.2. Hoạch định nguồn nhân lực
- 2.3. Huấn luyện và phát triển
- 2.4. Đánh giá công việc

### **Bài 7: Quản trị bán hàng**

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng tới bán hàng
- Trình bày được các quy trình quản trị chất lượng
- Nêu được một số kiểu chiến lược giá sản phẩm

2. Nội dung:

- 2.1. Những yếu tố ảnh hưởng tới bán hàng
- 2.2. Quy trình quản trị chất lượng
- 2.3. Một số kiểu chiến lược giá sản phẩm

#### **Bài 8: Văn hóa doanh nghiệp**

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm văn hóa của doanh nghiệp.
- Nêu được những nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm văn hóa của doanh nghiệp
- 2.2. Những nhân tố hình thành văn hóa doanh nghiệp

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR,
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Chế độ pháp lý và các loại hình doanh nghiệp được
- + Các loại thuế, phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế được
- + Quản trị nguồn nhân lực và quản trị bán hàng
- + Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa doanh nghiệp

- *Về kỹ năng:* Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc thực hành: Viết được hợp đồng kinh tế được và kỹ năng trình bày và làm việc nhóm. Tính được thuế suất, các loại phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế được. Vận dụng quản trị nhân lực trong các loại hình doanh nghiệp được.

- *Về thái độ:* Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

- + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
- + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
- + Tác phong trung thực, chính xác khi tính toán các số liệu.

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:



- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học:*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

*3. Những trọng tâm cần chú ý:* Các loại hình doanh nghiệp, hợp đồng kinh tế và quản lý cung ứng thuốc, các loại thuế, phí, lệ phí trong hoạt động kinh tế dược, những yếu tố ảnh hưởng tới bán hàng, quy trình quản trị chất lượng, một số kiểu chiến lược giá sản phẩm.

### *4. Tài liệu tham khảo:*

- Giáo trình môn học Kinh tế dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2007), *Quản lý và kinh tế dược*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Nguyễn Phạm Thanh Nam (2007), *Quản trị học*, Nhà xuất bản Thống Kê.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 23

### Tên môn học: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC

#### Mã môn học:

Thời gian thực hiện môn học: 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

#### II. Mục tiêu môn học

##### - Về kiến thức

1. Trình bày được các quy định về chất lượng thuốc.
2. Trình bày được mục tiêu và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc.
3. Trình bày được khái niệm, mục đích, vai trò, những nội dung chính của các nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GDP, GPP.

- Về kỹ năng

4. Vận dụng được các kiến thức đã học vào quá trình đảm bảo chất lượng thuốc tại các cơ sở dược.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

5. Rèn luyện thái độ cẩn thận, chính xác trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

#### III. Nội dung môn học

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
<b>Chương 1: Đại cương</b>					
1	1. Quy định về chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc	03	02		
2	2. Tiêu chuẩn chất lượng trong ngành Dược		01		
<b>Chương 2: Công tác đảm bảo chất lượng thuốc</b>					
3	1. Thuốc và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	17	02		
4	2. GMP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc		04		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
5	3. GLP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc		02		
6	4. GSP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc		02		01
7	5. GDP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc		02		
8	6. GPP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc		04		
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>20</b>	<b>19</b>	<b>0</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1: Đại cương

*Thời gian: 03 giờ*

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được các quy định về chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc.
- Nêu được hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành Dược Việt Nam

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Quy định về chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc

*Thời gian: 2 giờ*

- 2.1.1. Khái niệm về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- 2.1.2. Áp dụng tiêu chuẩn chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- 2.1.3. Kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- 2.1.4. Quy định về thu hồi thuốc và xử lý thuốc vi phạm

##### 2.2. Tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành Dược

*Thời gian: 1 giờ*

- 2.2.1. Khái niệm về tiêu chuẩn kỹ thuật
- 2.2.2. Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành Dược
- 2.2.3. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật

### Chương II: Công tác đảm bảo chất lượng thuốc

*Thời gian: 17 giờ*

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được mục tiêu và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc
- Trình bày được khái niệm và các nguyên tắc, tiêu chuẩn của GMP, GLP, GSP, GDP, GPP

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Thuốc và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

*Thời gian: 2 giờ*

- 2.1.1. Các khái niệm cơ bản

- 2.1.2. Chất lượng thuốc
- 2.1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc
- 2.1.4. Công tác đảm bảo chất lượng thuốc
- 2.2. GMP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc *Thời gian: 4 giờ*
  - 2.2.1. Các khái niệm cơ bản
  - 2.2.2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP – WHO
  - 2.2.3. Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GMP
- 2.3. GLP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc *Thời gian: 2 giờ*
  - 2.3.1. Các khái niệm cơ bản
  - 2.3.2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn GLP
  - 2.3.3. Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GLP
- 2.4. GSP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc *Thời gian: 3 giờ*
  - 2.4.1. Các khái niệm cơ bản
  - 2.4.2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn GSP
  - 2.4.3. Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GSP
  - 2.4.4. Kiểm tra
- 2.5. GDP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc *Thời gian: 2 giờ*
  - 2.5.1. Các khái niệm cơ bản
  - 2.5.2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn GDP
  - 2.5.3. Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GDP
- 2.6. GPP và công tác đảm bảo chất lượng thuốc *Thời gian: 4 giờ*
  - 2.6.1. Các khái niệm cơ bản
  - 2.6.2. Nguyên tắc, tiêu chuẩn GPP
  - 2.6.3. Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GPP

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. *Phòng học chuyên môn:* Phòng Thực hành bán thuốc GPP
2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

1. *Nội dung*

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
  - + Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc
  - + Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trong ngành Dược
  - + Vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc
  - + Khái niệm và nguyên tắc, tiêu chuẩn của GMP, GLP, GSP, GDP, GPP
  - + Đánh giá việc đáp ứng và duy trì GMP, GLP, GSP, GDP, GPP
- Kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học vào quá trình đảm bảo chất lượng thuốc tại các cơ sở dược
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
  - + Cẩn thận, chính xác trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. *Phương pháp*: Các kiến thức kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 02) trọng số 0,4.
- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành.
- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành.

3. *Những trọng tâm cần chú ý*: Những nội dung chính của các nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP, GDP, GPP.

### *4. Tài liệu tham khảo*

- Giáo trình môn học Đảm bảo chất lượng thuốc của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp.
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Dược*, số 105/2016/QH13 ban hành ngày 06 tháng 04 năm 2016.
- Chính phủ, *Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược*, số 54/2017/NĐ – CP.
- Bộ Y tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc*, số 02/2018/TT – BYT ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 03/2018/TT – BYT ban hành ngày 09 tháng 02 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm*, số 04/2018/TT – BYT ban hành ngày 09 tháng 02 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 11/2018/TT – BYT ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 35/2018/TT – BYT ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 36/2018/TT – BYT ban hành ngày 22 tháng 11 năm 2018.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 24

**Tên môn học: PHÁP CHẾ DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 20 giờ; (Lý thuyết: 19 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

### I. Vị trí, tính chất của môn học

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

### II. Mục tiêu môn học

#### - Về kiến thức

1. Trình bày được lịch sử và hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam
2. Trình bày được các quy định pháp lý cơ bản trong ngành Dược.

#### - Về kỹ năng

3. Vận dụng các quy định pháp lý chủ yếu trong các lĩnh vực hành nghề dược và kinh doanh dược vào hoạt động thực tế.

#### - Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

4. Rèn luyện thái độ trung thực, chính xác trong quá trình học tập.

### III. Nội dung môn học

#### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
<b>Chương 1: Đại cương</b>		02	02		
<b>1</b>	1. Lịch sử ngành Dược Việt Nam 1.1. Sơ lược lịch sử ngành Dược thế giới 1.2. Lịch sử ngành Dược Việt Nam	01	01		
<b>2</b>	2. Hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam 2.1. Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam 2.2. Hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam	01	01		
<b>Chương 2: Các quy định pháp chế dược</b>		17	17		01

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
3	1. Luật Dược <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Bộ cục Luật Dược</li> <li>b. Một số thuật ngữ ngành Dược</li> <li>c. Những hành vi bị nghiêm cấm</li> <li>d. Chính sách của Nhà nước về dược và phát triển công nghiệp dược</li> <li>e. Quản lý thuốc trong cơ sở khám chữa bệnh</li> <li>f. Tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc</li> </ul>	03	03		
4	2. Pháp chế dược trong hành nghề dược <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Khái niệm hành nghề dược</li> <li>b. Chứng chỉ hành nghề dược</li> <li>c. Quyền và nghĩa vụ của người hành nghề dược</li> </ul>	01	01		
5	3. Pháp chế dược trong kinh doanh dược <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Khái niệm kinh doanh dược</li> <li>b. Các hoạt động kinh doanh dược</li> <li>c. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược</li> <li>d. Quyền và trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dược</li> </ul>	01	01		
6	4. Pháp chế dược trong lĩnh vực bán lẻ thuốc <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Các hình thức bán lẻ thuốc</li> <li>b. Các quy định trong bán lẻ thuốc</li> </ul>	02	02		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
7	5. Quy định về đăng ký, lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc a. Quy định về đăng ký thuốc, nguyên liệu làm thuốc b. Quy định về lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc c. Quy định về thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc	02	02		
8	6. Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú a. Mẫu đơn thuốc b. Nguyên tắc và hình thức kê đơn thuốc c. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc d. Kê đơn thuốc phải kiểm soát đặc biệt e. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua thuốc, lĩnh thuốc f. Lưu đơn, tài liệu về thuốc	02	02		
9	7. Quy định về thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc a. Quy định về thông tin thuốc b. Quy định về cảnh giác dược c. Quy định về quảng cáo thuốc	02	02		
10	8. Quy định về quản lý giá thuốc và thanh tra dược a. Quy định về quản lý giá thuốc b. Thanh tra dược	03	02		01
11	9. Quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt a. Quy định về thuốc gây nghiện b. Quy định về quản lý thuốc hướng thần c. Quy định về quản lý tiền chất	02	02		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN	Kiểm tra
	<b>Cộng</b>	<b>40</b>	<b>39</b>		<b>1</b>

## 2. Nội dung chi tiết

### Chương 1: Đại cương

Thời gian: 2 giờ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được lịch sử và hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam
- Phân loại được các văn bản pháp quy của ngành Dược và giá trị pháp lý của chúng.

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Lịch sử ngành Dược Việt Nam

Thời gian: 1 giờ

###### 2.1.1. Sơ lược lịch sử ngành Dược thế giới

###### 2.1.2. Lịch sử ngành Dược Việt Nam

##### 2.2. Hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam

Thời gian: 1 giờ

###### 2.2.1. Hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam

###### 2.2.2. Hệ thống tổ chức ngành Dược Việt Nam

### Chương II: Các quy định pháp chế dược

Thời gian: 17 giờ

#### 1. Mục tiêu

- Trình bày được các quy định trong hành nghề dược, kinh doanh dược
- Trình bày được các quy định về đăng ký, lưu hành và thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- Trình bày được các quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú
- Trình bày được các quy định về thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc
- Trình bày được các quy định về ghi nhãn thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
- Trình bày được các quy định về quản lý giá thuốc và thanh tra dược
- Trình bày được các quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt
- Trình bày được các quy định trong lĩnh vực bán lẻ thuốc

#### 2. Nội dung chương

##### 2.1. Luật Dược

Thời gian: 3 giờ

###### 2.1.1. Bộ cục Luật Dược

- 2.1.2. Một số thuật ngữ ngành Dược
- 2.1.3. Những hành vi bị nghiêm cấm
- 2.1.4. Chính sách của nhà nước về dược và phát triển công nghiệp dược
- 2.1.5. Quản lý thuốc trong cơ sở khám chữa bệnh
- 2.1.6. Tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, bao bì tiếp xúc trực tiếp với thuốc
- 2.2. Pháp chế dược trong hành nghề dược Thời gian: 1 giờ
  - 2.2.1. Khái niệm hành nghề dược
  - 2.2.2. Chứng chỉ hành nghề dược
  - 2.2.3. Quyền và nghĩa vụ của người hành nghề dược
- 2.3. Pháp chế dược trong lĩnh vực kinh doanh dược Thời gian: 1 giờ
  - 2.3.1. Khái niệm kinh doanh dược
  - 2.3.2. Các hoạt động kinh doanh dược
  - 2.3.3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
  - 2.3.4. Quyền và nghĩa vụ của cơ sở kinh doanh dược
- 2.4. Pháp chế dược trong lĩnh vực bán lẻ thuốc Thời gian: 2 giờ
  - 2.4.1. Khái niệm kinh doanh dược
  - 2.4.2. Các hình thức bán lẻ thuốc
  - 2.4.3. Các quy định trong bán lẻ thuốc
- 2.5. Quy định về đăng ký, lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc Thời gian: 2 giờ
  - 2.5.1. Quy định về đăng ký thuốc, nguyên liệu làm thuốc
  - 2.5.2. Quy định về lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc
  - 2.5.3. Quy định về thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc
- 2.6. Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú Thời gian: 2 giờ
  - 2.6.1. Mẫu đơn thuốc
  - 2.6.2. Nguyên tắc và hình thức kê đơn thuốc
  - 2.6.3. Yêu cầu chung với nội dung kê đơn thuốc
  - 2.6.4. Kê đơn thuốc phải kiểm soát đặc biệt
  - 2.6.5. Thời hạn đơn thuốc có giá trị mua thuốc, lĩnh thuốc
  - 2.6.6. Lưu đơn, tài liệu về thuốc
- 2.7. Quy định về thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc Thời gian: 2 giờ
  - 2.7.1. Quy định về thông tin thuốc
  - 2.7.2. Quy định về cảnh giác dược

- 2.7.3. Quy định về quảng cáo thuốc
- 2.8. Quy định về quản lý giá thuốc và thanh tra dược Thời gian: 2 giờ
  - 2.8.1. Quy định về quản lý giá thuốc
  - 2.8.2. Quy định về thanh tra dược
- 2.9. Quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt Thời gian: 2 giờ
  - 2.9.1. Quy định về thuốc gây nghiện
  - 2.9.2. Quy định về thuốc hướng thần
  - 2.9.3. Quy định về tiền chất

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học**

1. *Phòng học chuyên môn*
2. *Trang thiết bị máy móc:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
4. *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

#### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá**

##### *1. Nội dung*

- Kiến thức: Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, học sinh cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
  - + Các quy định trong lĩnh vực hành nghề và kinh doanh dược
  - + Các quy định về đăng ký, lưu hành, thu hồi thuốc, nguyên liệu làm thuốc
  - + Các quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc trong điều trị ngoại trú
  - + Các quy định về thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc
  - + Các quy định về nhãn thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc
  - + Các quy định về quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt
  - + Các quy định trong lĩnh vực bán lẻ thuốc
- Kỹ năng: Vận dụng các quy định pháp lý chủ yếu trong các lĩnh vực hành nghề dược và kinh doanh dược vào hoạt động thực tế
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:
  - + Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;
  - + Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;
  - + Chăm thận, chính xác trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. *Phương pháp:* Các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học**

### *1. Phạm vi áp dụng môn học*

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng dược.

### *2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học*

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề, thảo luận mẫu các thí nghiệm thực hành.

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm, thực hiện các thí nghiệm thực hành.

*3. Những trọng tâm cần chú ý:* Các quy định về hành nghề dược, kinh doanh dược, đơn thuốc, quản lý thuốc phải kiểm soát đặc biệt, thông tin thuốc, cảnh giác dược và quảng cáo thuốc.

### *4. Tài liệu tham khảo*

- Giáo trình môn học Pháp chế dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp
- Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, *Luật Dược*, số 105/2016/QH13 ban hành ngày 06 tháng 04 năm 2016.
- Chính phủ, *Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược*, số 54/2017/NĐ – CP.
- Bộ Y tế (2017), *Thông tư Quy định về Thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt*, số 20/2017/TT – BYT ban hành ngày 10 tháng 05 năm 2017.
- Bộ Y tế (2017), *Thông tư Quy định về Đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú*, số 52/2017/TT – BYT ban hành ngày 29 tháng 12 năm 2017.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc*, số 02/2018/TT – BYT ban hành ngày 22 tháng 01 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 11/2018/TT – BYT ban hành ngày 04 tháng 05 năm 2018.
- Bộ Y tế (2018), *Thông tư Quy định về Việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc*, số 32/2018/TT – BYT ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2018.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 25

### Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 88 giờ, Kiểm tra: 2 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### *Về kiến thức*

1. Hoàn thiện và bổ sung, cập nhật kiến thức chuyên ngành dược thông qua các hoạt động thực tiễn về sản xuất dược phẩm tại công ty dược và lĩnh vực hành nghề của dược sỹ cộng đồng tại cơ sở bán lẻ thuốc trước khi tốt nghiệp;

##### *Về kỹ năng*

2. Thực hiện đúng các công đoạn trong quy trình sản xuất thuốc phù hợp với dược sỹ ở trình độ cao đẳng;
3. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý, phân phối, bảo quản, cấp phát thuốc thuốc tại nhà thuốc/ quầy thuốc;
4. Hoàn thiện kỹ năng giao tiếp – bán hàng, kỹ năng thông tin, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn cho bệnh nhân;

##### *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

5. Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hiện các hoạt động chuyên môn dược;
6. Thể hiện thái độ ân cần trong giao tiếp, có trách nhiệm trong hành nghề, vì sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TT	Kiểm tra
1	Thực tập tại công ty dược phẩm, cơ sở bán lẻ thuốc	90	0	88	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90</b>	<b>0</b>	<b>88</b>	<b>2</b>

##### 2. Chỉ tiêu thực tập

STT	CHỈ TIÊU THỰC TẬP
<b><i>Thực tập tại công ty sản xuất dược phẩm</i></b>	
1	Mô tả tổng quát cách thiết kế, bố trí các khu vực sản xuất, trang thiết bị trong một nhà máy dược phẩm đạt tiêu chuẩn GMP
2	Mô tả quy trình sản xuất một dạng bào chế quy ước tại nhà máy
3	Tìm hiểu các sản phẩm dược sản xuất tại công ty và quy trình bảo quản, phân phối các sản phẩm
4	Tìm hiểu hệ thống đảm bảo chất lượng tại nhà máy sản xuất
5	Tham gia thực tập/ kiến tập các công đoạn trong quy trình sản xuất tại công ty dược
<b><i>Thực tập tại cơ sở bán lẻ thuốc (Nhà thuốc/ quầy thuốc)</i></b>	
1	Tìm hiểu điều kiện và thủ tục về cấp chứng chỉ hành nghề dược, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược,
2	Tìm hiểu tiêu chuẩn thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP)
3	Mô tả cách thức tổ chức, sắp xếp, quản lý, bảo quản thuốc tại các cơ sở bán lẻ thuốc
4	Mô tả các hoạt động chính của cơ sở bán lẻ thuốc và vận dụng kiến thức giải quyết các tình huống thường gặp.
5	Lập các loại biểu mẫu, hồ sơ, sổ sách, chứng từ có tại nhà thuốc
6	Tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn, hợp lý cho khách hàng
7	Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản tại nhà thuốc

#### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:* thực tập tại xưởng sản xuất dược phẩm hoặc cơ sở bán lẻ thuốc (nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế).

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính cá nhân.

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Theo yêu cầu của cơ sở thực tập

- *Các điều kiện khác:*

+ Nhà trường sẽ lập kế hoạch thực tập và tổ chức sinh hoạt cho sinh viên trước khi đi thực tập về chỉ tiêu, phương pháp và đánh giá thực tập .

+ Sinh viên đi thực tập theo từng nhóm nhỏ. Các nhóm thực tập sẽ luân chuyển theo kế hoạch thực tập chung của trường và bố trí của cơ sở thực tập.

+ Giảng viên của trường sẽ phối hợp với cơ sở để hướng dẫn, kiểm tra và giám sát tình hình thực tập của các sinh viên.

## **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

### **1. Nội dung**

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua nội dung bài báo cáo thực tập và vấn đáp với sinh viên sau khi kết thúc thực tập, sinh viên phải:

+ Trình bày được các quy định của pháp luật về: điều kiện hành nghề dược, điều kiện sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

+ Trình bày được các nội dung cơ bản của GMP, GSP, GDP, GMP và so sánh liên hệ với thực tiễn.

+ Mô tả được các quy trình, các công đoạn trong sản xuất các dạng thuốc quy ước

- *Về kỹ năng:*

+ Thực hiện đúng các công đoạn trong quy trình sản xuất thuốc phù hợp với được sỡ ở trình độ cao đẳng

+ Lập kế hoạch kinh doanh và quản lý cho nhà thuốc/ quầy thuốc.

+ Tư vấn, hướng dẫn được cách sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Đánh giá trong quá trình thực tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Tham gia đầy đủ các buổi thực tập tại cơ sở, chấp hành đúng quy định của cơ sở thực tập và hướng dẫn của giảng viên.

+ Tích cực tham gia tìm hiểu, học tập các công việc tại cơ sở thực tập.

+ Có thái độ tôn trọng, hòa nhã, ân cần khi giao tiếp.

### **2. Phương pháp đánh giá**

***Điểm kiểm tra thành phần*** ( 01 cột điểm kiểm tra thường xuyên hệ số 1, 02 cột điểm giám sát hệ số 2, 02 cột điểm kiểm tra định kỳ hệ số 02), trọng số 0,4.

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: Do cơ sở thực tập đánh giá dựa trên thái độ, ý thức, tinh thần học hỏi của sinh viên tại cơ sở thực tập (1 cột điểm) + Điểm giám sát do giảng viên giám sát thực tập đánh giá (2 cột điểm)

+ Điểm kiểm tra định kỳ: sau khi kết thúc nội dung thực tập sinh viên được đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu thực tập qua bài kiểm tra tại trường (2 cột điểm)

***Điểm kết thúc học phần:*** Điểm bài báo cáo, trọng số 0.6.

## **VI. Tài liệu tham khảo:**

Nội dung kế hoạch thực tập chi tiết, chỉ tiêu tay nghề, hướng dẫn viết báo cáo và phương pháp đánh giá do Khoa Dược - Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp xây dựng và ban hành mỗi năm.



## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 26

### Tên môn học: BẢO CÁO TỐT NGHIỆP

#### Mã môn học:

**Thời gian thực hiện môn học:** 90 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 90 giờ)

#### I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học chuyên môn ngành.

#### II. Mục tiêu môn học:

##### *Về kiến thức*

1. Hệ thống lại các kiến thức chuyên môn trước khi tốt nghiệp;
2. củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu cho sinh viên nhằm mục đích đạt chuẩn chất lượng trong đào tạo và đáp ứng yêu cầu của xã hội;

##### *Về kỹ năng*

3. Sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong điều trị các bệnh lý thường gặp;
4. Nhận biết các dạng bào chế thường gặp và vận dụng đặc điểm các dạng bào chế trong hướng dẫn sử dụng thuốc;
5. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
6. Bảo quản các dạng thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng;
7. Nắm vững các quy định pháp lý trong lĩnh vực hành nghề dược;

##### *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

8. Rèn luyện tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

#### III. Nội dung môn học:

##### 1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Lĩnh vực dược lý – dược lâm sàng	30		30	
2	Lĩnh vực dược liệu – bào chế	30		30	
3	Lĩnh vực quản lý dược	30		30	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>90</b>		<b>90</b>	

## 2. Nội dung chi tiết

Sinh viên được đăng ký chủ đề thuộc 1 trong 3 lĩnh vực Dược lý – Dược lâm sàng, Dược liệu – Bào chế hoặc Bảo quản thuốc – Quản lý dược để viết báo cáo tốt nghiệp theo đề cương hướng dẫn của Khoa Dược.

### IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Phòng học chuyên môn hóa/ nhà xưởng:* Hội trường, khu tự học hoặc phòng thực hành.

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính cá nhân, máy chiếu PROJECTOR.

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Đề cương, dụng cụ thí nghiệm.

- *Các điều kiện khác:*

### V. Nội dung và phương pháp đánh giá

#### 1. Nội dung

##### *Về kiến thức*

1. Kiến thức chuyên môn về dược lý, dược lâm sàng, bào chế, dược liệu, bảo quản thuốc và quản lý dược.

##### *Về kỹ năng*

2. Sử dụng thuốc hiệu quả, an toàn và hợp lý trong điều trị các bệnh lý thường gặp;
3. Nhận biết các dạng bào chế thường gặp và vận dụng đặc điểm các dạng bào chế trong hướng dẫn sử dụng thuốc;
4. Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu thiết yếu trong Danh mục thuốc thiết yếu;
5. Bảo quản các dạng thuốc đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng;
6. Nắm vững các quy định pháp lý trong lĩnh vực hành nghề dược;

##### *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

7. Khả năng tự nghiên cứu, tính tự chủ và tinh thần trách nhiệm.

#### 2. Phương pháp đánh giá

Điểm môn học: 01 cột điểm báo cáo tốt nghiệp.

Hình thức đánh giá: Chấm điểm bài báo cáo kết hợp vấn đáp.

### VI. Tài liệu tham khảo:

Đề cương báo cáo tốt nghiệp được ban hành cho từng khóa học.

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27a

**Tên môn học: CHĂM SÓC DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ; ( Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học tự chọn.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

1. Trình bày được các kiến thức cơ bản về các bệnh lý thường gặp.
2. Xác định được vai trò của nhà thuốc trong xử lý các bệnh thường gặp.

- Về kỹ năng:

3. Cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng về các bệnh lý thường gặp.
4. Thực hành chăm sóc dược ban đầu cho khách hàng đến mua thuốc tại nhà thuốc.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

5. Rèn luyện khả năng giao tiếp chuẩn mực của người dược sĩ với bệnh nhân.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN,	Kiểm tra
1	Đại cương về chăm sóc dược	4	4		
2	Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc dược	4	4		
3	Chăm sóc dược cho khách hàng bị đái tháo đường	8	8		
4	Chăm sóc dược cho khách hàng bị tăng huyết áp	8	8		
5	Chăm sóc dược cho khách hàng bị sốt	4	4		
6	Chăm sóc dược cho khách hàng bị tiêu chảy	4	4		
7	Các biện pháp tránh thai và tránh thai khẩn	4	4		

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH, TN,	Kiểm tra
	cấp				
8	Chăm sóc đực cho khách hàng bị ho	4	3		1
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>40</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>1</b>

2. Nội dung chi tiết:

**Bài 1: Đại cương về chăm sóc đực**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:

- Nêu được một số khái niệm liên quan đến chăm sóc đực.
- Trình bày được những nội dung cơ bản trong chăm sóc đực.
- Liệt kê những nhiệm vụ của đực sĩ trong mô hình chăm sóc đực

2. Nội dung:

- 2.1. Một số khái niệm liên quan đến chăm sóc đực
- 2.2. Những nội dung cơ bản trong chăm sóc đực
- 2.3. Những nhiệm vụ của đực sĩ trong mô hình chăm sóc đực

**Bài 2: Giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc đực**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được khái niệm về giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc đực.
- Trình bày được cách thức thu thập và xử lý thông tin trong chăm sóc đực cho bệnh nhân.
- Trình bày được các điều kiện cần có và kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc đực.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về giáo dục và tư vấn cho bệnh nhân trong chăm sóc đực
- 2.2. Cách thức thu thập và xử lý thông tin trong chăm sóc đực cho bệnh nhân
- 2.3. Điều kiện cần có và kỹ năng tư vấn khi thực hiện chăm sóc đực
- 2.4. Tình huống gợi ý cách thu thập và xử lý thông tin khi thực hiện chăm sóc đực

**Bài 3: Chăm sóc đực cho khách hàng bị đái tháo đường**

*Thời gian: 8 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được chính xác các thông tin cơ bản về đái tháo đường.
- Xác định được vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp đái tháo đường.
- Cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng bị đái tháo đường.

2. Nội dung:

- 2.1. Thông tin cơ bản về đái tháo đường
- 2.2. Vai trò của nhà thuốc
- 2.3. Thực hành cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng đái tháo đường

**Bài 4: Chăm sóc được cho khách hàng bị tăng huyết áp**

*Thời gian: 8 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được chính xác các thông tin cơ bản về tăng huyết áp.
- Xác định được vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp tăng huyết áp.
- Cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng bị tăng huyết áp.

2. Nội dung:

- 2.1. Thông tin cơ bản về tăng huyết áp
- 2.2. Vai trò của nhà thuốc
- 2.3. Thực hành cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng tăng huyết áp

**Bài 5: Chăm sóc được cho khách hàng bị sốt**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được chính xác các thông tin cơ bản về sốt.
- Xác định được vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp sốt.
- Cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng bị sốt.

2. Nội dung:

- 2.1. Thông tin cơ bản về sốt
- 2.2. Vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp bị sốt
- 2.3. Thực hành cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng khi bị sốt

**Bài 6: Chăm sóc được cho khách hàng bị tiêu chảy**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được cách chăm sóc bệnh nhân tiêu chảy tại nhà.
- Xác định được vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp tiêu chảy.
- Cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng bị tiêu chảy.

2. Nội dung:

- 2.1. Thông tin chung về tiêu chảy
- 2.2. Vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp tiêu chảy
- 2.3. Thực hành cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng khi bị tiêu chảy

**Bài 7: Các biện pháp tránh thai và tránh thai khẩn cấp**      *Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được các biện pháp tránh thai hiện nay.
- Xác định được những phương tiện tránh thai sẵn có tại nhà thuốc.
- Tư vấn được cho khách hàng về thuốc tránh thai khẩn cấp.

2. Nội dung:

2.1. Các biện pháp tránh thai

2.2. Những phương tiện tránh thai sẵn có tại nhà thuốc

2.3. Thực hành cung cấp thông tin cho khách hàng về thuốc tránh thai khẩn cấp

**Bài 8: Chăm sóc dược cho khách hàng bị ho**

*Thời gian: 3 giờ*

1. Mục tiêu

- Nêu được chính xác các thông tin cơ bản về ho.
- Xác định được vai trò của nhà thuốc khi xử lý các trường hợp ho.
- Cung cấp được thông tin cần thiết cho khách hàng bị ho.

2. Nội dung:

2.1. Thông tin cơ bản về ho

2.2. Vai trò của nhà thuốc khi xử lý trường hợp ho

2.3. Thực hành cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng bị ho

Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR

- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.

- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

*Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:

- + Các bệnh lý thường gặp
- + Vai trò của nhà thuốc trong xử lý các bệnh thường gặp.

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc: Cung cấp thông tin cần thiết cho khách hàng về các bệnh lý thường gặp.

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Khả năng giao tiếp chuẩn mực của người dược sĩ với bệnh nhân.

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra thường xuyên, 01 cột điểm kiểm tra định kỳ) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: hình thức trắc nghiệm: Trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học áp dụng giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược.

Kiến thức cơ bản về các trường hợp bệnh lý thường gặp ở cộng đồng. Đồng thời, cung cấp các kiến thức có liên quan để xử trí các bệnh lý thường gặp ở cộng đồng nhằm nâng cao vai trò của dược sĩ, của nhà thuốc đối với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Vai trò nhà thuốc và tư vấn cho khách hàng về các bệnh thông thường.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Chăm sóc dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2011), *Chăm sóc dược*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- PATH (2011), *Tài liệu tập huấn về chăm sóc sức khỏe ban đầu*, NXB Y học, Hà Nội.

5. Ghi chú và giải thích: Học phần tự chọn

## CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC 27b

**Tên môn học: KỸ NĂNG BÁN HÀNG – MARKETING DƯỢC**

**Mã môn học:**

**Thời gian thực hiện môn học:** 40 giờ; (Lý thuyết: 39 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học thực hiện trong học kỳ IV.
- Tính chất môn học: Môn học tự chọn

II. Mục tiêu môn học:

**- Về kiến thức:**

1. Trình bày được các khái niệm cơ bản của marketing dược phẩm.
2. Nêu được các chiến lược được sử dụng trong marketing dược phẩm.
3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm.
4. Trình bày được những kiến thức cơ bản về tâm lý khách hàng.
5. Nêu được các nội dung của của giao tiếp và kỹ năng giao tiếp.
6. Trình bày được các bước trong quy trình bán thuốc và vận dụng được trong các tình huống cụ thể.

**- Về kỹ năng:**

7. Hiểu và áp dụng được các chiến lược về marketing dược phẩm trong thực hành nghề nghiệp sau này.
8. Vận dụng được các kỹ năng đã học vào các hoạt động thực tế tại cơ sở.

**- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

9. Rèn luyện và nâng cao kỹ năng về marketing dược phẩm.
10. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và trung thực khi bán thuốc cho người bệnh.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH /BT	Kiểm tra
1	Đại cương về marketing và marketing dược phẩm	2	2		
2	Thị trường và thị trường mục tiêu	2	2		
3	Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm	4	4		



Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH /BT	Kiểm tra
4	Vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm	2	2		
5	Chiến lược chung của Marketing	8	8		
6	Nhu cầu và vai trò của khách hàng - Kỹ năng giao tiếp	4	4		
7	Kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe - Hành vi sức khỏe và sự thay đổi hành vi sức khỏe	2	2		
8	Kỹ năng chào hỏi, đón tiếp và tư vấn khách hàng	2	2		
9	Kỹ năng hỏi và nghe - Kỹ năng phỏng vấn khách hàng	4	4		
10	Kỹ năng bán thuốc theo đơn và thuốc không theo đơn	4	4		
11	Kỹ năng giải quyết khiếu nại đối với khách hàng	2	2		
12	Kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc	4	3		1
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>40</b>	<b>39</b>	<b>0</b>	<b>01</b>

## 2. Nội dung chi tiết:

### **Bài 1: Đại cương về marketing và marketing dược phẩm** *Thời gian: 2 giờ*

#### 1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa marketing và marketing dược phẩm.
- Trình bày được vai trò và chức năng của marketing.

#### 2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm về marketing
- 2.2. Khái niệm marketing dược
- 2.3. Những khái niệm cơ bản
- 2.4. Mục tiêu, vai trò và chức năng marketing

### **Bài 2: Thị trường và thị trường mục tiêu**

*Thời gian: 2 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được định nghĩa thị trường và thị trường mục tiêu.
  - Trình bày được vai trò của thị trường trong marketing.
2. Nội dung:
  - 2.1. Khái niệm thị trường
  - 2.2. Khái niệm thị trường mục tiêu
  - 2.3. Vai trò của thị trường trong marketing
  - 2.4. Tổng cung
  - 2.5. Tổng cầu

**Bài 3: Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm.
2. Nội dung:
  - 2.1. Yếu tố nhân khẩu
  - 2.2. Lượng cán bộ y tế
  - 2.3. Mô hình bệnh tật
  - 2.4. Yếu tố kinh tế y tế

**Bài 4: Vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm** *Thời gian: 2 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm.
2. Nội dung:
  - 2.1. Vai trò của khách hàng trong thông tin sản phẩm

**Bài 5: Chiến lược chung của Marketing**

*Thời gian: 8 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được nội dung chiến lược về sản phẩm.
  - Nêu được các yếu tố cần xem xét khi định giá và các chiến lược định giá.
  - Trình bày được nội dung chiến lược về phân phối.
  - Trình bày được nội dung chiến lược về xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.
2. Nội dung:
  - 2.1. Chiến lược về sản phẩm
    - 2.1.1. Chiến lược phát triển danh mục sản phẩm
    - 2.1.2. Chiến lược phát triển các mặt hàng mới
    - 2.1.3. Chiến lược triển khai tiêu thụ sản phẩm
  - 2.2. Chiến lược về phân phối

- 2.2.1. Phương thức phân phối và kênh phân phối
- 2.2.2. Một số chiến lược phân phối
- 2.3. Chiến lược về giá
  - 2.3.1. Mục tiêu của chính sách giá cả
  - 2.3.2. Lựa chọn phương pháp định giá
  - 2.3.3. Các bước cơ bản để định giá sản phẩm
  - 2.3.4. Một số chiến lược của chính sách giá
- 2.4. Chiến lược về xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.
  - 2.4.1. Mục đích chính sách về xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh
  - 2.4.2. bản chất của chính sách về xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh
  - 2.4.3. Một số chiến lược về xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh
- 2.5. Marketing MIX
  - 2.5.1. Sản phẩm
  - 2.5.2. Giá
  - 2.5.3. Phân phối
  - 2.5.4. Xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh

## **Bài 6: Nhu cầu và vai trò của khách hàng - Kỹ năng giao tiếp**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được những diễn biến của tâm lý khách hàng.
  - Trình bày được những thói quen dùng thuốc của khách hàng.
  - Nêu được nhu cầu và vai trò của khách hàng trong giao tiếp và bán hàng.
2. Nội dung:
  - 2.1. Vai trò của khách hàng
  - 2.2. Biện pháp cơ bản để giao tiếp tốt với khách hàng
  - 2.3. Một số yếu tố cơ bản để gây lòng tin đối với khách hàng

## **Bài 7: Kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe - Hành vi sức khỏe và sự thay đổi hành vi sức khỏe**

*Thời gian: 2 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe.
  - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe.
  - Thực hành được kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe.
2. Nội dung:
  - 2.1. Khái niệm về hành vi và hành vi sức khỏe

- 2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sức khỏe
- 2.3. Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe
- 2.4. Bài tập tình huống

**Bài 8: Kỹ năng chào hỏi, đón tiếp và tư vấn khách hàng** *Thời gian: 2 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được các bước chào hỏi, đón tiếp, tư vấn khách hàng.
  - Thực hành được kỹ năng chào hỏi, đón tiếp, tư vấn khách hàng.
2. Nội dung:
  - 2.1. Kỹ năng chào hỏi
  - 2.2. Kỹ năng đón tiếp
  - 2.3. Kỹ năng tư vấn khách hàng
  - 2.4. Bài tập tình huống

**Bài 9: Kỹ năng hỏi và nghe - Kỹ năng phỏng vấn khách hàng**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được các bước hỏi và nghe - phỏng vấn khách hàng.
  - Thực hành được kỹ năng hỏi và nghe - kỹ năng phỏng vấn khách hàng.
2. Nội dung:
  - 2.1. Kỹ năng đặt câu hỏi
  - 2.2. Kỹ năng lắng nghe
  - 2.3. Kỹ năng phỏng vấn khách hàng
  - 2.4. Kỹ năng kết thúc phỏng vấn
  - 2.5. Bài tập tình huống

**Bài 10: Kỹ năng bán thuốc theo đơn và thuốc không theo đơn**

*Thời gian: 4 giờ*

1. Mục tiêu:
  - Trình bày được các bước bán thuốc theo đơn.
  - Trình bày được các bước bán thuốc không theo đơn.
  - Thực hành được kỹ năng bán thuốc theo đơn và bán thuốc không theo đơn.
2. Nội dung:
  - 2.1. Kỹ năng bán thuốc theo đơn.
  - 2.2. Kỹ năng bán thuốc không theo đơn.
  - 2.3. Bài tập tình huống

**Bài 11: Kỹ năng giải quyết khiếu nại đối với khách hàng**

**Thời gian: 2 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các bước giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- Thực hành được kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng.

2. Nội dung:

- 2.1. Kỹ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng
- 2.2. Bài tập tình huống

### **Bài 12: Tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc**

**Thời gian: 3 giờ**

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm và mục đích tư vấn.
- Nêu được nguyên tắc tư vấn.
- Liệt kê được các bước tư vấn.
- Thực hành được kỹ năng tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm tư vấn
- 2.2. Mục đích tư vấn
- 2.3. Nguyên tắc tư vấn
- 2.4. Các bước tư vấn
- 2.5. Bài tập tình huống

Kiểm tra

Thời gian: 1 giờ

### **IV. Điều kiện thực hiện môn học:**

- *Dụng cụ và trang bị:* Máy tính, máy chiếu PROJECTOR
- *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* Các phương tiện và đồ dùng dạy học truyền thống và hiện đại (bảng, máy chiếu máy vi tính); Danh mục, số lượng các dụng cụ, thiết bị, nguyên nhiên vật liệu cho thực hành thực tập có trong Phụ lục 1.
- *Các điều kiện khác:* Giảng viên đạt yêu cầu về trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy, chứng chỉ tin học, ngoại ngữ (Phụ lục 1).

### **V. Nội dung và phương pháp đánh giá:**

- *Về kiến thức:* Đánh giá thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm, tự luận, sinh viên cần đạt các yêu cầu gồm nội dung sau:
  - + Các chiến lược được sử dụng trong marketing dược phẩm
  - + Các yếu tố ảnh hưởng đến marketing dược phẩm
  - + Kiến thức cơ bản về tâm lý khách hàng và kỹ năng giao tiếp
  - + Các bước trong quy trình bán thuốc

- *Về kỹ năng*: Đánh giá kỹ năng của sinh viên thông qua việc: Áp dụng được các chiến lược về marketing dược phẩm trong thực hành nghề nghiệp, thực hành trong các tình huống giao tiếp và thực hành tư vấn sử dụng thuốc.

- *Về thái độ*: Đánh giá trong quá trình học tập cần đạt các yêu cầu sau:

+ Chuẩn bị đầy đủ tài liệu học tập;

+ Tham gia đầy đủ thời lượng môn học;

+ Rèn luyện và nâng cao kỹ năng về marketing dược phẩm.

+ Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và trung thực khi bán thuốc cho người bệnh

Các kiến thức, kỹ năng và thái độ trên sẽ được đánh giá qua thang điểm:

- Điểm kiểm tra thành phần: (01 cột điểm kiểm tra hệ số 01, 01 cột điểm kiểm tra hệ số 02) trọng số 0,4.

- Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 0,6.

## **VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:**

### 1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học áp dụng giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược.

Trang bị cho sinh viên kiến thức về marketing nói chung và marketing dược nói riêng, cung cấp kiến thức về các chiến lược cơ bản dược sử dụng trong marketing dược và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp, bán hàng để áp dụng vào các hoạt động bán lẻ thuốc và các lĩnh vực kinh doanh dược.

### 2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Thuyết trình kết hợp với đặt câu hỏi, nêu vấn đề

- Đối với người học: Làm bài tập, thảo luận nhóm

### 3. Những trọng tâm cần chú ý:

Nội dung chiến lược của Marketing, những kỹ năng phỏng vấn khách hàng, kỹ năng giải quyết khiếu nại đối và tư vấn hướng dẫn sử dụng thuốc cho khách hàng.

### 4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình môn học Kỹ năng bán hàng – Marketing dược của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Tháp

- Bộ Y tế (2007), *Quản lý và kinh tế dược*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế, *Kỹ năng giao tiếp*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

- Bộ Y tế (2001), *Các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả của cán bộ Y tế* (tài liệu dịch), Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.

### 5. Ghi chú và giải thích: Học phần tự chọn.

## MỤC LỤC

Tên môn học: GIÁO DỤC CHÍNH TRI .....	13
Tên môn học: TIẾNG ANH CƠ BẢN .....	20
Tên môn học: TIN HỌC .....	28
Tên môn học: PHÁP LUẬT.....	40
Tên môn học: GIÁO DỤC THỂ CHẤT .....	44
Tên môn học: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH .....	52
Tên môn học: XÁC SUẤT VÀ THỐNG KÊ Y HỌC .....	61
Tên môn học: SINH HỌC VÀ DI TRUYỀN .....	67
Tên môn học: TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH DƯỢC .....	71
Tên môn học: HÓA HỌC ĐẠI CƯƠNG – VÔ CƠ .....	75
Tên môn học: HÓA HỮU CƠ .....	82
Tên môn học: VI SINH VẬT VÀ KÝ SINH TRÙNG .....	88
Tên môn học: HÓA SINH.....	94
Tên môn học: BỆNH HỌC .....	100
Tên môn học: DƯỢC LÝ .....	109
Tên môn học: BÀO CHẾ .....	117
Tên môn học: HÓA DƯỢC .....	130
Tên môn học: DƯỢC LIỆU .....	139
Tên môn học: KIỂM NGHIỆM .....	146
Tên môn học: DƯỢC LÂM SÀNG .....	151
Tên môn học: THỰC TẬP DƯỢC LÂM SÀNG .....	159
Tên môn học: KINH TẾ DƯỢC .....	162
Tên môn học: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC.....	168
Tên môn học: PHÁP CHẾ DƯỢC.....	173
Tên môn học: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP .....	180
Tên môn học: BÁO CÁO TỐT NGHIỆP .....	183
Tên môn học: CHĂM SÓC DƯỢC .....	185
Tên môn học: KỸ NĂNG BÁN HÀNG – MARKETING DƯỢC .....	190

